

HV
PCGH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT

4

Sách cấp I phổ cập

huongnaitruongxua.vn



VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TIẾNG VIỆT

4

(Biên soạn theo chương trình
phổ thông cấp I/Phổ cập)
(In lần thứ ba)

HV/PCGH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC 1994

Tổ chức biên soạn :
VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Biên soạn :
NGUYỄN TRÍ (Chủ biên - Tập đọc, Chính tả)
TRẦN MẠNH HƯƠNG (Tập làm văn)
LÊ HỮU TÌNH (Từ ngữ)
NGUYỄN QUANG NINH (Ngữ pháp)

Biên tập :
NGUYỄN NGHIỆP
Biên tập tại bàn :
HOÀNG PHÙNG

Biên tập kĩ thuật :
ĐOÀN HỒNG

Trình bày bìa :
HUY TUẤN

Minh họa :
TRIỆU KHẮC LỄ

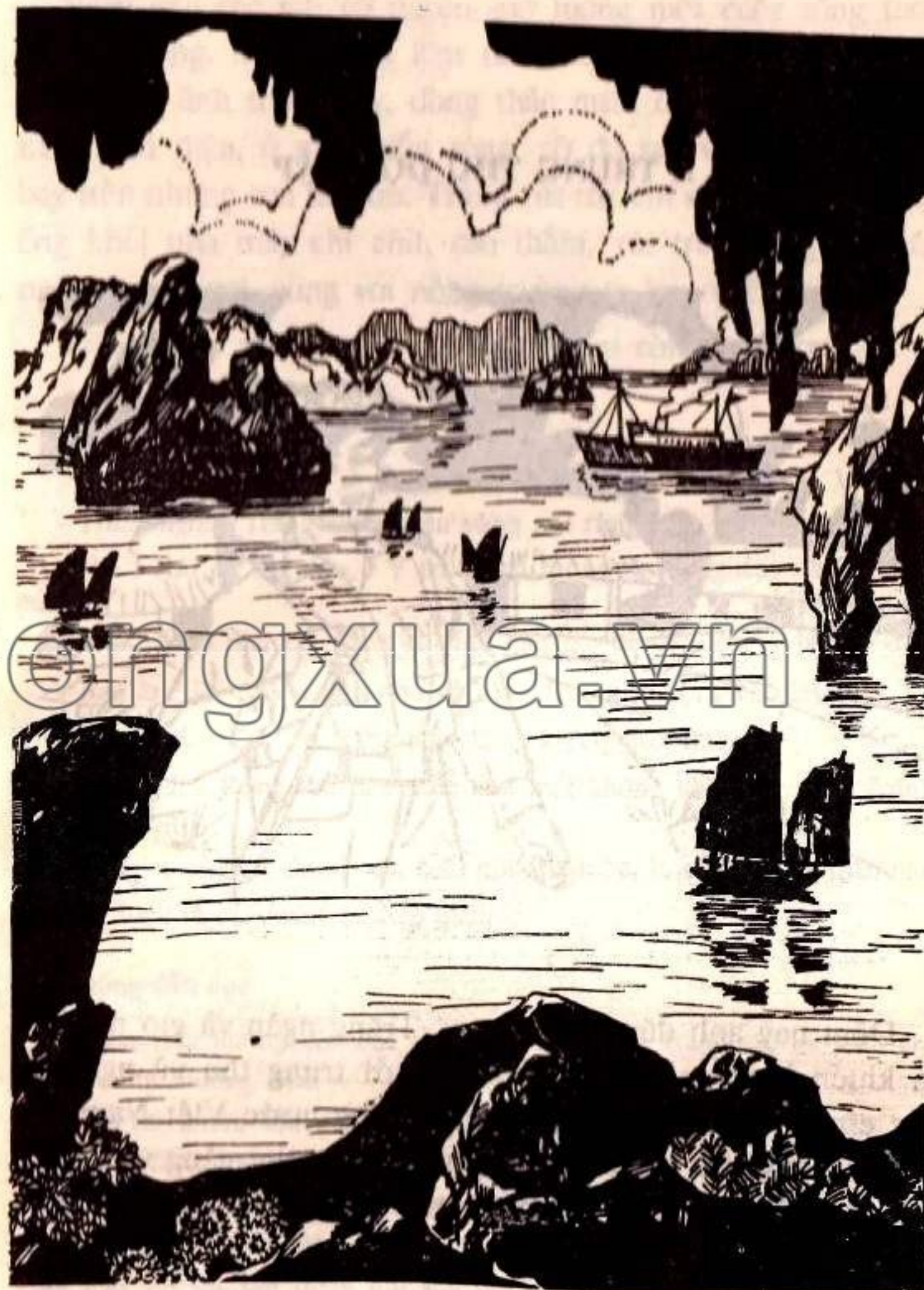
Biên tập kĩ thuật :
TÀO THANH HUYỀN

Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo chương trình phổ thông cấp I : phổ cập /
Nguyễn Trí, Trần Mạnh Hương, Lê Hữu Tình, Nguyễn Quang Ninh. - In lần thứ 3 -
H. : Giáo dục. 1994 - 224 tr ; 20,5

Mã số 4P401t4

4(V)(075)

Chủ đề : THIÊN NHIÊN



TẬP ĐỌC

1. TRUNG THU ĐỘC LẬP



Đêm nay anh đứng gác ở trại. Trăng ngàn và gió núi bao la khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu và nghĩ tới các em. Trăng đêm nay soi sáng xuống nước Việt Nam độc lập yêu quý của các em. Trăng sáng mùa thu vằng vặc chiếu khắp thành phố làng mạc, núi rừng, nơi quê hương thân thiết của các em ...

Anh nhìn trăng và nghĩ tới ngày mai ...

Ngày mai các em có quyền mơ tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mười mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện, ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thăm, rải trên đồng lúa bát ngát vàng thom, cùng với nông trường to lớn, vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá ! Trăng mai còn sáng hơn.

THÉP MỚI

Chú giải

- Trăng ngàn : Trăng chiếu trên vùng núi rừng.
- Rải : Rải ra, rải đều... Ý trong bài nói ánh trăng đẹp chiếu khắp mọi nơi.
- Trại : Khu nhà xây riêng có tính biệt lập để các đơn vị bộ đội ở.
- Bao la : Rộng lớn đến như vô cùng tận (biển rộng bao la).
- Man mác : Có tâm trạng lâng lâng, không xác định rõ.
- Bát ngát : Rộng lớn đến mức tầm mắt không nhìn hết được (cánh đồng bát ngát).
- Nông trường : Cơ sở sản xuất nông nghiệp, là sở hữu của toàn dân do nhà nước tổ chức và trực tiếp quản lí.

Hướng dẫn đọc

- Giáo viên hướng dẫn học sinh phát âm đúng, tránh các lỗi phát âm địa phương thường mắc.
- Bài có nhiều câu dài, các em cần ngắt hơi đúng chỗ khi đọc các câu đó. (Trăng ngàn và gió núi bao la / khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu / và nghĩ tới các em /.)
- Giọng đọc thiết tha sôi nổi, thể hiện rõ giọng người anh nói chuyện thân mật với các em thiếu nhi yêu quý. Ở đoạn I nhấn mạnh các từ tá

vẻ trong sáng, đẹp đẽ của trung thu độc lập như : *bao la, vàng vạc*. Ở đoạn 2, nhấn mạnh các từ ngữ nói lên lòng tin tưởng của anh chiến sĩ vào tương lai của đất nước như : *các em có quyền, các em sẽ thấy, cũng dưới ánh trăng này ...*

Tìm hiểu bài

1. Tìm các từ ngữ tả vẻ đẹp của trăng.
2. Những hình ảnh nào diễn tả ước mơ của anh chiến sĩ trong đêm trung thu độc lập.
3. Những ước mơ nào của anh chiến sĩ năm 1945 nay đã thành sự thật.

Luyện tập

1. Ta có thể thay "*có quyền mơ tưởng*" bằng "*có thể mơ tưởng*" hoặc "*nhìn mơ tưởng*" được không ? Tại sao ?
2. Tập đọc diễn cảm cả bài.

HỌC THUỘC LÒNG

2. ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan
Lòng riêng riêng những bàn hoàn
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng
Thuyền về trời đã rạng đông
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.

HỒ CHÍ MINH



Chú giải

- *Sông Đáy* : Tên một con sông ở Việt Bắc.
- *Bàn hoàn* : Có nhiều lo lắng, không yên lòng.
- *Giang san* : Đất nước.
- *Giang san Tiên Rồng* : Có truyền thuyết cho rằng người Việt Nam là con cháu của Rồng và Tiên. Do đó giang san *Tiên Rồng* chỉ đất nước Việt Nam.

Hướng dẫn đọc

- Chú ý đọc đúng nhịp 2 - 4 của hai câu thơ :
 - + Lòng riêng / riêng những bàn hoàn.
 - + Thuyền về / trời đã rạng đông.
- Đọc với giọng nhẹ nhàng cho phù hợp với cảnh sông đêm trăng vắng lặng và tình cảm của nhà thơ.

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ tả cảnh yên tĩnh của dòng sông trong đêm trăng.
2. Câu thơ nào diễn tả tâm trạng nhà thơ trong cảnh đêm yên tĩnh ? Đó là tâm trạng gì ?
3. Hai câu thơ cuối của bài thơ có ý nghĩa gì ?

Luyện tập

1. Đặt câu với các từ *lặng ngắt* và *vắng teo*.
2. Học thuộc cả bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

3. CON CHUỒN CHUỒN NƯỚC

Ôi chào ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như còn đang phân vân.

Rồi đột nhiên chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng. Chú bay lên cao hơn và xa hơn. Dưới tầm cánh chú, bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thắng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi. Còn trên tầng cao cánh chú là đàn cò đang bay, là trời trong xanh và cao vút...

NGUYỄN THẾ HỘI

Chú giải

- *Phân vân* : Nghĩ ngợi, chưa biết nên quyết định như thế nào.

BÀI ĐỌC THÊM

4. NHỮNG CÁNH BƯỚM BÊN BỜ SÔNG

Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm. Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhung bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lờ dờ như trôi trong nắng. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn, có hình đôi mắt tròn vè dử tợn. Bướm trắng bay theo đàn lú rú như hoa nắng. Loại bướm nhỏ đen kịt, là là theo chiều gió, hết như tàn than của những đám đốt nương. Còn lũ bướm vàng tươi xinh xinh của những vườn rau thì rụt rè, nhút nhát, chẳng bao giờ dám bay ra đến bờ sông. Chúng cứ quần quýt quanh màu vàng hoa cải và quanh những con đông tây xanh mọng nằm chờ đến lượt mình được hóa bướm vàng.

VŨ TÚ NAM

Chú giải

- *Lú rú* : nhỏ và dặt dứ nhau hàng đàn.
- *Con đông tây* : con nhộng của loài bướm.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Trung thu độc lập

(Đêm nay... thăm thiết của các em).

II - Viết đúng

- Việt Nam, yêu quý, quê hương.
- trại, trắng ngần, soi sáng, nghỉ, man mác, vắng vặc.

III - Luyện tập

1. Tìm những chữ viết hoa trong bài. Tại sao phải viết hoa những chữ ấy?

Viết hoa các tên sau :

cửu long, long an, minh hải, tây ninh, quảng ngãi, thừa thiên, nghệ an, hà tĩnh, lao cai, lai châu.

nguyễn văn hồng, đình kim dung, triệu tử long.

2. Điền vào chỗ trống ng hay ngh

- con ... ăn, ... c ... ong, ... chnh ... ang.

- ... lêng ... à, ... an ... am, ... ay ... ản.

- ... i lể, ... lêm trang.

TỪ NGỮ

Giang sơn - Đất nước

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Đọc và tìm những từ ngữ cùng nghĩa nói về *đất nước* trong hai dòng thơ sau :

"Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ
Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi"

(Tố Hữu)



*2. Em biết những từ ngữ, những câu văn, câu thơ nào nói về sự giàu đẹp của *giang sơn - đất nước* ? (Ví dụ : biển lúa, rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt...)

3. Tìm những từ ngữ nói về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta ? (Ví dụ : anh hùng, lá lành đùm lá rách...).

4. Nêu một vài di tích lịch sử trên đất nước ta mà em biết ? (Ví dụ : đền Hùng, thành Cổ Loa...)

II - Luyện tập

1. Em hiểu thế nào là một nước *độc lập* ?

2. "Rừng vàng biển bạc là của ta, do nhân dân ta làm chủ" (Hồ Chí Minh). Em hiểu thế nào là *rừng vàng biển bạc* ?

*3. Trong từ *giang sơn* thì *giang* có nghĩa là *sông*, *sơn* có nghĩa là *núi*. Em thử tìm những từ gốc Hán (Trung Quốc) khác có tiếng *sơn* với nghĩa như trên ? (Ví dụ : *sơn hà* ...)

4. Tìm những từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

Sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta vô cùng ... vì Tổ quốc ta đã giành được ... Cuộc sống của quê hương ta mỗi ngày một ..., những ống khói ... mọc lên chi chít, những ... vàng trải rộng mênh mông.

NGŨ PHÁP

TIẾNG VIỆT - CHỮ VIỆT

I - Bài học

1. Tiếng Việt

- Những người cùng chung một dân tộc thì có chung một tiếng nói.
- Mỗi dân tộc có một thứ tiếng nói riêng của mình.
- Tiếng Việt là tiếng nói của dân tộc Việt.
- Tiếng Việt được dùng làm tiếng nói chung cho các dân tộc anh em sống trên đất nước Việt Nam. Người Việt Nam nói tiếng Việt, vì thế tiếng Việt còn được gọi là *tiếng phổ thông*.

2. Chữ Việt

- Chữ viết dùng để ghi chép lại tiếng nói.
- Chữ viết ghi chép lại tiếng Việt được gọi là chữ Việt.
- Chữ Việt là chữ viết phổ thông của người Việt Nam.

GHI NHỚ

Tiếng Việt là tiếng nói của người Việt và cũng là *tiếng phổ thông* của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.
Chữ Việt là chữ viết ghi lại tiếng Việt.

II - Luyện tập

1. Người Việt Nam nói tiếng

2. Tiếng Việt là tiếng nói của người ...

3. Tiếng Việt là ...

4. Chữ Việt là ...

5. Tiếng dân tộc của người Mường là tiếng ...

Tiếng dân tộc của người Tày là tiếng ...

Ngoài ra, các dân tộc Mường, Tày còn dùng tiếng ... làm tiếng nói chung.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ ĐỒ VẬT

(Quan sát, tìm ý)

I - Đề bài

Hãy tả lại cây bút (cây viết) của em.

II - Yêu cầu

1. Cây bút của em có thể là cây bút máy, bút mực, bút bi....

Em hãy *quan sát* và *ghi lại* đặc điểm của cây bút (bút máy, bút mực, bút bi...) theo gợi ý dưới đây :

a) *Nhìn bao quát* : Bút mới hay cũ ? Hình dạng, kích thước ra sao ? (dài - ngắn, to - nhỏ bằng chừng nào ? ..)

b) *Quan sát kĩ từng bộ phận* :

- *Bên ngoài* : Nắp bút màu gì, nẹp cài bút thế nào ? Thân bút màu gì, có đặc điểm gì trên thân bút ? (nhấn bóng hay có vết xước, vết rạn nứt, v.v...).

- *Bên trong* : Phần thân bút gồm những bộ phận nào ? Ngòi viết (hoặc đầu bi) ra sao ? Ruột bi có đặc điểm gì nổi bật ?

c) *Dùng bút* : Khi cầm bút viết lên giấy, em thấy có cảm giác gì về ngòi bút (đầu bi) ? Em có nhận xét gì thêm về màu mực của bút trên giấy ?....

2. Lập dàn bài tả cây bút (cây viết) ở nhà theo ba phần của bài văn như sau :

Phần một : Mở bài

Giới thiệu cây bút sẽ tả : em có cây bút từ bao giờ, trong dịp nào ? (hoặc : lí do em có bút) ?

Phần hai : Thân bài

- Tả bao quát chung về cây bút.
- Tả từng bộ phận của cây bút theo một trình tự thích hợp (từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới.)

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ về cây bút của em (Bút giúp em những gì hoặc gợi cho em nghĩ đến kỉ niệm nào ? Em giữ gìn cây bút ra sao ? Em sẽ làm được những gì với cây bút đó...)

III - Ghi nhớ về tả đồ vật

Tả một đồ vật là dùng lời văn chân thực, có hình ảnh, cảm xúc, gợi cho người đọc thấy rõ đồ vật đó ra sao, gắn bó thế nào với người đang dùng hoặc làm ra nó.

Cần thực hiện tốt những điều sau :

1. *Quan sát kĩ, tỉ mỉ và tinh đề* nhận ra những nét nổi bật, đặc sắc của đồ vật.

2. *Sắp xếp các nét tả theo một trình tự hợp lí* (có phân biệt cái chính, cái phụ, cái đáng tả tỉ mỉ và cái chỉ tả sơ qua).

3. *Diễn tả bằng những từ ngữ, hình ảnh chính xác, gợi cảm* (gợi rõ được những cảm giác về mắt thấy, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi và có thể cả hờn nếm).

4. *Bộc lộ rõ những cảm nghĩ chân thật của mình* khi tiếp xúc hay sử dụng đồ vật đó (nên xen kẽ ở các nét tả và ở phần kết luận sao cho tự nhiên, đúng mức, tránh cách viết khuôn sáo, không đúng sự thật).

Tiết 2

TẢ ĐỒ VẬT

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Hãy tả lại cây bút (cây viết) của em.

II - Yêu cầu

Dựa vào dàn bài đã chuẩn bị và bài văn tham khảo ở mục III (đọc trước ở nhà), em tiến hành làm bài viết tại lớp.

III - Tham khảo (Bài văn tả cây bút mực)

Em thường ước ao có một cây bút máy, nhưng bố em bảo : "Nhà mình còn nghèo, con hãy dùng tạm bút mực, con ạ !". Rồi một hôm, bố em mua cho em một cây bút nhựa giống như bút máy.

Cây bút dài gần bằng một gang tay. Thân bút tròn, nhỏ nhắn, bằng ngón tay trẻ. Chết nhựa mới đúc vẫn còn thơm, nôm nắn bóng. Phần thân bút màu xanh lá cây, thon thon như búp măng. Nắp bút màu hồng, có nẹp cài cũng bằng nhựa. Mở nắp ra, em thấy ngòi bút sáng loáng hình lá tre, có mấy chữ rất nhỏ không nhìn rõ vì một phần ngòi bút cắm chặt vào quản rồng có cái chèn như nụ hoa. Chiếc ngòi bút được cắm vào quản như dao cắm vào cán.

Mỗi khi em lấy mực, một nửa ngòi bút đắm màu mực tím. Em viết lên trang giấy, nét bút trơn vạch những dòng chữ đều đặn, mềm mại. Khi viết xong, em lấy giẻ lau nhẹ ngòi bút cho mực khỏi khô kết lại. Rồi em tra nắp bút cho ngòi khỏi bị tõe trước khi cất bút vào cặp.

Đã mấy tháng rồi mà cây bút của em vẫn còn như mới. Bút đã cùng em làm việc chăm chỉ ngày ngày như chiếc cày của bác nông dân cày xới đồng ruộng cho khoai lúa tốt tươi.

(Theo bài của Nguyễn Văn Khiêm)

5. CON CÁO ĐẸP

Trong thời gian Lê-nin dưỡng bệnh, các đồng chí mời Người đi săn. Người cầm súng, nấp sau một gốc thông.

Thình lình, một con cáo xuất hiện. Lông cáo vừa mượt mà, vừa dài. Đuôi cáo ve vẩy, một màu hung đỏ lấp lánh.



Bỗng con cáo dừng lại cạnh nơi Lê-nin đứng. Cáo đánh hơi có người, nó chạy mất.

Các đồng chí hỏi Lê-nin sao không bắn cáo. Lê-nin mỉm cười trả lời :

–Thương lắm ! Con cáo đẹp quá !

Theo A.CÔ-RÔ-NÔP

Chủ giải

–Lê-nin : Lãnh tụ của nhân dân lao động toàn thế giới.

Hướng dẫn đọc

Đọc chậm, rõ, nhằm làm nổi lên cảnh Lê-nin và các bạn nấp đợi bắn cáo. Dừng lại nghỉ sau câu "Lê-nin mỉm cười trả lời" trước khi đọc câu trả lời của Lê-nin. Đọc 2 câu này nên hạ giọng ở các từ "lắm, quá" nhằm làm nổi rõ tình cảm của Lê-nin.

Tìm hiểu bài

1. Sự việc gì diễn ra khi Lê-nin đi săn ?
2. Câu trả lời của Lê-nin giúp em hiểu thêm điều gì về tính cách của Người ?
3. Cảm nghĩ của em sau khi đọc truyện này ?

Luyện tập

Em chọn một cảnh trong truyện và vẽ minh họa.

HỌC THUỘC LÒNG

6. TRĂNG LÊN

Kiều từ trở gót trướng hoa
Mặt trời gác núi, chiêm đầ thu không

Gương nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân
Hải đường là ngọn đông lân
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.

NGUYỄN DU

Chú giải

- Đoạn thơ này trích trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, nhà thơ lớn của nước ta vào nửa cuối thế kỉ 18 và đầu thế kỉ 19.

Kiều : Tức Thúy Kiều, nhân vật chính trong *Truyện Kiều*.

- *Trờ gót trướng hoa* : Ý nói trờ về buồng (nhà) của mình.

- *Thu không* : Ra hiệu đóng cổng thành vào lúc chập tối.

- *Gương nga* : Chỉ mặt trăng.

- *Dòm song* : Nhìn qua cửa sổ (ý nói : ánh trăng chiếu qua cửa sổ).

- *Đông lân* : Nhà hàng xóm phía đông.

Hướng dẫn đọc

Đọc thông thả, rõ, theo đúng nhịp thơ 2/2, chú ý các dấu phẩy.

Tìm hiểu bài

1. Căn cứ vào đâu đoạn thơ được đặt tên là "Trăng lên" ?
2. Em hãy tả lại bằng lời của mình cảnh vật trong câu thơ thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu.
3. Hình ảnh, từ ngữ nào diễn tả trăng sáng và cảnh vật rất đẹp.

Luyện tập

Học thuộc lòng đoạn thơ trên.

BÀI DỌC THÊM

7. CẢNH MÙA HÈ

Thềm hoa xinh đẹp bóng ngày dài
Song bắc mùi sen gió thoảng bay
Mưa tạnh, vườn cây màu biếc rù
Tiếng ve chiều tối rộn bên tai.

TRẦN THÁNH TÔNG

Chú giải

- *Trần Thánh Tông* : Vua thời Trần (thế kỉ 13).

- *Song bắc* : Cửa sổ mở về hướng bắc.

- *Màu biếc* : Chỉ tán lá cây cối màu xanh tươi thắm.

- *Toàn bài ca ngợi cảnh sắc mùa hè*: có hoa sen nở, có mưa rào, cây cối xanh tươi như tấm màn biếc, có tiếng ve sầu kêu rộn rã.

BÀI DỌC THÊM

8. RỪNG CỌ QUÊ TÔI

Chẳng có nơi nào như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không hề quật ngã. Búp cọ vượt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trỗi, lá đã xò sát mặt đất. Lá cọ tròn xò ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lóa nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn, chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp tôi đi trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xòe ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng, bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.

Quê tôi có câu hát :

Dù ai đi ngược về xuôi

Cơm nắm lá cọ là người sông Thao

Người sông Thao đi đâu, rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình.

Theo NGUYỄN THÁI VẬN

Chú giải

Sông Thao : Tên gọi khúc sông Hồng thuộc khu vực tỉnh Vĩnh Phú.

CHÍNH TÀ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Đi thuyền trên sông Dáy

(Viết cả bài)

II - Viết đúng

- Thuyền, vắng teo, riêng.
- Dòng sông, trắng, chạy, cút két, rang đông, nhuộm.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống c hay k

- ...ót ...ét, ...iêu ...i, ...a hát, ...i quai.

2. Điền vào chỗ trống g hay gh

- con ...à, ...i chếp, ...ê ...óm,

- cái... ò, cái... im,... ép cây,

TỪ NGỮ

Thiên nhiên

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"

(Nguyễn Du)



Tìm những từ ngữ, tả cảnh thiên nhiên tươi đẹp trong câu thơ trên?

2. Em hãy tìm một số từ ngữ nói về bầu trời vào ban ngày ? (Ví dụ: mây bay, nắng toà...) ban đêm (trăng sáng...)

3. Thay từ in nghiêng trong các tập hợp từ dưới đây bằng những từ ngữ cùng nghĩa, gần nghĩa :

- Cánh đồng rộng (Ví dụ: Cánh đồng bao la...)
- Bầu trời cao (Ví dụ: Bầu trời thăm thẳm...)
- Dãy núi dài (Ví dụ: Dãy núi trùng điệp ...)

*4. Tìm một số từ ngữ diễn tả mức độ, tính chất của gió ? (Ví dụ: Gió hiu hiu, gió rít...)

II - Luyện tập

*1. Em hiểu nghĩa các từ : *xanh om, tròn xoe, trắng xóa, phẳng lặng* trong hai dòng thơ sau như thế nào ?

"Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ"

(HỒ XUÂN HƯƠNG)

2. Trong bài văn tả cảnh thiên nhiên, có người viết những câu như sau :

a) Những cánh rừng cao su thăm thẳm như những cái hang động màu ngọc bích.

b) Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc bích.

Em hãy chỉ ra những từ ngữ, những cách so sánh không thích hợp trong hai câu trên, rồi sửa lại cho đúng ?

3. Chọn từ thích hợp trong các từ : *riu rít, rì rào, rập rờn, hiu hiu, lơ lửng, um tùm* ghép vào sau mỗi từ ngữ dưới đây để tả cảnh thiên nhiên :

Chim chóc

Cây cối

Ông bướm

Ngon gió

Cây đa

Cánh diều

4. Đặt câu với mỗi từ sau : *lồng lộng, uốn khúc, xanh om, trắng xóa*.

NGỮ PHÁP

CÂU VÀ TỪ - TỪ, TIẾNG VÀ CHỮ

I - Bài học

1. Câu

Câu là phương tiện để trao đổi, giao tiếp. Nói, viết phải thành câu thì người nghe, người đọc mới hiểu được.

Ví dụ :

a. Cái bàn này

b. Cái bàn này nặng lắm.

(a) Chưa phải là câu.

(b) Đã là một câu.

Khi đọc, cuối mỗi câu phải nghỉ hơi. Khi viết, chữ cái đầu câu cần phải viết hoa và cuối câu có một dấu chấm câu phù hợp.

2. Từ

Câu phân ra thành nhiều từ. Từ phải có ý nghĩa.

Ví dụ :

Buổi sáng / sương muối / phủ / trắng / cành cây / bãi cỏ (câu này do 6 từ hợp lại).

Từ dùng để đặt câu. Câu gồm các từ kết hợp với nhau và diễn đạt được một ý tương đối trọn vẹn.

3. Tiếng

Từ có thể do một tiếng, hai tiếng hoặc ba tiếng tạo thành.

Ví dụ :

- Từ "phủ", "trắng" gồm một tiếng.

- Từ "buổi sáng", "sương muối" gồm hai tiếng.

4. Chữ

Mỗi tiếng được viết thành một chữ. Mỗi chữ được đọc thành một tiếng.

Ví dụ :

- Từ "sương muối" gồm 2 tiếng "sương" và "muối", mỗi tiếng lại được ghi thành một chữ : chữ "sương" và chữ "muối".

GHI NHỚ

Câu dùng để giao tiếp. Nói, viết phải thành câu thì mọi người mới hiểu được. Câu do từ kết hợp lại mà thành, mỗi câu diễn đạt được một ý tương đối trọn vẹn.

Từ bao giờ cũng có nghĩa và dùng để đặt câu. Từ có thể phân ra thành tiếng. Mỗi tiếng được viết thành một chữ.

II - Luyện tập

1. Đọc và đếm xem đoạn văn dưới đây có bao nhiêu tiếng, viết thành bao nhiêu chữ, có bao nhiêu câu :

Những ngày nghỉ học, chúng tôi thường rủ nhau ra cánh đồng tìm bắt dế chọi. Trong túi áo đứa nào cũng có sẵn bốn năm chiếc vỏ bao diêm. Toàn có đôi tai thính như tai mèo và bước chân êm, nhẹ như thỏ nhảy. Cậu ta nổi tiếng là tay bắt dế chọi lành nghề.

2. Hãy chia đoạn văn sau đây thành từng câu, đặt dấu chấm vào cuối câu và viết hoa chữ cái đầu câu :

Trời nắng chang chang tiếng tu hú gần xa ran ran hoa ngô xơ xác như cỏ may lá ngô quắt lại rủ xuống những bắp ngô đã mập và chắc chỉ còn chờ tay người đến bẻ mang về.

3. Hãy viết một đoạn văn và đếm số câu, số tiếng và chữ trong đoạn văn đó (Bài tập làm ở nhà).

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ ĐỒ VẬT (Trá bài)

I - Đề bài

Hãy tả lại cây bút (cây viết) của em.

II - Yêu cầu

Dựa vào nhận xét, hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo), em đối chiếu với bài làm của mình và rút ra kinh nghiệm về những mặt sau :

- Quan sát, tìm ý cho bài viết (ưu điểm, khuyết điểm).
- Trình bày ba phần của bài văn (Mở bài - Thân bài - Kết luận).
- Diễn đạt các ý trong bài (chính tả, dùng từ, đặt câu).

Tiết 2

TẢ ĐỒ VẬT (Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Hãy tả tấm lịch treo trên tường nhà em (hoặc ở một nơi nào khác).

II - Yêu cầu

1. Quan sát và lập dàn bài (viết thành những ý cụ thể) theo gợi ý sau :

Phần một : Mở bài

Giới thiệu tấm lịch sắp tả : của ai, treo ở đâu ? Lịch được mua hay tặng vào dịp nào ?

Phần hai : Thân bài

a) Tả bao quát toàn bộ tấm lịch

- Lịch đó thuộc loại gì ? (Lịch bóc từng ngày hay lịch tháng, có một tờ tranh hay nhiều tờ tranh).

- Hình dạng, khuôn khổ, màu sắc có gì đáng chú ý ?

b) Tả chi tiết từng bộ phận của tấm lịch

(Chọn một trong hai loại lịch sẽ tả)

- Lịch ngày (có bộ giấy lịch in tên từng ngày trong một tháng, cả năm, xếp thành khối hộp chữ nhật - thường gọi là "lốc").

+ Bìa lịch dày hay mỏng, làm bằng gì ? Tranh ảnh, màu sắc, chữ in trên bìa lịch trình bày ra sao ? Nhìn tranh ảnh, em có cảm xúc gì ?

+ "Lốc" lịch có hình dạng thế nào, kích thước to nhỏ ra sao ? Các tờ lịch có đặc điểm gì (dày - mỏng, trắng - không trắng, sờ vào mặt trước, mặt sau, em thấy thế nào...) ? Nội dung và cách trình bày ở tờ lịch (chữ và số ở phần dương lịch, phần âm lịch) ? Những ngày nào thì tờ lịch có màu đỏ ? Em có cảm xúc gì khi thấy tờ lịch đỏ ?...

- Lịch tháng (có một tờ hoặc nhiều tờ khổ rộng).

+ Phía trên cùng (mép lịch) có vật gì nổi bật, tác dụng của vật đó.

+ Tờ lịch in trên loại giấy thế nào (dày - mỏng, trắng, nhẵn ra sao...)? Tranh ảnh, màu sắc trên mặt lịch có gì đáng chú ý? (Nếu lịch có nhiều tờ, cần tả rõ nội dung từng tranh và dừng lâu ở tranh ảnh nào làm em thích thú).

+ Phần trình bày lịch của từng tháng có gì nổi bật (Cột số về ngày trong tháng, tuần lễ trong tháng, chữ số - màu mực...)?

Phần ba : Kết luận

Nêu cảm nghĩ của em về lợi ích của tấm lịch, về việc sử dụng ngày giờ thế nào cho khỏi phí hoài?

2. Dựa vào dàn bài cụ thể, em hãy tập diễn đạt thành lời và trình bày ở lớp (nói từng phần, nói cả bài).

TUẦN LỄ THỨ BA

TẬP ĐỌC

9. CÁ HEO Ở BIỂN TRƯỜNG SA

Đêm trăng. Biển yên tĩnh...

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo. Buổi văn nghệ đang đầy ắp tiếng cười, bỗng biển có tiếng động mạnh, nước đập ùm ùm như có người tập bơi. Một người kêu lên: "Cá heo!". Thì ra cá heo thấy chiến sĩ hò hát vui quá, gọi nhau quây quần đến quanh tàu để chia vui.



Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được cồ vũ. Anh em ủa ra vỗ tay hoan hô "A! Cá heo nhảy múa đẹp quá!" Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao, có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước đến một mét. Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng.

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng :

- Có đau không chú heo ? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu.

Anh ta vuốt ve con cá rồi thả xuống nước. Cả đàn cá quay ngay lại, quay đầu về phía boong tàu, nhảy vung lên một cái như đề cảm ơn rồi tò ra biển rộng.

Theo HÀ ĐÌNH CẦN

Chú giải

- *Trường Sa* : Tên một quần đảo của Việt Nam ở vùng biển phía đông nam, thuộc tỉnh Khánh Hòa

- *Cá heo* : Động vật có vú sống ở biển, rất dễ huấn luyện.

- *Cồ vũ* : Động viên gây phấn khởi.

- *Boong* : Sàn lộ thiên ở hai bên, ở mũi và ở cuối tàu thủy.

Hướng dẫn đọc

1. Phát âm đúng tiếng *boong* (giống như : cái xoong, chuông kêu boong boong)

2. Đọc đúng ngữ điệu các câu :

- "A! Cá heo nhảy múa đẹp quá!" (giọng reo vui).

- "Có đau không chú heo?"... (giọng âu yếm, vỗ về).

Tìm hiểu bài

1. Tìm các từ tả hoạt động của cá heo chứng tỏ "Cá heo giống tính trẻ em".

2. Những từ *nâng* (nâng con cá lên hai bàn tay), *nựng* (nói nựng), *vuốt ve* diễn tả tình cảm gì của anh chiến sĩ hải quân đối với con cá heo bị nạn ?

Luyện tập

Khi giới thiệu cảnh, người ta có thể viết những câu ngắn như "Đêm trăng. Biển yên tĩnh". Em hãy viết ba câu ngắn nối tiếp nhau để giới thiệu cảnh buổi sáng hoặc đêm trăng nơi em ở.

HỌC THUỘC LÒNG

10. MƯA XUÂN TRÊN BIỂN

Mưa xuân trên biển thuyền yên bãi

Tôm cá chắc đây phiên chợ mai

Dánh cá, thuyền về dăm khóm đỗ

Biển xa, thăm thẳm vệt mưa dài.

Thuyền đậu, thuyền đi hạ kín mũi

Lừa thừa mưa biển ẩm chân trời

Chiếc tàu chờ cá về bến cảng

Khói lẩn màu mây tường đảo khơi.

Em bé thuyền ai ra dờn nước

Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm

Biển bằng không có dòng xuôi ngược

Cơm giữa ngày mưa gạo trắng thơm.

HUY CẬN

Hướng dẫn đọc

Toàn bài cần đọc với giọng êm nhẹ.

Nhịp thơ phổ biến là nhịp 4-3.

Tìm hiểu bài

1. Hãy tả lại bằng lời của em hình ảnh nêu trong câu thơ : "Biển xa, thăm thẳm vệt mưa dài "
2. Câu thơ : "Lúa thừa mưa biển ẩm chân trời" tả cảnh mưa xuân trên biển. Tìm các tiếng có vần "ưa". Việc lấy lại vần "ưa" trong câu thơ trên có tác dụng gì ?
3. Mưa xuân gợi lên cảnh no ấm. Những câu thơ nào nói lên điều đó ?

Luyện đọc

1. Đọc diễn cảm bài thơ.
2. Học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

11. ĐÁM MA BÁC GIUN

Bác giun đào đất suốt ngày
Trưa nay chết dưới bóng cây sau nhà
Họ hàng nhà kiến kéo ra
Kiến con đi trước, kiến già theo sau
Cầm hương kiến đất bạc đầu
Khóc than kiến cánh khoác màu áo tang
Kiến lửa đốt đuốc dò làng
Kiến kim chống gậy, kiến càng nặng vai
Đám ma đưa đến là dài
Qua những vườn chuối, vườn khoai, vườn cà
Kiến đen uống rượu la đà
Bao nhiêu kiến gió bay ra chia phần.

TRẦN ĐĂNG KHOA

BÀI ĐỌC THÊM

12. BÀI CA BẮT CÁ

Ơ ! Em !
Anh quăng chài ba lớp
Anh thả lưới ba vòng
Được con cá đầu mang ngọc
Được con chình đuôi có hoa
Anh mang tới làm quà cho em...

Ơ em ơi !
Anh thả câu
Ưng được cá bầu thành đàn trắng nước
Anh chụp nơm
Anh muốn được cá to
Măng mọc dài bốn đốt
Lột bẹ ngoài cho gió vuốt da non
Măng bốn đốt dựng cột lá xanh tươi
Hoa cải rực vàng
Cây rừng soi gương mặt suối
Suối của ta, tung tăng cá lội
Rừng của ta, rộn ràng chim ca
Ơ, ta nhớ bãi gành lưng đồi
Nhớ cát bồi trắng dọc bờ sông
Nhớ những bữa ta đắp bờ moi cát
Quăng lưới vòng bắt cá đêm trăng !...

Dân ca dân tộc Hmông
(KA-LÊ-VI, MA-LẮC sưu tầm và dịch)

CHÍNH TẢ

Chính tả (so sánh)

(Tiết dành cho từng địa phương biên soạn. Sau đây là một bài gợi ý).

Phân biệt : *ch* và *tr*.

I - Bài viết

TRĂNG LÊN

Kiều từ trở gót trướng hoa
Mặt trời gác núi, chiêm đầ thu không ?
Gương nga chênh chếch dôm song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân
Hải đường là ngọn đông lân
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.

II - Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu *ch* ghi bằng con chữ *ch*.
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu *tr* ghi bằng con chữ *tr*.

III - Phân biệt *ch* và *tr* :

<i>ch</i>	<i>tr</i>
1. chú (chú bác, chú ý, chú thích, chú trọng)	- trú (trú ẩn, trú chân, tạm trú)
2. chiều (buổi chiều, chiều gió, chiều chuộng)	- triều (thủy triều, triều đình)
3. chung (chung quanh, chung kết)	- trung (trung bình, trung thành, trung thu)
4. chí (ý chí, quyết chí)	- trí (trí thức, trí tuệ)

IV - Luyện tập

1. Điền *ch* hay *tr* vào chỗ trống :

- ...a tôi ngồi ...ên ...ông ...e nói ...uyện ...ồng ...uối với ...ú ...ín.
- ...ra đến ...ra mà ...ời đã nắng ...ang ...ang.

2. Bài tập vui

a) Đặt một câu ngắn trong đó nhiều tiếng có phụ âm đầu *ch* được ghi bằng con chữ *ch* (nhưng không có tiếng nào có phụ âm đầu *tr* ghi bằng con chữ *tr*)

Ví dụ : Chú Chín chiều Chính, cho cháu một quả chuối chín.

b) Cũng làm như vậy với các tiếng có phụ âm đầu *tr* được ghi bằng con chữ *tr*.

Ví dụ : Trường trung học Trưng Trắc trồng tre trên đồi trọc.

TỪ NGỮ

Biển cả

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Đọc và tìm những từ ngữ nói về biển trong đoạn văn sau : "Biển rất đẹp ! Buổi sáng, nắng sớm trùm trên mặt biển... Những cánh buồm trắng trên biển được nắng sớm chiếu vào sáng rực lên, ở xa trông như đàn bướm trắng lượn giữa trời xanh".

(Vũ Tú Nam)

2. Tìm những từ ngữ nói về địa thế vùng biển mà em biết ?

(Ví dụ : cửa biển...).

- *3. Nêu những từ ngữ chỉ những hiện tượng thời tiết ở biển ?

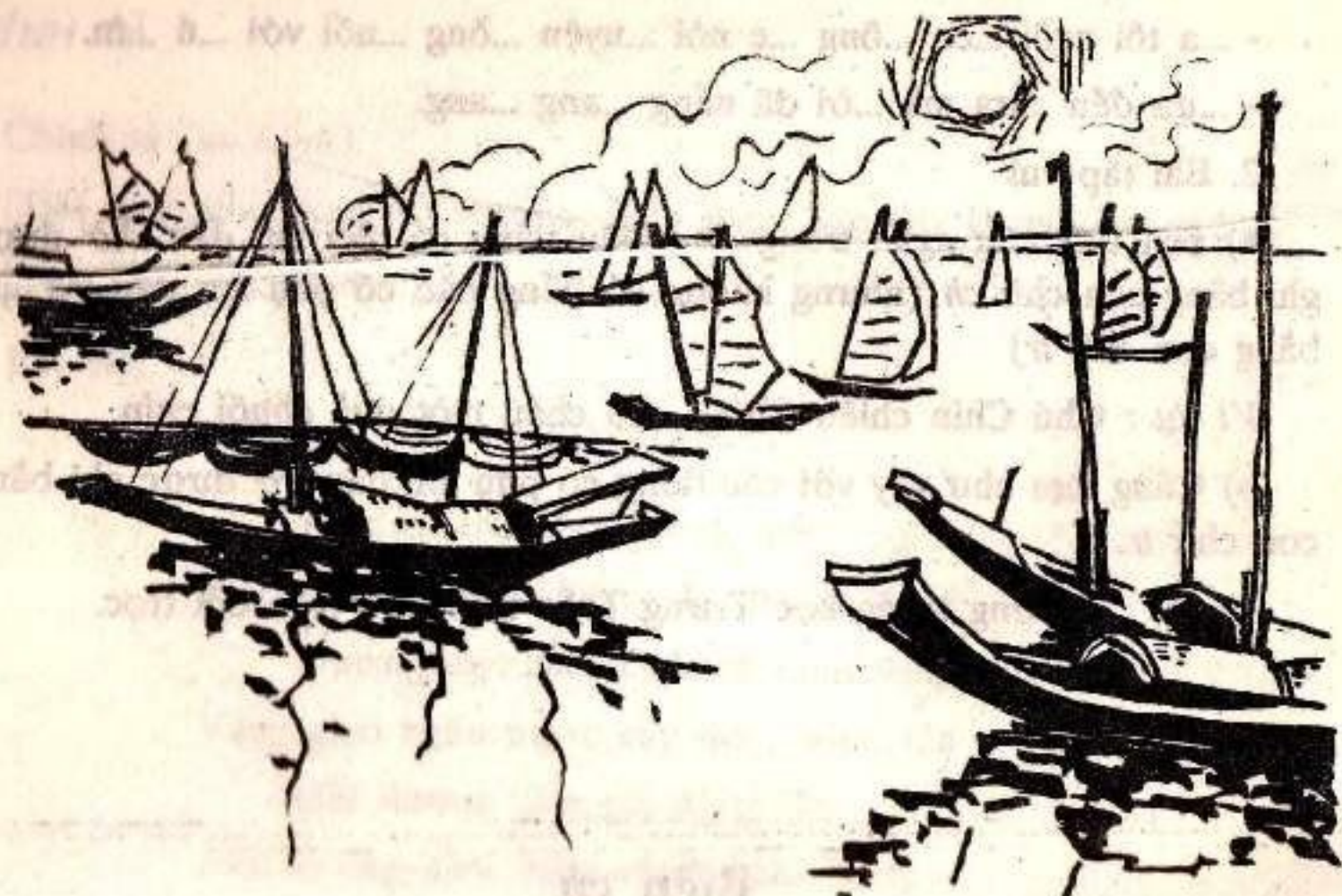
(Ví dụ : bão biển...).

4. Tìm những từ ngữ nói về sinh vật sống ở biển ?

(Ví dụ : hải âu ...).

II - Luyện tập

1. Em hãy cho biết cơn gió như thế nào thì được gọi là cơn lốc ?



2. Trong câu : "Các chiến sĩ hải quân ngày đêm canh giữ vùng biển của Tổ quốc, không cho kẻ địch xâm phạm đến hải phận của nước ta", nghĩa của các từ *hải quân*, *hải phận* là gì ? (*hải* có nghĩa là "biển").

3. Tìm các từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau :
... nước ta dài và hình cong như chữ S, có nhiều ... đẹp dùng làm bãi tắm rất tốt.

Đọc bờ biển nước ta lại có rất nhiều ... lớn tàu biển có thể ra vào dễ dàng, thuận tiện.

... mát rượi là liều thuốc hồi sức tuyệt diệu cho người lao động sau những tháng ngày làm việc vất vả.

Và ... dạt dào là tiếng nói tâm tình của biển cả với con người đã hàng chục vạn năm qua.

*4. Quan sát tranh rồi viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6-8 câu) miêu tả cảnh biển.

NGỮ PHÁP

CÁC BỘ PHẬN CỦA TIẾNG NGUYÊN ÂM VÀ PHỤ ÂM

1. Bài học

1. Các bộ phận của tiếng

Tiếng gồm ba bộ phận kết hợp lại :

ÂM ĐẦU - VẦN - THANH

Ví dụ :

Tiếng "dã" có âm đầu là âm "đờ" vần là "a" và thanh huyền (ˊ).

Hai bộ phận vần và thanh tiếng nào cũng phải có. Âm đầu có tiếng có, tiếng không.

Ví dụ : Tiếng "ờ" không có âm đầu, chỉ có vần "ơ" và thanh hỏi (?).

2. Nguyên âm và phụ âm

Các bộ phận của tiếng đọc lên nghe thành âm.

Ví dụ :

Vở - lết - viết - năng - viết - viết

Vở là âm đọc lên của bộ phận âm đầu v

lết là âm đọc lên của bộ phận vần lết

Các loại âm được chia thành nguyên âm và phụ âm.

Âm đầu của tiếng bao giờ cũng là phụ âm. Âm chính của vần bao giờ cũng là nguyên âm.

GHI NHỚ

Tiếng gồm ba bộ phận : âm đầu, vần và thanh. Vần và thanh tiếng nào cũng phải có.

Bộ phận của tiếng đọc lên nghe thành âm. Bộ phận âm đầu của tiếng bao giờ cũng là phụ âm. Âm chính của vần bao giờ cũng là nguyên âm.

II - Luyện tập

1. Em hãy chỉ ra các bộ phận của từng tiếng trong câu thơ sau :

Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

(Nguyễn Du)

2. Hãy kể một vài tiếng không có âm đầu mà em biết.
- *3. Em hãy chỉ ra các nguyên âm và phụ âm trong câu thơ sau :

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ ĐỒ VẬT

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Hãy tả tấm lịch treo trên tường nhà em (hoặc ở một nơi nào khác).

II - Yêu cầu

Đọc trước mục III (Tham khảo) ở nhà để tiến hành làm bài viết trên lớp. Viết xong, em cần đọc lại bài và sửa chữa, bổ sung chỗ cần thiết.

III - Tham khảo

1. Tả tấm lịch ngày (một đoạn phần thân bài) :

... Bìa lịch là một tấm các-tông dày, cứng dờ, hình chữ nhật, chiều dọc đo được bốn mươi cen-ti-mét, chiều ngang hai mươi nhăm cen-ti-mét.

Phía trên cùng có một lỗ tròn viền nhôm để móc vào đinh treo. Giấy bao kín mặt lịch màu da cam óng ả làm nền đóng khung lấy bức ảnh chụp một em bé gái đang hát. Mái tóc em bé đen nhánh có chiếc nơ

hồng tết ở một bên. Khuôn mặt em bụ bẫm, đôi má phính, cặp mắt mở to long lanh, miệng cười chum chím.

(Theo bài của em Đặng Dương Anh)

2. Tả quyển lịch tháng (một đoạn phần thân bài)

... Cả quyển có bảy tờ giấy láng trắng dày, in một mặt khổ lớn. Bề dọc bốn mươi nhăm cen-ti-mét, bề ngang ba mươi cen-ti-mét. Các tờ lịch gắn với nhau ở mép trên, chỗ có hàng lỗ đục đều tăm tắp. Một sợi nilông cứng, tím mấp bằng hai thân que tăm, uốn thành lò xo luồn qua các lỗ đục ấy. Ngoài tờ bìa mang dòng chữ "- Chúc mừng năm mới" còn sáu tờ tranh in cảnh đẹp của đất nước, mỗi tờ kèm theo lịch của hai tháng. Lật giở từng tờ, xem kĩ từng cảnh đẹp. Đây dòng suối Lê-nin trong vắt chảy trước cửa hang Pác Bó hùng vĩ. Ánh mặt trời tỏa xuống suối lấp lánh. Còn đây, cảnh hoa ban nở trắng xóa trên núi rừng biên giới. Tờ này chụp ảnh vịnh Hạ Long, những hòn đảo muôn hình muôn vẻ dưới nắng hè. Tờ kia mệnh mông xanh màu trời vùng biển Nha Trang lặn tăn sóng gợn. Bên tháp chùa Thiên Mụ cổ kính, cô gái Huế duyên dáng với chiếc áo dài tím và chiếc nón bài thơ. Trên bến cảng Nhà Rồng - nơi xưa kia Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước - một tòa nhà - nhiều tầng đồ sộ lộng lẫy soi mình trên mặt nước.

(Theo bài của em Nguyễn Thị Mai Hương)

Tiết 2

TẢ ĐỒ VẬT

(Trả bài)

I - Đề bài

Hãy tả tấm lịch treo trên tường nhà em (hoặc ở một nơi nào khác).

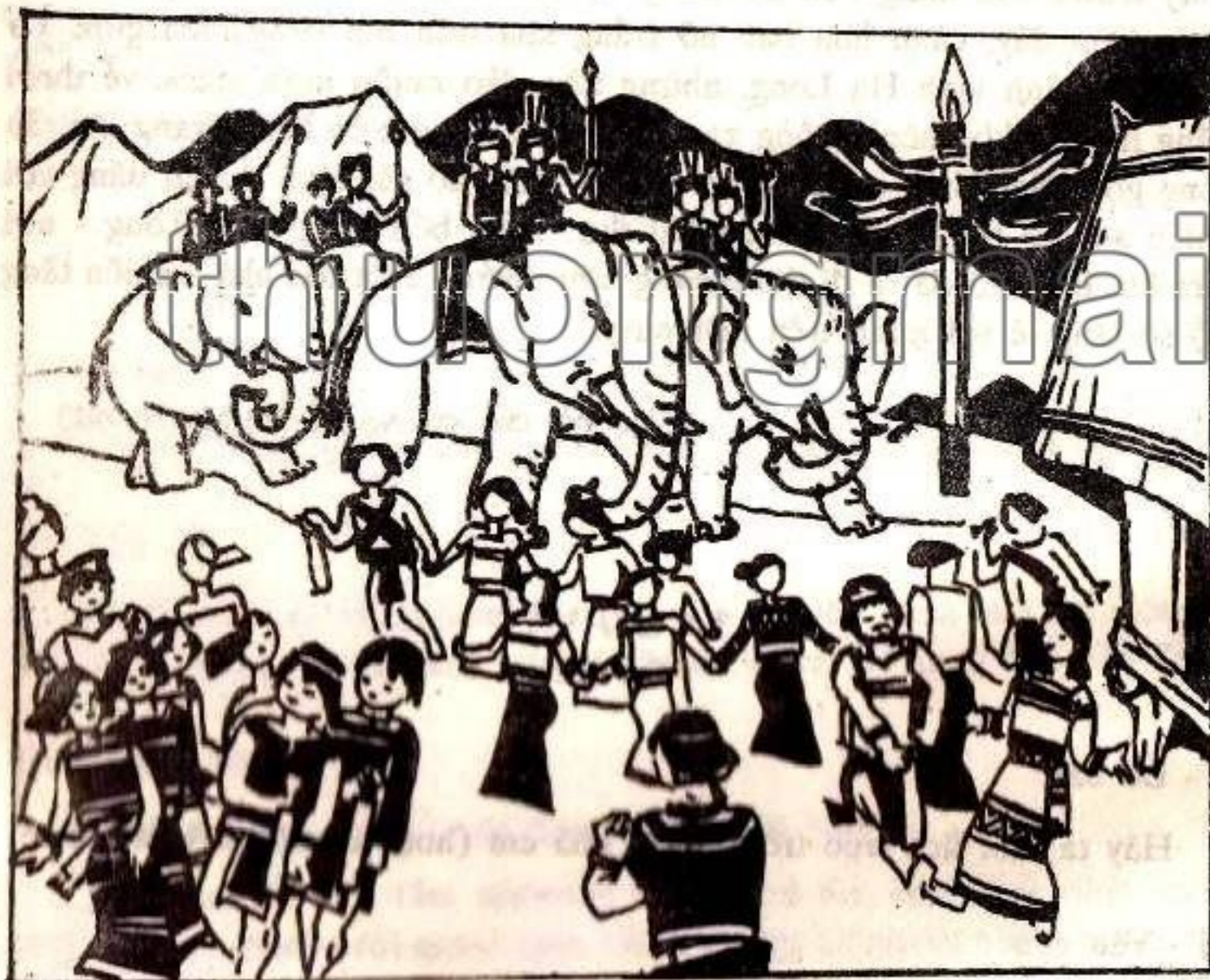
II - Yêu cầu

Dựa vào nhận xét, hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo), em đối chiếu với bài làm của mình và rút kinh nghiệm về các mặt như đã nêu ở tiết trả bài kì trước.

TẬP ĐỌC

13. NGÀY HỘI ĐUA VOI Ở TÂY NGUYÊN

Hằng năm, cứ đến mùa xuân, tiết trời ấm áp thì đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.



Trường đua voi là một đường rộng, phẳng lì dài hơn năm cây số. Chiêng khua, trống đánh vang lừng. Voi đua từng tốp mười con dân hàng ngang ở nơi xuất phát. Trên lưng mỗi con ngồi hai chàng "man-gát". Người ngồi phía trên cổ, có vuông vải đỏ thắm ở ngực. Người ngồi trên lưng mặc áo xanh da trời. Trông họ rất bình tĩnh vì họ thường là những người phi ngựa giỏi nhất trong các cuộc săn trâu bò rừng.

Đến giờ xuất phát, chiêng trống nổi lên thì cả mười con voi lao đầu chạy. Cái dáng lăm lăm chậm chạp thường ngày bỗng dưng biến mất. Cả bầy hăng máu phóng như bay. Bụi cuốn mù mịt. Những chàng "man-gát" phải rất gan dạ và khéo điều khiển cho voi mình về đúng đích.

Những chủ voi chạy đến đích trước tiên đều ghìm đà, hươ vọt chào khán giả đã nhiệt liệt cổ vũ, khen ngợi chúng.

Theo LÊ TẤN

Chú giải

- Man-gát / Người điều khiển voi.
- Đườn / Làng của đồng bào Tây Nguyên.
- Cổ vũ / Tác động mạnh đến tinh thần (thường là của số đông) làm cho hăng hái, phấn chấn mà hoạt động tích cực hơn lên.

Hướng dẫn đọc

Đọc sôi nổi đoạn tả cuộc thi "Đến giờ xuất phát... đúng đích".

Tìm hiểu bài

1. Bài văn tả cảnh sinh hoạt này có thể chia làm mấy phần. Mỗi phần nên đặt tiêu đề thế nào ?
2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả người và vật trước lúc đua voi.
3. Các từ ngữ nào diễn tả cảnh đua voi sôi nổi.

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ sau đây : *tưng bừng, vang lừng, lẫm li, trở tài.*

HỌC THUỘC LÒNG

14. ĐỘNG HƯƠNG TÍCH

Bầu trời, cảnh bụt,
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay !
Kìa non non, nước nước, mây mây.
"Đệ nhất động" hỏi rằng đây có phải ?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lừng lờ khe Yến cá nghe kinh....



Nhác trông lên ai khéo họa hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.
Chừng giang sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt ?...

CHU MẠNH TRINH
(Lược trích)

Chú giải

• *Hương Tích* : Tên một hang đá sâu và rộng (động), cảnh đẹp nổi tiếng ở nước ta, thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

• *Cảnh bụt* : Ở Hương Tích có chùa Hương. Hằng năm về mùa xuân, người ở các nơi đến thăm phong cảnh và lễ Phật rất đông.

• *Đệ nhất động* : Người xưa gọi động Hương Tích là "Nam thiên đệ nhất động" có nghĩa là : động đẹp nhất trời Nam.

• *Khe Yến* : Dòng suối thuộc làng Yến Vi (Mỹ Đức - Hà Tây).

• *Đá ngũ sắc* : Đá năm màu.

• *Tạo hóa* : Trời đất, thiên nhiên.

Hướng dẫn đọc

Chú ý đọc đúng nhịp của các câu thơ nhằm làm nổi rõ nhạc điệu của bài.

Ví dụ :

Bầu trời / cảnh bụt

Thú Hương Sơn / ao ước / bấy lâu nay

Kìa non non / nước nước / mây mây

Tìm hiểu bài

1. Trong hai câu thơ :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lừng lờ khe Yến cá nghe kinh

từ nào làm cho cảnh vật sống động ?

2. Những câu thơ nào diễn tả niềm tự hào của tác giả khi ngắm động Hương Tích ?

Luyện tập

1. Đặt câu với mỗi từ sau : *thăm thẳm, gập ghềnh*.
2. Học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

15. BÀI CA SĂN VOI

Ta mời những chàng đi săn thuở trước
Chàng Bơ Nang, thợ săn giỏi đã mất,
Chàng Rơ Giao, thợ săn tài đã khuất
Những thợ săn kì cựu nhất xưa kia
Những bậc thầy dạy dân săn voi rừng
Chờ để chúng tôi về làng tay không !

Voi đi bên đông
Mong cho nó khỏe
Voi đi bên tây

Cầu cho nó mạnh
Dừng cho cái ngà nó gãy
Dừng cho cái móng nó trầy
Sao cho nó chẳng ốm chẳng gầy...
Giờ đây ta những cầu mong
Sao cho thành thợ giỏi trong, giỏi ngoài
Bắt được voi nghìn voi trăm
Như những chàng thợ săn thuở trước
Như những bậc săn tài thuở xưa
Như chàng Bơ Nang, thợ săn giỏi đã mất
Như chàng Rơ Giao, thợ săn tài đã khuất.

Dân ca dân tộc Mơ nông
(VÕ QUANG NHƠN sưu tầm, dịch)

BÀI ĐỌC THÊM

16. CẢNH LÀNG ĐAM SẮN

Họ nhìn làng cất trên một ngọn đồi lum lum như một mu rùa. Các rẫy lưng chừng trên sườn núi. Trâu bò nhí nhúc như bầy mồi và bầy kiến. Đường từ bên trái qua bên phải rộng đến nỗi hai người đứng hai bên đường, một người thẳng tay giơ lên một cái lao và một người thẳng tay giơ lên một con dao dài cũng chưa chạm nhau... Tớ trai đi lại chen nhau ngược sát ngược, tớ gái vũ sát vũ...

... Dấu chân ngựa nhiều như dấu chân con rết. Dấu chân voi to và sâu như đày cối. Nồi đồng nhiều như ốc sên ở trong rừng. Nhà dài như tiếng chiêng. Hiên nhà dài bằng sức bay một con chim. Trên sân trước hiên, chim vàng anh và chim lặc lù nhảy đi nhảy lại. Các khăn lụa sắc phoi đầy sào.

Trích Trường ca Đam Săn

CHÍNH TÀ

Chính tà (nghe đọc)

I- Bài viết

Cá heo ở biển Trường Sa

(Cá heo giống tính trẻ em... bị rách một mảng)

II- Viết đúng

- boong tàu, nhắm nghiền, giống
- cá heo, thích, mặt nước

III- Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống c hay k

- ...á heo, ...ồ vũ, ...ánh chim, ...iên quyết, ...ín tiếng

2. Điền vào chỗ trống g hay gh

- nhà ...a, ...i chép, ...ét cay ...ét đắng, ...ăm ...è, ...ế, ...ổ, ...à ...ô, ...ồ ...è, ...ây ...ò.

GHI NHỚ

Phụ âm gờ ghi bằng con chữ gh khi đứng trước các nguyên âm e, ê, i (Ví dụ : ghế, ghi...) và ghi bằng con chữ g khi đứng trước các nguyên âm khác.

TỪ NGỮ

Thắng cảnh

I - Ôn tập ra mở rộng từ ngữ

1. "Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh"

(Ca dao)

Những từ ngữ nào trong câu ca dao trên nói về những cảnh đẹp ở xứ Lạng (Lạng Sơn) ?

2. Kể tên một số thắng cảnh nổi tiếng ở nước ta ?

(Ví dụ : vịnh Hạ Long, động Hương Tích...) và một số thắng cảnh ở quê em ?

*3. Tìm những thành ngữ nói về vẻ đẹp của thắng cảnh ? (Ví dụ : non xanh nước biếc ...)

II - Luyện tập

1. Phong cảnh như thế nào thì được gọi là thắng cảnh ?

2. Chỗ dòng suối hay dòng sông có nước chảy như thế nào thì gọi là thác ? Kể tên một vài cái thác được coi là thắng cảnh ở nước ta ?

*3. Từ hang và từ động giống nghĩa nhau chỗ nào, khác nghĩa nhau chỗ nào ? Kể tên một vài hang và động nổi tiếng ở nước ta ?

4. Vịnh là gì ? Kể tên một vài vịnh ở nước ta ?

5. Tìm một số từ ghép trong đó có tiếng "cảnh" đứng trước hoặc đứng sau (Ví dụ : cảnh vật, phong cảnh ...)

NGỮ PHÁP

Câu kể - Dấu chấm

I - Bài học

1. Câu kể là câu nhằm thuật một việc, nêu một tâm trạng, tả một cảnh vật.

Ví dụ :

- Có một lần ngồi trong lớp, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm. Thế là nó bung phồng lên (thuật một việc).

- Tôi xấu hổ chẳng dám nhìn ai (nêu một tâm trạng).

- Trường đua voi là một đường rộng, phẳng lì dài hơn năm cây số (tả một cảnh vật).

Khi nói, câu kể được nói với giọng bình thường. Khi viết, cuối mỗi câu kể phải đặt một dấu chấm. Chữ cái đầu câu phải viết hoa.

2. Câu kể được dùng để xác định hay phủ định sự việc, tâm trạng, cảnh vật nào đó.

Ví dụ :

a) - Biển yên tĩnh.

- Biển không yên tĩnh.

b) - Ngoài ruộng, lúa chín vàng.

Ngoài ruộng, lúa chưa chín vàng.

GHI NHỚ

Câu kể là câu nhằm thuật lại một việc, một tâm trạng hay cảnh vật để người khác biết. Khi nói, câu kể được nói với giọng bình thường. Khi viết, cuối mỗi câu kể phải đặt một dấu chấm.

II - Luyện tập

1. Một trong hai câu dưới đây là câu kể. Đó là câu nào ? Vì sao em biết ?
 - Lúc ấy ngoài trời mưa to lắm.
 - Lúc ấy ngoài trời mưa to lắm phải không ?
2. Câu nào kể việc, câu nào tả cảnh vật trong hai câu dưới đây :
 - Từng rừng cà phê mơn mớn đang hẹn mùa sai quả.
 - Trên bờ sông, một con rùa đang cố sức tập chạy.
3. Vì không chú ý khi viết chính tả nên có bạn đã nhập hai câu kể lại thành một câu như dưới đây. Em hãy giúp bạn sửa lại thành hai câu cho đúng.
Bên trong là vách núi dựng đứng, cao sừng sững bên ngoài là biển rộng mênh mông tạo thành một góc vuông vức.
4. Hôm nay em đã làm được việc gì vừa ý nhất, em hãy kể lại (khoảng từ ba đến bốn câu) để các bạn cùng biết. Em ghi lời kể của em vào vở.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CÂY CỐI (Quan sát, tưởng tượng)

I - Đề bài

Tả một cây có bóng mát nơi em ở.

II - Yêu cầu

1. Em xác định một cây sẽ tả, theo đúng yêu cầu của đề bài (có bóng mát - nơi em ở). Quan sát và ghi lại những ý tìm được theo gợi ý dưới đây :
 - a) Quan sát bao quát toàn cây
 - Nhìn từ xa, cây có những nét gì nổi bật (màu sắc, hình dáng, tầm vóc, độ cao so với cây cối, cảnh vật chung quanh...) ?
 - Đến gần, cây có những điểm gì đặc biệt (thân cây, cành lá...) ?
 - b) Quan sát kĩ một số bộ phận của cây (bằng nhiều giác quan như : mắt nhìn, tay sờ, tai nghe, mũi ngửi...)
 - Gốc cây, thân cây thế nào ? (to - nhỏ, hình dạng, màu sắc, cảm giác khi sờ tay vào...)

- Cành, lá trên cây có gì nổi bật ? (tầng dưới - tầng trên ; phía trái - phía phải ; lá già - lá non ; có hoa quả hay không ?...)

c) Quan sát cảnh vật, người quanh cây : chim chóc, ong, bướm trên cây thế nào ? Người, vật dưới gốc cây (nếu có) ?

2. Lập dàn bài ở nhà để chuẩn bị viết thành bài văn.

Phần thứ nhất : Mở bài

Giới thiệu cây (có bóng mát) định tả : đó là cây gì, được trồng ở đâu, từ bao giờ (hoặc : vì sao em chú ý và chọn tả cây đó ?)

Phần hai : Thân bài

- Tả bao quát toàn cây (từ xa thấy gì nổi bật về màu sắc, hình dáng tầm vóc ? ..., đến gần thấy cây đang độ phát triển thế nào ?...)
- Tả cụ thể một số bộ phận của cây (gốc, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả ...) theo thứ tự đã chọn. Vì tả cây bóng mát nên chú ý tả rõ cành, lá che mát.
- Tả cảnh, vật, người liên quan đến cây ...

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ của em về cây (vẻ đẹp, ích lợi của cây, kỉ niệm đối với cây ...)

III - Ghi nhớ về tả cây cối

1. Tả cây cần nêu rõ một số đặc điểm nổi bật về hình dáng (gốc, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả ...) phù hợp với từng loại cây (cây có bóng mát, cây ăn quả, cây hoa ...), thời kì phát triển của cây (mới mọc, đang phát triển, đơm hoa, kết quả hay già cỗi ...), thời gian hay thời tiết cụ thể khi tả (buổi sớm, buổi trưa ... mùa hè, mùa xuân ... lúc có nắng, gió hay mưa, bão ...)
2. Chọn thứ tự tả hợp lí (từ xa đến gần, từ bộ phận này đến bộ phận khác của cây ...)
3. Có thể kết hợp tả khung cảnh thiên nhiên và những hoạt động của người, vật chịu ảnh hưởng hoặc có quan hệ với cây.
4. Chú ý dùng đúng và hay những từ ngữ gợi tả, những hình ảnh so sánh, ví von nhằm làm nổi bật đáng dấp, màu sắc, mùi vị hay vẻ đẹp của cây.

bình bát, cây bần cũng phải quây quần thành chòm, thành rặng ; rễ phải dài, phải cắm sâu vào lòng đất. Nhiều nhất là đước. Đước mọc san sát đến tận mũi đất cuối cùng, thẳng đuột như hàng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi. Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì. Sông rạch quanh co trong đước. Đước kín bờ sông, kín đồng, kín bãi. Nhà nọ sang nhà kia phải đi trên cầu bằng thân cây đước.

Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông "cá sấu cản trước mũi thuyền", trên cạn "hồ rình xem hát" này, con người phải thông minh và giàu nghị lực. Họ thích kè, thích nghe những huyền thoại về người vật hồ, bắt cá sấu, bắt rắn hồ mây. Tinh thần thượng võ của cha ông được hun đúc và lưu truyền đề khai phá giữ gìn mũi đất tận cùng này của Tổ quốc...

Theo MAI VĂN TẠO

Chú giải

- *Cà Mau* : Tên mảnh đất cuối cùng ở chót phía nam của nước ta thuộc tỉnh Minh Hải.
- *Con thịnh nộ* : Con giận dữ. Trong bài, ý nói mưa gió sấm sét rất lớn.
- *Huyền thoại* : Chuyện kì lạ không có thực, do tưởng tượng ra.
- *Thượng võ* : Tò ra có khí phách và lòng hào hiệp.
- *Nghị lực* : Sức mạnh tinh thần tạo cho con người sự kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước khó khăn.
- *Lưu truyền* (sự tích, tác phẩm văn học) : Truyền rộng ra trong nhiều người hoặc truyền lại cho đời sau.

Hướng dẫn đọc

Đọc thông thả, ngắt hơi đúng các dấu câu, giọng đọc thể hiện niềm tự hào, yêu mến mảnh đất cuối cùng của phía nam Tổ quốc.

Tìm hiểu bài

1. Tìm các từ ngữ tả đặc điểm thiên nhiên, vùng đất Cà Mau.
2. Con người ở Cà Mau có những nét gì đáng chú ý? Những từ ngữ nào diễn tả những đặc điểm đó?

Luyện tập

Đọc diễn cảm đoạn thứ hai của bài.

HỌ THUỘC LÒNG

18. ĐẤT NƯỚC

Mùa thu nay khác rồi

Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới

Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm mát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nước chúng ta

Nước những người chưa bao giờ khuất

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về...

NGUYỄN ĐÌNH THI

Chú giải

Khuất : Ở đây ý nói chịu cúi đầu làm nô lệ cho bọn giặc cướp nước.

Hướng dẫn đọc

Đoạn thơ rất giàu *nhạc điệu*. Cần đọc rõ vần các câu thơ : rồi, đôi ; phôi, mới ; tha, ta .v.v.. Chú ý nhấn giọng ở các điệp ngữ sau :

Trời xanh đây là *của chúng ta*
Núi rừng đây là *của chúng ta* v.v...

Tìm hiểu bài

1. Tìm những hình ảnh diễn tả cảnh đất nước trong mùa thu mới.
2. Nêu những từ ngữ được lặp lại trong đoạn thơ từ câu 6 trở xuống. Sự lặp lại ấy có tác dụng gì ?

Luyện tập

Tập đọc diễn cảm và học thuộc bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

19. VƯỜN QUẢ CÙ LAO SÔNG TIỀN

Những xóm làng trên cù lao sông Tiền có từ bao đời nay không hề biến động. Có những vườn cây mới trồng nhưng bạt ngàn là những vườn cây quả cổ thụ. Những rãnh nước được xẻ từ sông vào tưới tắm cho gốc cây bốn mùa ẩm ướt. Cóc, mận, măng cầu, chôm chôm, vú sữa, xoài tượng, xoài cát... mọc chen nhau. Đứng trên mũi vũng chắc của chiếc xuồng máy, người nhanh tay có thể với lên hái được những trái cây trĩu xuống từ hai phía cù lao. Những người chủ vườn tốt bụng, hào phóng thấy thế chỉ cười, ánh mắt thích thú nhìn người khách...

Những vườn quả lớn menh mông này ngày ngày trút sản vật xuống những chiếc xuồng để rồi chở lên bến Cai Lậy, Cái Bè... thành những chợ quả sầm uất. Từ đây những trái

cây của cù lao sông Tiền sẽ tỏa đi lên Sài Gòn, các thành phố ở khắp miền nam và ra cả Hà Nội, Hải Phòng xa xôi nữa...

VŨ ĐÌNH MINH

Chú giải

- *Cù lao* : Phần đất nổi có nước bao quanh ở sông, biển.
- *Cổ thụ* : Cây to sống lâu đời.
- *Bạt ngàn* : Nhiều vô kể trên một diện tích rộng.
- *Hào phóng* : Rộng rãi về mặt chí tiêu và trong quan hệ đối xử với mọi người.

BÀI ĐỌC THÊM

20. NHỮNG CHÚ GÀ XÓM TÔI

Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó đồng đặc nhất xóm. Nó nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột, nó quay lại nện cho chó Vện một đá vào đầu, rồi nhảy phốc lên cổng chuồng trâu đứng nhìn xuống tỏ vẻ phớt lờ. Nó nổi gáy như thách thức:

- Tao không sợ ai hết !

Sau gà anh Bốn Linh, gà ông Bảy Hóa gáy theo. Con gà của ông Bảy Hóa hay bới bậy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh lão toét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó dãi giun. Bới được con giun nào, nó lấy mỏ kẹp bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xô tới, nó đã nuốt chửng con giun vào

bụng. Sau gà ông Bảy Hóa, gà bà Kiên nổi gáy theo. Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn. Nó nhảy tót lên cây rơm thật cao phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hồi thật to, thật dài. Nó xòe cánh, nghiền cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng rốt cục chỉ rặn được ba tiếng éc-e-e cụt ngủn. Nó ngượng quá đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất.

Gà trong làng nổi gáy loạn xạ...

VÔ QUANG

CHÍNH TẢ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Mưa xuân trên biển

(Viết hai khổ đầu của bài thơ).

II - Viết đúng

- biển, thuyền, yên, chiếc.
- trên, yên, thâm thâm, chân trời.
- Biết cách trình bày khi chép một đoạn thơ bốn câu, mỗi câu bảy chữ.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống c, k, q:
 - bến ...ảng, ...uyên sách, ...ơm gạo, đen ...ít, ...ích thước.
2. Viết 5 chữ có c đứng đầu, 5 chữ có k (không phải kh) đứng đầu.

TỪ NGỮ

Tây Nguyên

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

- Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên ! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây vự, một cây rựa. Ai không có thì vót chông ! Đốt lửa lên !

Tiếng chiêng nổi lên ..."

Nguyễn Trung Thành



Tìm những từ ngữ thể hiện cách nói của đồng bào Tây Nguyên trong đoạn văn trên.

2. Em hãy kể tên một số dân tộc anh em sống trên đất Tây Nguyên? (Ví dụ: Ba Na...)

II - Luyện tập

1. Dựa vào đâu mà em biết được câu thơ "Tóc bới, tai căng, tay vòng lấp lánh" (Thu Bồn) miêu tả người dân Tây Nguyên?

2. Làng của đồng bào Tây Nguyên được gọi là gì?

3. Nhà công cộng, dùng làm nơi tiếp khách và hội họp vui chơi chung của dân làng ở Tây Nguyên gọi là gì?

4. Hai loại dụng cụ mà người dân Tây Nguyên quen dùng là rìu và rựa. Em hãy cho biết rìu khác rựa như thế nào?

*5. Trong trường ca Đam San có câu: "Nhà dài như tiếng chiêng. Hiên nhà dài bằng sức bay của một con chim". Ở đây, tác giả sử dụng *phép so sánh*. Em hãy chỉ ra cái hay của phép so sánh này.

NGỮ PHÁP

CÂU HỎI - DẤU CHẤM HỎI

I - Bài học

1. Câu hỏi là câu nêu điều cần biết để người khác trả lời.

Ví dụ: - *Thằng nhóc tên gì?*

- *I-u-ra.*

- *Mày là đội viên hả?*

- *Phải.*

Khi nói, người nói phải cất cao giọng ở cuối câu hỏi và nhấn giọng ở ý cần được trả lời. Khi viết, cuối mỗi câu hỏi phải đặt dấu chấm hỏi (?)

2. Khi muốn biết điều gì, phải dùng câu hỏi với những từ để hỏi thích hợp:

- *Muốn biết thời gian* thường dùng câu hỏi với các từ: bao giờ, khi nào, lúc nào...

Ví dụ:

+ Lan đi học *khi nào*?

- *Muốn biết địa điểm* thường dùng câu hỏi với các từ: ở đâu, chỗ nào, nơi nào...

Ví dụ:

+ Thế khăn quàng của mày *đâu*?

- *Muốn biết số lượng* thường dùng câu hỏi với các từ: mấy, bao nhiêu...

Ví dụ:

+ Lớp em có *bao nhiêu* học sinh?

- *Muốn biết mục đích* thường dùng câu hỏi với các từ ngữ: để làm gì, nhằm mục đích gì?

Ví dụ:

+ Em mua cuốn sách này *để làm gì*?

- *Muốn biết nguyên nhân* thường dùng câu hỏi với các từ: sao, vì sao, tại sao ...

Ví dụ:

+ *Tại sao lại trong hòm? Sao mày không đeo?*

GHI NHỚ

Câu hỏi là câu nêu điều cần biết để người khác trả lời. Khi nói, câu hỏi được cất cao giọng ở cuối câu và nhấn giọng ở những ý cần được trả lời. Khi viết, cuối mỗi câu hỏi phải đặt dấu chấm hỏi (?)

II - Luyện tập

1. Trong hai câu dưới đây, câu nào là câu hỏi, câu nào là câu kể? Đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu hỏi.

Quân Nguyên sang xâm lược nước ta. Ta nên hòa hay nên đánh.

2. Em hãy đọc và phát hiện xem các dấu đặt cuối mỗi câu dưới đây đã đúng cả chưa. Em hãy sửa lại cho chính xác.

- Trong lớp em, ai học giỏi nhất.

- Buổi tối ở nhà em thường làm gì ?

- Cô giáo đến lớp khi nào ?

- Có phải cô giáo đã đến lớp từ lúc 7 giờ không.

*3. Nam bị đau chân không đến lớp học được. Em đặt những câu hỏi như thế nào để có thể biết nguyên nhân bạn không tới lớp ?

4. Nếu có bạn nào đó đặt những câu hỏi như dưới đây, liệu bạn đó có biết được nguyên nhân không tới lớp của Nam không ?

- Hôm qua Nam ở đâu ?

- Nam làm gì thế ?

- Nam nghỉ học khi nào ?

- Nam nghỉ học làm gì ?

5. Đi học về không thấy mẹ ở nhà, em sẽ đặt những câu hỏi như thế nào với anh (hoặc chị) để biết mẹ đi đâu và đi khi nào ?

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CÂY CỐI (Trá bài)

I - Đề bài

Tả một cây có bóng mát nơi em ở.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm và sửa lại bài văn của em theo hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo).

2. Em tự chọn và viết lại một đoạn văn tả hình dáng của cây (gốc, rễ, hoặc cành, lá...) cho tốt hơn.

Tiết 2

TẢ CÂY CỐI

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Em hãy tả một cây đang ra hoa.

II - Yêu cầu

1. Em chọn một cây hoa cụ thể để quan sát và lập dàn bài (viết thành từng ý) theo hướng dẫn dưới đây :

Phần một : Mở bài

Giới thiệu cây hoa sẽ tả : Đó là cây hoa gì, được trồng ở đâu ? Cây hoa này của ai (hoặc : do ai trồng) ?, Trồng vào dịp nào ?...

Phần hai : Thân bài

a) Tả bao quát cây hoa :

- Hình dáng chung của cây hoa, thế đứng của cây ?

- Đặc điểm nổi bật của cây hoa khi nhìn từ xa, lúc lại gần ?

b) Tả từng bộ phận của cây hoa

- Rễ, thân, cành, lá có hình dáng, kích thước, màu sắc gì ?

- Hoa đẹp, thơm như thế nào ? Cuống hoa, đài hoa, cánh hoa, nhụy (nhị) hoa... có những đặc điểm gì ? Nụ hoa ra sao ?

c) Tả vài yếu tố tác động đến cây hoa

Thời tiết (nắng, gió, sương...) và ong bướm, chim chóc, người... có ảnh hưởng gì đến cây và hoa ?

Phần ba : Kết luận

- Cảm nghĩ của em về cây hoa (về đẹp, ích lợi hay tác dụng của cây hoa...), hoặc kỉ niệm có liên quan đến cây hoa ?

2. Dựa vào dàn bài cụ thể, em hãy tập nói trên lớp (nói từng phần, từng ý, nói cả bài).

TẬP ĐỌC

21. CON CHÓ BẮC

Tình thương yêu sôi nổi, thương yêu đến cuồng nhiệt, thì phải đến Giôn mới khơi dậy lên được trong lòng Bắc.

Con người này đã cứu sống nó. Đó là một lẽ. Hơn thế nữa, con người này là một ông chủ lí tưởng. Những người khác chăm nom chó của họ xuất phát từ một ý thức về nghĩa vụ và vì lợi ích kinh doanh. Giôn chăm sóc chó của mình như thể chúng là con cái anh vậy, bởi vì anh không thể nào dừng được. Anh không bao giờ quên chào chúng bằng một cử chỉ thân ái hoặc một lời hôn hờ ? Anh có cái thói quen túm chặt lấy đầu Bắc rồi dựa đầu anh vào đầu nó, hoặc lắc nó đảo qua đảo lại, vừa lắc vừa khe khẽ thốt lên những tiếng rủa mà đối với nó lại là những lời nói âu yếm. Bắc thấy không có gì vui sướng bằng được cái ôm ghì mạnh mẽ ấy và những tiếng rủa rừ rừ bên tai ấy. Theo mỗi cái lắc đảo qua đảo lại, nó lại tưởng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi lồng ngực vì quá ngây ngất, rạo rực. Khi được buông ra, nó bật đứng dậy thẳng lên, miệng cười, mắt hùng hồn diễn cảm, họng rung lên những âm thanh không thốt nên lời và cứ như vậy trong tư thế đứng yên bất động. Những lúc ấy, Giôn lại kêu lên, trân trọng :

"Trời đất ! Đàng ấy hầu như biết nói đấy !"

GIÁC LON-ĐƠN

Chú giải

Giác Lon-đơn : Nhà văn Mĩ, sinh năm 1876, mất năm 1916. Những tác phẩm nổi tiếng của ông : *Gót sắt*, *Tiếng gọi nơi hoang dã*, *Tình yêu cuộc sống...*

Hướng dẫn đọc

Glọng đọc tha thiết, thể hiện được tình cảm của Giôn và của Bắc, nhất là ở đoạn "Anh không bao giờ quên chào chúng... Đàng ấy hầu như biết nói đấy !".

Tìm hiểu bài

1. Giôn khơi dậy trong lòng Bắc tình cảm gì ?
2. Em hãy kể lại những cử chỉ thương yêu của Giôn đối với Bắc. Hãy đọc diễn cảm những câu diễn tả nỗi xúc động của Bắc.
3. Câu nói "Trời đất ! Đàng ấy hầu như biết nói đấy !" gọi cho em nghĩ gì về tình cảm của Giôn đối với Bắc ?

Luyện tập

Tập đọc diễn cảm đoạn cuối của bài.

HỌC THUỘC LÒNG

22. QUÊ HƯƠNG

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng, bao la, thâu góp gió...



Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về :
"Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe"
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xăm xăm
Chiếc thuyền im bến, mời trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

TẾ HANH

Chú giải

- **Phăng** : Động tác đẩy mái chèo một cách mạnh mẽ.
- **Ghe** : Thuyền (tiếng miền Nam).
- **Tuấn mã** : Ngựa khỏe, đẹp, phi nhanh.

Hướng dẫn đọc

Chú ý đọc đúng nhịp thơ, đặc biệt các câu :

Chiếc thuyền nhẹ / băng như con tuấn mã
Phăng mái chèo / mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to / như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng / bao la / thâu góp gió...

Tìm hiểu bài

1. Đọc to những câu thơ tả cảnh đoàn thuyền ra đi vào buổi sớm. Em tưởng tượng ra những cảnh gì sau khi đọc các câu thơ đó, hãy kể lại.
2. Tìm các câu thơ tả người dân chài lưới.
3. Em hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với làng mình? Những câu thơ nào diễn tả rõ nhất tình cảm ấy.

Luyện tập

Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

23. QUÊ HƯƠNG RUỘT THỊT

Chị Sáu yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt, trái sai đã thấm hồng da dẻ chị. Chính tại nơi đất này, mẹ chị đã hát ru chị ngủ. Và đến lúc làm mẹ, chị lại hát ru con những câu hát ngày xưa...

Chị Sứ yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu hầu như là máu thịt. Chị thương ngôi nhà sàn lâu năm có cái bậc thang, nơi mà bất cứ lúc nào, đứng đó, chị cũng có thể nhìn thấy sông biển, thấy xóm nhà xen lẫn trong vườn cây, thấy ruộng đồng, thấy núi Ba Thề vời vọi xanh lam cứ mỗi buổi hoàng hôn lại hiện trắng những cánh cò.

Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng lòe cửa biển. Xóm lưới cũng ngập trong nắng đỏ. Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển. Sứ còn thấy rõ những vạt lưới đan bằng sợi ni lông óng vàng, phất phơ bên cạnh những vạt lưới đen ngăm, trù trù.

Nắng sớm ấm chiếu người Sứ. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt chị, tấm mượt mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của chị.

ANH ĐỨC

BÀI ĐỌC THÊM

24. PHONG CẢNH SÔNG VON-GA

Tôi còn nhớ rất rõ những ngày thu vô cùng đẹp đẽ ấy. Suốt từ sáng đến tối, tôi với bà tôi đứng trên boong tàu, dưới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Von-ga được mùa thu thêu lên một màu vàng óng như hai giải lụa. Con tàu màu gạch tươi đi ngược dòng sông, bánh lái uể oải khuấy động mặt nước xanh thẳm. Nó kéo theo ở đầu sợi dây cáp dài một chiếc xà lan xám trông giống như con bọ đất. Mặt trời lửng lơ di chuyển trên sông, cảnh vật đổi mới từng giờ từng phút. Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lộng lẫy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất ; hai bên bờ

sông, các thành phố và làng mạc nom xa như những chiếc bánh. Thỉnh thoảng có chiếc lá thu vàng bập bênh trên mặt nước.

- Cháu nhìn xem, đẹp chưa kìa !

Chốc chốc bà tôi lại nhắc lại và đi từ thành tàu bên này sang thành tàu bên kia, nét mặt rạng rỡ, đôi mắt rưng rưng vì vui sướng...

M. GOR-KI

Chú giải

- Von-ga : Một con sông lớn của nước Nga

- Cáp : Dây bện bằng nhiều sợi kim loại dùng để kéo các vật nặng, neo thuyền...

- Y phục : Áo quần.

CHÍNH TẢ

Chính tả (sơ sánh)

(Tiết dành cho địa phương biên soạn. Sau đây là một bài soạn gợi ý).

Phân biệt v với d và gi.

I - Bài viết

CHIM GÁY

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vờn quanh, vòng trên các ngọn tre.

Chim mái vội vàng xuống trước. Cái đuôi lái lượn duyên dáng xòe như múa.

Con đực còn nán lại trong bờ tre, dùng đỉnh cất giọng gáy vang thêm một hồi dài. Xong rồi anh chàng mới thùng thình bước ra, uốn cái ngực lưng linh cườm biếc, lượn nhẹ xuống với cả đàn đương ăn giữa ruộng vắng khuất gần chân tre.

Theo Tô Hoài

Chú giải

Chim gáy : Loài chim cu hay gáy (có nơi gọi là con cu gáy).

II - Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu *v* và viết bằng chữ *v* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu *d* và viết bằng chữ *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu *gi* và viết bằng chữ *gi* ?

III - Phân biệt *v* với *d* và *gi*

- | | | |
|---|---|--|
| 1. <i>Văn</i> (văn thơ, đánh văn, văn hòn đá) | - <i>Dần</i> (dần dần, dần dà) | - <i>Giần</i> (giần sàng, giần giật) |
| 2. <i>Vội</i> (vội vàng, vội vã) | - <i>Dội</i> (vang dội, dội lại) | - <i>Giội</i> (giội nước) |
| 3. <i>Vàng</i> (vàng bạc, vàng anh, màu vàng) | - <i>Dàng</i> (dịu dàng, dễ dàng) | - <i>Giàng</i> |
| 4. <i>Vang</i> (vang dội, vang vang) | - <i>Dang</i> (dờ dang, cây dang, dang tay) | - <i>Giang</i> (giang sơn, nông giang) |

IV - Luyện tập

1. Tìm các từ ngữ có tiếng *viện*, có tiếng *diện* và viết ra.
2. Tìm các từ ngữ có tiếng *vinh*, có tiếng *dinh* và đặt câu với các từ ngữ đó.

TỪ NGỮ

Miền Nam

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. " Những xóm làng trên cù lao sông Tiền có từ bao đời nay không hề biến động. Có những vườn cây mới trồng, nhưng bạt ngàn là những

vườn cây quả cổ thụ ... Cóc, mận, măng cầu, chôm chôm, vú sữa, xoài tượng, xoài cát ... mọc chen nhau ".

Vũ Đình Minh

Tìm những từ ngữ chỉ các loại quả (trái) cây có nhiều ở miền Nam trong đoạn văn trên ?

Hãy kể tên một số loại quả (trái) cây chỉ có ở miền Nam ? (Ví dụ : sầu riêng...)



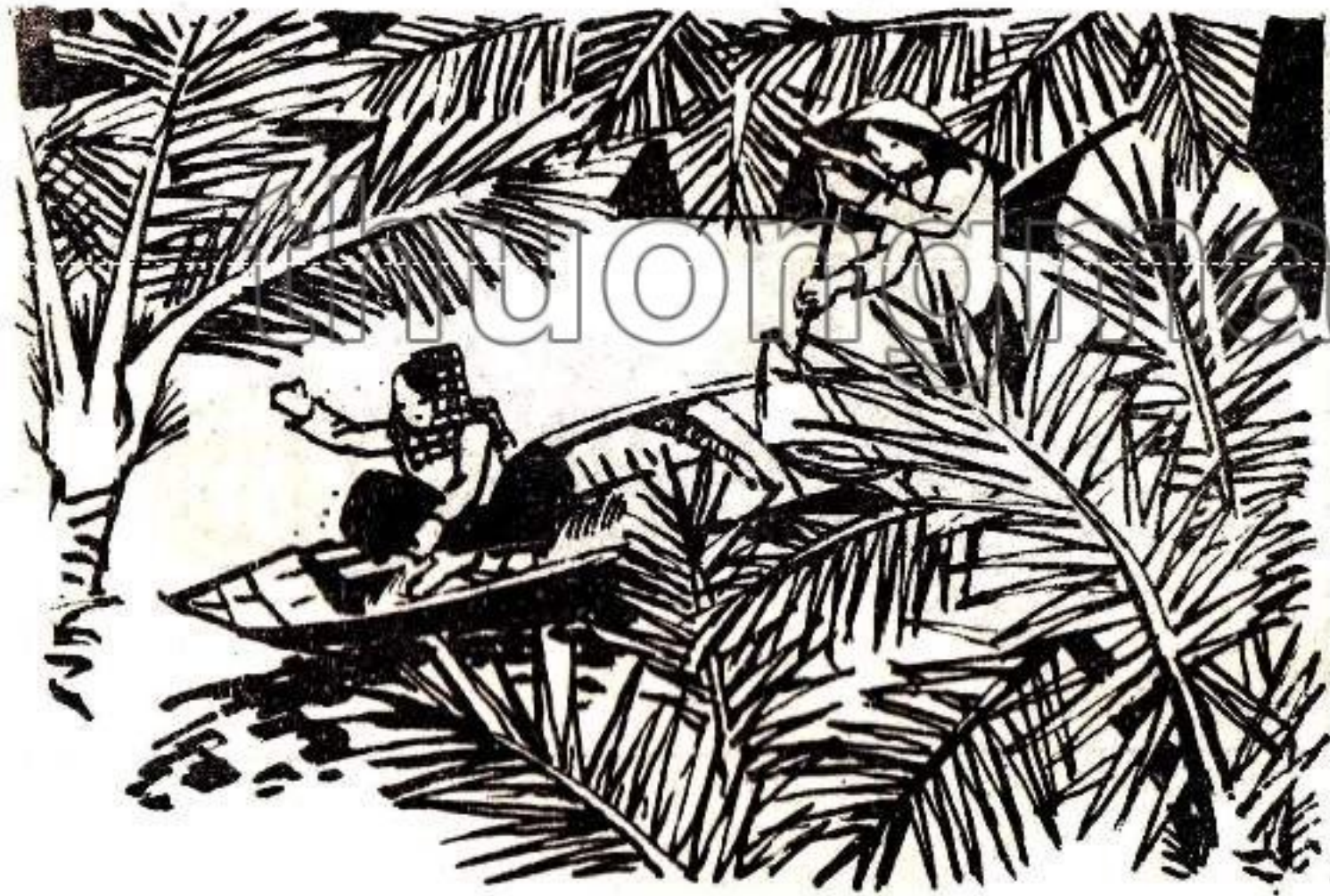
2. Những loại cây nào thường mọc nhiều ở các vùng đất miền Nam ? (Ví dụ: cây đước, cây tràm...)
3. Em hãy kể tên một số con sông lớn ở miền Nam ?

II - Luyện tập.

1. Trong hai câu văn "sông rạch *quanh co* trong đước. Đước *kín* bờ sông, *kín* đồng, *kín* bãi" thì "*quanh co*" nghĩa là thế nào, "*kín*" nghĩa là thế nào ?

2. Đối với mỗi từ dưới đây, em hãy tìm một từ cùng nghĩa tương ứng trong phương ngữ miền Bắc : *trái dừa, bông sen, hột vịt, hộp quet, con heo, củ mì, trái thơm...*

*3. Các từ "*sản vật*", "*sầm uất*" có nghĩa thế nào trong câu "Những vườn quả lớn mênh mông ngày ngày trút *sản vật* xuống những chiếc xuống để rồi chở lên bến Cai Lậy, Cái Bè... thành những chợ quả *sầm uất*" (Vũ Đình Minh).



4. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

Miền Nam nước ta *quanh năm* bầu trời cao..., *da trời* một màu..., cây cối *quanh năm* tốt tươi. Miền Nam nước ta có ruộng đồng..., có ... *xum*

xuê, ... *chằng chịt*, *biển khơi* bao la, có những dải rừng.. *mát rượi*, có những vùng... *mênh mông*, *giàu đẹp*.

(Có thể sử dụng các từ sau : *vòi vọi, xanh thẳm, thẳng cánh cò bay, vườn cây, kênh rạch, cao su, cao nguyên đất đỏ*).

NGỮ PHÁP

CÂU CẦU KHIẾN - DẤU CHẤM CẢM

I - Bài học

1. Câu cầu khiến là câu nêu sự việc mong muốn hoặc mệnh lệnh đòi hỏi người khác phải thực hiện.

Ví dụ :

- Các em *đừng* làm ồn trong lớp !

- Các em *hãy* mở cửa sổ ra !

Khi nói, câu cầu khiến được nhấn giọng phù hợp với mức độ đòi hỏi khác nhau. Khi viết, cuối mỗi câu cầu khiến phải đặt dấu chấm cảm (!).

2. Khi yêu cầu người khác làm một việc cần dùng câu cầu khiến với các từ ngữ thích hợp :

- Khi *ngăn cấm* thường dùng câu cầu khiến với các từ : *dừng, chớ, chớ, không, không được ...*

Ví dụ :

+ *Không được* nói chuyện trong giờ học !

- Khi *khuyến bảo* thường dùng câu cầu khiến với các từ : *nên, hãy, phải...*

Ví dụ :

+ *Hãy* thắp đèn lên cho sáng !

- Khi *mời mọc* thường dùng câu cầu khiến với các từ : *mời, xin mời, kính mời...*

Ví dụ :

+ *Xin mời* các bác vào nhà !

GHÌ NHỚ

Câu cầu khiến là câu nêu sự việc mà người ta mong muốn hoặc đòi hỏi người khác phải làm. Khi nói, câu cầu khiến được nhấn giọng phù hợp với mức độ đòi hỏi khác nhau. Khi viết, cuối mỗi câu cầu khiến phải đặt dấu chấm cảm (!)

II - Luyện tập

1. Em hãy gạch dưới những câu cầu khiến trong đoạn trích sau :

"Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

- Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên ! Mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây vục, một cây rựa ! Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông ! Đốt lửa lên !"

(Theo Nguyễn Trung Thành.)

2. Có bạn khi viết chính tả vì vội vàng nên quên đặt các dấu vào những chỗ trong ngoặc đơn () dưới đây. Em hãy giúp bạn đặt dấu cho đúng :

Một chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng : "Có đau không, chú heo () Lăn sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé () Đừng có nhảy lên boong tàu ()".

3. Em sẽ nói thế nào khi :

- Muốn mời cô giáo tới thăm nhà.
 - Muốn bạn cho mượn quyển Tiếng Việt 4.
 - Muốn bạn không đi xem phim tối nay.
- Em hãy ghi những lời nói của em vào vở.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

Tả cây cối

(Làm bài viết)

I - Đề bài :

Em hãy tả một cây đang ra hoa.

II - Yêu cầu

Em đọc trước mục III (Tham khảo) ở nhà. Dựa vào dàn bài đã chuẩn bị, em viết thành bài văn ở lớp. Viết xong, em nhớ đọc lại bài và sửa chữa, bổ sung chỗ cần thiết.

III - Tham khảo

1. Tả cây hoa hồng (đoạn thân bài)

... Thân cây hồng mảnh dẻ, có nhiều gai sắc, nhọn. Lá cây xanh thẫm, viền răng cưa, thỉnh thoảng du đưa theo chiều gió. Bốn mùa cây hồng đều ra hoa nhưng hoa hồng đẹp nhất khi nở vào mùa xuân. Đài hoa xanh mượt mà. Cánh hoa đỏ lộng lẫy, mịn như nhung. Nhị hoa màu vàng rực và mang trên đầu những túi phấn vàng óng. Sáng tinh mơ, em thường cắt những bông hồng còn đọng sương long lanh, cắm vào lọ hoa nhỏ. Hương thơm dịu dịu cùng với màu hoa tươi thắm làm căn phòng rạng rỡ hẳn lên.

(Theo bài của Trịnh Minh Phương)

2. Tả cây hoa đại (bông sứ)

Cây hoa đại thường trồng nhiều ở nơi đình chùa. Gốc cây xù xì nhưng thân cành lại nhẵn và gân guốc như những cánh tay vươn cao. Lá cây xanh đậm, dáng thon thả. Lá đại mọc chụm ở đầu cành chứ không kết thành tán dày che bóng rợp. Cánh hoa đại trắng muốt phía ngoài, ở giữa hoa có màu vàng thắm trông tựa những cây đèn nến có ngọn lửa vàng lung linh. Đẹp nhất về chiều hoặc dưới trăng sáng, bóng cây đại in ngả những nét đen dài trên nền gạch lát vuông to, cổ kính của sân chùa.

Đức Mạnh

TẢ CÂY CỐI (Trả bài)

I - Đề bài

Em hãy tả một cây đang ra hoa.

II - Yêu cầu

1. Sau khi chữa bài, em viết lại cho hay hơn đoạn tả vẻ đẹp của một bông hoa.
2. Tương tự như cách tả một cây đang ra hoa, em hãy tả lại *một cây đang mùa quả chín* (làm ở nhà)

TUẦN LỄ THỨ BẦY

TẬP ĐỌC

25. TRÊN CON TÀU VŨ TRỤ

Con tàu đang bay vào quỹ đạo.

Tôi làm việc liên tục, vừa theo dõi đường bay của con tàu vừa ghi chép vào cuốn sổ tất cả những điều tôi thấy... Ở phía dưới con tàu, hình ảnh trái đất tuyệt đẹp đang trải bày trước mắt tôi : những dãy núi hùng vĩ, những con sông cuộn chảy, những khu rừng bát ngát và bờ biển trải dài. Tôi đã thấy những đám mây đang bay trên trái đất thân yêu xa xôi. Trong bầu trời đen thẫm, những ngôi sao cháy sáng rực rỡ.

Con tàu "Phương Đông" của tôi bay với tốc độ lớn và rất an toàn. Những nhà bác học và công nhân đã làm nên con tàu vũ trụ này bằng sức lao động và trí tuệ của mình có thể tự hào về nó. Sẽ tuyệt biết bao nếu như được nhìn thấy tất cả những con người này đang làm việc trong phòng thí nghiệm, trong xưởng máy và nói với họ những lời biết ơn. Có lẽ cái đẹp nhất trên đời này chính là những con người đang say mê lao động.

Theo L.U.RI GA-GA-RIN

Chú thích

- *I-u-ri Ga-ga-rin* : Nhà du hành vũ trụ Liên Xô trước đây, người đầu tiên bay vào vũ trụ trên con tàu *Phương Đông*.
- *Quỹ đạo* : Đường mà một vật vạch ra trong quá trình chuyển động. Ở đây là đường bay của con tàu vũ trụ.

Hướng dẫn đọc

Đọc thông thả, chú ý ngắt hơi đúng chỗ khi đọc những câu dài (sẽ tuyệt biết bao / nếu như được nhìn thấy tất cả những con người này / đang làm việc trong phòng thí nghiệm / trong xưởng máy / và nói với họ những lời biết ơn)...

Tìm hiểu bài

1. Ga-ga-rin đã nhìn thấy những gì trên trái đất ?

Câu văn nào diễn tả cảm xúc của Ga-ga-rin lúc ngắm trái đất từ trên vũ trụ ?

2. Ga-ga-rin nghĩ đến ai khi đang bay trên vũ trụ ? Tình cảm của Ga-ga-rin với những người đó được diễn tả bằng những câu văn nào ?

3. Em nghĩ gì khi đọc câu cuối cùng của bài ?

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ sau : *quỹ đạo, vũ trụ.*

HỌC THUỘC LÒNG

26. BÀI CA VỀ CÂY TÁO

Cây con khi mới đem trồng
Mỏng manh, gầy guộc giữa đồng ai hay
Chắc rằng cây chẳng nên cây
Quắt khô héo úa những ngày còn thơ.
Bỗng mùa xuân đến như mơ
Tuyết tan đồng cỏ đến giờ hồi sinh
Táo con khe khẽ cựa mình
Chào đời một chiếc lá xanh mướt mà
Có người nói : chẳng ra hoa
Một cành, một lá, đâu là một cây !



Mười năm cây táo vươn cao
Xum xuê cành lá, ngọt ngào hương bay...
Hỡi người ăn trái hôm nay
Nhớ chăng cây táo những ngày còn thơ.

RAI-NƠ KIẾC-SƠ
(Trích bản dịch của Quang Chiến)

Chú giải

- *Hồi sinh* : Sống lại. Ở các xứ lạnh, mùa đông tuyết phủ lên đồng cỏ. Sang xuân, tuyết tan, cỏ sống lại và nảy nờ.

Hướng dẫn đọc

Chú ý đọc đúng các câu thơ có nhịp thơ đặc biệt :

- Bỗng mùa xuân đến / như mơ
- Có người nói : / chẳng ra hoa
- Xum xuê cành lá / ngọt ngào hương bay.

Tìm hiểu bài

1. Đọc to các câu thơ 1,2 và 7,8 ... Các câu này tả cây táo ở giai đoạn nào ?
2. Tìm các câu thơ tả cây táo ở khổ thơ thứ ba . Lúc này cây táo có gì khác với cây táo được tả ở khổ thơ thứ nhất, thứ hai.
3. Em hãy giải thích ý nghĩa hai câu kết của bài thơ.

Luyện tập

Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

27. LUÔNG PHA-BANG

Máy bay vừa bay lên, trả lại một vùng tĩnh mịch trên đồng cỏ tranh, người đứng dưới đường băng lại nghe tiếng mõ trâu ở một bụi lau nào gần đấy. Một con gà trong đồi cát tiếng gáy trưa. Không biết gà rừng hay gà nhà. Những bánh xe lam đưa khách rời sân bay sang phố nghe rào rạo, xa xa qua cầu Nậm - khan.

Đến lúc trông lên thấy nhà hai bên đường mới biết đã vào thành phố. Ở dưới sông Mê-kông, sông Nậm - khan trông lên phố cũng không thấy nhà, chỉ thấy bụi tre trúc, cây dừa, đôi chỗ một bậc dốc xuống bến như bất cứ làng nào

ven sông. Đến khi thấy thấp thoáng chòm tháp nhọn vòng ngôi chùa đỉnh núi Phu-xi, mới biết đây đã là Luông Pha-bang.

Luông Pha-bang, thành phố trong những vườn dừa và trong bóng xanh rờn vườn chùa những cây chàm-pa, cây chàm-pli.

Con sông Nậm-khan ra đến đây còn làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hòa vào sông Mê-kông. Ở Luông Pha-bang trông phía nào cũng thấy triền núi chỉ chít những nương lúa xanh nhạt dưới bóng mây, thấy những mái chùa năm lâu mái nghiêng lên nhau.

TÔ HOÀI

Chú giải

- *Tĩnh mịch* : Vắng vẻ, yên tĩnh (có thể dùng "tĩnh mịch").
- *Xe lam* : Xe 3 bánh chở người, chở hàng, bằng máy nổ, thường dùng ở thành phố.
- *Chàm-pa* : hoa đại. *Chàm-pli* : ngọc lan
- *Luông Pha-bang* : Tên thành phố, trước đây là kinh đô của nước Lào
- *Mê-kông* : Con sông lớn bắt nguồn từ Tây Tạng, chảy qua Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam.

BÀI ĐỌC THÊM

28. ĂNG-CO VÁT

Ăng-co Vát là một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Khor-me được xây dựng từ đầu thế kỉ thứ 12.

Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn. Muốn thăm hết khu đền chính phải đi qua ba tầng hành lang dài gần một ngàn năm trăm mét và có thể rẽ vào thăm ba

trăm chín tám gian phòng. Suốt cuộc dạo xem kì thú đó, du khách sẽ cảm thấy như lạc vào thế giới của nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại Khơ-me.

Đây, những cây tháp lớn được dựng bằng một thứ đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn. Đây, những bức tường buồng nhẵn bóng như mặt ghế đá, hoàn toàn được ghép bằng những tảng đá lớn đẽo gọt vuông vức và lựa ghép vào nhau kín khít như xây gạch vữa.

Toàn bộ khu thành đền quay về hướng tây. Lúc hoàng hôn Ăng-co Vát thật huy hoàng. Mặt trời lặn, ánh nắng chiếu soi vào bóng tối của đền. Những ngọn tháp cao vút ở phía trên, lấp loáng giữa những chùm lá thốt nốt xòe tán tròn vượt lên hẳn những hàng muôm già cổ kính. Ngôi đền cao vút với những thềm đá rêu phong, uy nghi kì lạ, càng cao càng thâm nghiêm dưới ánh trời vàng, khi đàn dơi bay tủa ra từ các ngách đá.

Theo PHONG CHÂU
HOÀNG HUYỀN
NGUYỄN QUANG VINH

Chú giải

- *Kiến trúc* : Nghệ thuật thiết kế, trang trí nhà cửa.
- *Điêu khắc* : Loại hình nghệ thuật thể hiện hoặc gợi tả sự vật trong không gian bằng cách sử dụng các chất liệu như đất, đá, gỗ, kim loại v.v... tạo thành những hình nhất định.
- *Du khách* : Người đi chơi xa, khách du lịch.
- *Thốt nốt* : Loại cây cao giống cây dừa, lá xòe ra giống tàu lá cọ, có thể lấy nước chảy từ cuống lá để uống hoặc nấu thành đường.
- *Thâm nghiêm* : Kín và lặng, gây cảm giác kính cẩn,

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết : Những chú gà xóm tôi

(Chợt con gà trống ... tỏ vẻ phớt lờ)

II - Viết đúng

- gà trống, oai vệ, ưỡn ra, quay lại.
- chuồng trâu, chó吠, đông đặc, nổi gáy.

III. Luyện tập

- Điền vào chỗ trống : ng hay ngh
- đột ...ột, ...iên cứu, ...iêm trang, ...ất ...rông, ...i ...oi, ...âm ...a.
- Tìm năm tiếng có phụ âm *ngờ* và viết ra.

TỪ NGỮ

Quê hương

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

VỀ QUÊ HƯƠNG

"Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu ..."

Định Hải

1. Em hãy tìm những từ ngữ nói về cảnh vật quê hương trong đoạn thơ trên ?

2. Tìm những từ ngữ diễn tả tình cảm của em đối với quê hương mình ? (Ví dụ : yêu, nhớ, gắn bó ...)

3. Tìm một vài từ láy gợi tả tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng nước chảy ...? (Ví dụ: líu lo, xào xạc, róc rách)

*4. Tìm những thành ngữ nói về quê hương ? (Ví dụ: chôn rau cắt rốn...)

III - Luyện tập

1. Chọn các tính từ hoặc động từ thích hợp điền vào chỗ trống sau mỗi từ ngữ dưới đây để miêu tả phong cảnh quê hương :

- | | |
|---------------|-------------|
| - Trời cao | - Mặt hồ |
| - Cánh đồng | - Cánh cò |
| - Mây trắng | - Ngả đường |
| - Dòng sông | - Chân trời |
| - Đoàn thuyền | - Rặng núi |

(Có thể sử dụng các từ sau : lồng lộng, xa tắp, lẫn tẩn, bao la, tím ngát, trải rộng, nhồn nhơ, uốn khúc, xuôi ngược, bay bổng ...)

*2. Trong hai câu thơ "Quê hương tôi có con sông xanh biếc. Nước gương trong soi tóc những hàng tre", nhà thơ Tế Hanh đã sử dụng *phép nhân hóa* (tức là gán cho vật vô tri những đặc tính của con người). Em hãy cho biết phép nhân hóa được biểu hiện ở từ ngữ nào và nói rõ tác dụng của phép nhân hóa ấy ?

3. Đặt câu với mỗi từ ngữ sau : xào xạc, ríu rít, chôn rau cắt rốn.

NGỮ PHÁP

CÂU CẢM - DẤU CHẤM CẢM

I - Bài học

1. Câu cảm là câu bộc lộ những cảm xúc khác nhau của người nói.

Ví dụ :

- Trời mưa to quá !

Khi nói, câu cảm được thay đổi ngữ điệu cho phù hợp với cảm xúc. Khi viết, cuối câu cảm cần đặt dấu chấm cảm.

2. Câu cảm có thể dùng để bộc lộ những cảm xúc khác nhau.

- Bộc lộ sự vui mừng thường dùng câu cảm với các từ : a, ồ, hoan hô ...

Ví dụ : Hoan hô chiến sĩ Điện Biên !

- Bộc lộ sự đau xót thường dùng câu cảm với các từ : hỡi, hỡi ơi, ôi, ối ...

Ví dụ :

Giặc bắn em rồi quăng mất xác

Chỉ vì em là du kích, em ơi !

Đau xé lòng anh, chết nửa con người !

Giang Nam

- Bộc lộ sự ngạc nhiên, thán phục thường dùng câu cảm với các từ: chà, quá, thật, ghê, lắm ...

Ví dụ : + Chà, một ngày tuyệt đẹp !

GHI NHỚ

Câu cảm là câu bộc lộ những cảm xúc khác nhau của người nói. Khi nói, câu cảm được thay đổi ngữ điệu cho phù hợp với cảm xúc. Khi viết cuối câu cảm cần đặt dấu chấm cảm (!)

II - Luyện tập

1. Em hãy gạch dưới những câu cảm trong đoạn trích dưới đây :

Mẹ ôm Bình vào lòng, âu yếm nói :

- Con gái mẹ ngoan quá !

Bình áp hai bàn tay của mẹ lên má. Yêu quá đôi bàn tay của mẹ !

2. Em hãy đọc các câu dưới đây và tự đặt dấu vào cuối câu cho phù hợp với nội dung :

- Nhà sản Bác Hồ đấy à ()

- Nhà sàn Bác Hồ đẹp quá ()
 - Đây là nhà sàn Bác Hồ ()
 - Tối thăm nhà sàn Bác Hồ đi ()
3. Em nói như thế nào để bộc lộ được cảm xúc của mình khi :
- Được xem một phim hay.
 - Lâu ngày mới gặp lại người bạn thân.
 - Đi xe đạp bị ngã.
 - Nghe tin bạn mình đoạt giải cao trong kì thi học sinh giỏi văn.
- Em hãy ghi lại các câu nói đó vào vở.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ LOÀI VẬT (Quan sát, tìm ý)

I - Đề bài

Tả con lợn (con heo) hay ăn chóng lớn.

II - Yêu cầu

1. Em xác định sẽ tả con lợn của ai, ở đâu. Qua quan sát và hỏi thêm người lớn, em ghi lại những ý tìm được để chuẩn bị lập dàn bài.

a) Quan sát hình dáng bên ngoài của con lợn

- Lợn có màu gì ? Đặc điểm bộ lông ?
- Hình thù, tầm vóc con lợn ra sao, có thể so sánh với vật gì cụ thể ?
- Nhìn kĩ con lợn, em chú ý đến những bộ phận nào ? (đầu, mõm, tai, mắt, mũi, thân, mình ... chân, đuôi ... các bộ phận đó có gì đặc biệt)

b) Quan sát tính nết và sự hoạt động

- Tính nết của con lợn được biểu hiện qua những cử chỉ hoạt động nào ? (Ví dụ : Khi người đến gần ? Lúc lợn ăn ? Khi ăn xong ? Lúc được người tắm rửa hay dọn chuồng ?...)

- Những nét nổi bật cho thấy con lợn hay ăn chóng lớn ? (Có những đặc điểm gì chứng tỏ lợn phàm ăn ? Lợn có thay đổi gì so với trước, biểu hiện cụ thể ra sao ? ...)

2. Lập dàn bài ở nhà theo ba phần của bài văn.

Phần thứ nhất : Mở bài

Giới thiệu con lợn (con heo) sẽ tả : Lợn của ai, nuôi được bao lâu ? Con lợn thuộc giống lợn gì, nặng chừng bao nhiêu cân (kí) ? ... Hoặc : Em trông thấy chú lợn ở đâu, vào lúc nào ? Vì sao nói đây là chú lợn "hay ăn chóng lớn" ? ...

Phần thứ hai : Thân bài

a) Tả hình dáng bên ngoài của con lợn

- (Nhìn bao quát) : Màu sắc, đặc điểm bộ lông, hình thù, tầm vóc con lợn ra sao ?

- (Nhìn kĩ) : Những nét nổi bật về một vài bộ phận của con lợn làm em chú ý (đầu - mình - chân, đuôi ...).

Nhận xét về mùi tỏa ra từ con lợn.

b) Tả tính nết và sự hoạt động của con lợn.

- Lợn có những tính nết gì, biểu hiện qua những hoạt động nào ? (Lúc đói, lúc no, khi tiếp xúc với người nuôi ...)

- Tả các chi tiết cụ thể cho thấy lợn hay ăn chóng lớn ?

(cách ăn uống và sự thay đổi về hình dáng, hoạt động so với trước ...)

Phần thứ ba : Kết luận

Cảm nghĩ của em về con lợn đã tả (thích hay không thích ở điểm nào, vì sao như vậy ? ... hoặc : con lợn gần gũi với em thế nào ; có tác dụng, ích lợi gì đối với gia đình em ?...)

III - Ghi nhớ về tả loài vật

1. Cần nêu rõ những đặc điểm về hình dáng, sự hoạt động, tính nết của con vật và mối quan hệ của nó đối với con người.

2. Chọn lọc những chi tiết nổi bật nhất, tiêu biểu nhất, rõ nét riêng của con vật cụ thể (không nhất thiết phải tả tỉ mỉ, đầy đủ tất cả các bộ phận đã quan sát).

3. Tả theo một trình tự hợp lí nhất định, theo cách quan sát, suy nghĩ của bản thân (tả hình dáng rồi đến hoạt động, tính nết hoặc xen kẽ lẫn nhau nhằm nổi bật nét chính).

4. Chú ý dùng từ ngữ, hình ảnh hay cách so sánh làm cho lời văn miêu tả sinh động, hấp dẫn.

5. Phải bộc lộ rõ tình cảm của bản thân đối với con vật được tả (yêu - ghét - vui - buồn, gắn bó ...)

Tiết 2

TẢ LOÀI VẬT (Làm bài viết)

I - Đề bài

Tả con lợn (con heo) hay ăn chóng lớn.

II - Yêu cầu

Đọc trước mục III (Tham khảo) ở nhà, hoàn chỉnh dàn bài để viết trên lớp. Viết xong, em đọc lại bài thật kĩ và sửa chữa, bổ sung chỗ cần thiết.

III - Tham khảo

CON LỢN NHÀ TÔI

Con lợn nhà tôi đã khá to, trông nó mập tròn, mũm mĩm. Nó là giống lợn lai kinh tế.

Mình nó trắng hồng, điểm thêm những chấm đen ở chân và bụng. Mẹ tôi bảo đó là các vết lang. Đôi mắt của nó tí hí lúc nào cũng như muốn nhắm tít lại. Hai má chảy sệ xuống. Bốn chân nắn nắn những thịt. Cái bụng tròn căng, núng nính gần sát đất. Đặc biệt đôi tai rủ xuống trông đến tức cười. Nó háu ăn lắm. Mỗi khi người thấy hơi cám, nó ừn ừn mấy tiếng rồi vẫy tai, ngoe nguẩy đuôi đi ra. Nó sục mõm vào máng, ăn tồ tộc, trông thật ngon lành.

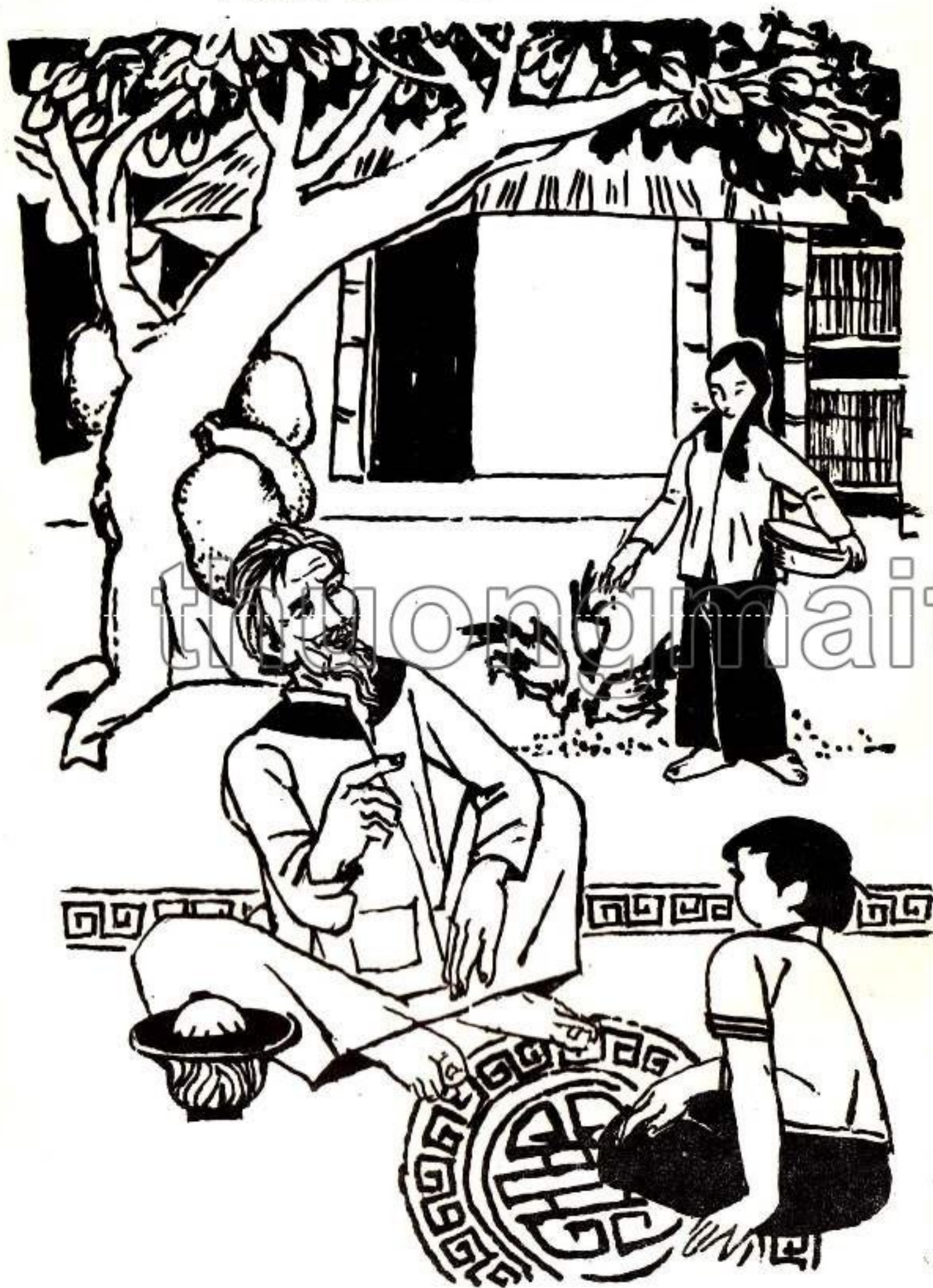
Hàng ngày, tôi chăm sóc nó thật chu đáo. Tôi thường giúp mẹ thái rau hoặc thái thân cây chuối, giã nhỏ, ủ chua để trộn với cám đã nấu chín cho lợn ăn. Nó đã quen tắm và rất thích tắm. Mỗi khi kì cọ cho nó, nó nằm ườn ra, đôi mắt lim dim tỏ vẻ dễ chịu lắm.

Con lợn nhà tôi giống tốt, lại được chăm sóc chu đáo nên nó lớn lên trông thấy. Nay mai bán lợn, nhà tôi sẽ có được một khoản tiền để sắm sửa, chi tiêu.

Phỏng theo Viết Linh



Chủ đề: GIA ĐÌNH



TUẦN LỄ THỨ TÁM

TẬP ĐỌC

29. TÔI LẠI CÓ GIA ĐÌNH

Tình cảnh của tôi lúc bấy giờ thật là bi đát. Cái người mấy năm nay coi tôi hầu như con đẻ, người ấy là cụ Vi-ta-li vừa mới qua đời. Cùng lúc ấy tôi lại mất một người bạn đồng hành, người bạn thân, người bạn tốt Ca-pi mà tôi yêu mến và nó cũng yêu mến tôi không hề xiết. Lúc này tôi không gia đình, không nhà cửa. Tuy nhiên khi ông chủ vườn ngỏ ý muốn cho tôi ở lại cùng gia đình thì tôi cũng thấy tin tưởng.

Như thế này thì đâu phải đã lâm vào cảnh trời cùng đất tận! Tôi còn có thể sống lại với đời. Điều làm cho tôi cảm động hơn cả việc được bảo đảm cái ăn hằng ngày, là cái không khí hòa thuận êm đềm trước mắt và cái cảnh gia đình ấm cúng mà người ta hứa hẹn với tôi.

Những anh con trai này sẽ là anh em tôi. Cái cô bé Li-dơ xinh xắn này sẽ là em gái tôi.

Trong những giấc mộng vàng của tuổi thơ, tôi thường mừng tượng gặp mẹ, gặp cha, chứ chưa bao giờ dám nghĩ đến có anh trai, em gái. Thế mà nay lại có.

Từ nay tôi lại có gia đình.

Theo HEC-TO MA-LÔ

Chủ giải

- Bi đát: Ở vào tình trạng hết sức đau khổ, đáng thương.

- *Cụ Vi-ta-li* : Tên một nhân vật trong truyện, bố nuôi của Rê-mi.
- *Ca-pi* : Tên con chó cùng làm xiếc với Rê-mi.
- *Giấc mộng vàng* : Ước mơ đẹp đẽ.

Hướng dẫn đọc

Đây là đoạn độc thoại của Rê-mi, nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết *Không gia đình*. Đoạn đầu đọc giọng trầm, ngậm ngùi vì tình thế bi đát lúc đó. Càng về sau giọng đọc càng vui hơn, vì hạnh phúc đến thật bất ngờ.

Tìm hiểu bài

1. Tìm các chi tiết chứng tỏ tình cảnh của Rê-mi thật là bi đát ?
2. Khi ông chủ vườn đề nghị Rê-mi ở lại cùng gia đình thì điều gì làm em xúc động nhất ? Tìm câu văn diễn tả cảm xúc này.
3. Em có cảm tưởng gì sau khi đọc xong bài văn này ?

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ ngữ sau : *hòa thuận, ấm cúng*.

HỌC THUỘC LÒNG

30. MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Năm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được

Thương bố con vụng về
Cùi mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sáng lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

ĐẶNG HIỀN

Chú giải

- *Thao thức* : Ở trạng thái không ngủ được vì có điều phải suy nghĩ.
- *Mùn* : Chất vụn nát như cùi vụn, mặt cửa dùng để đốt.
- *Nấu chua* : Nấu canh chua.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng các vần *ướt - ước*.
- Toàn bài nên đọc với giọng kể chuyện nhẹ nhàng, có nhấn giọng vừa phải ở những từ ngữ nói lên tình cảm thấm thiết giữa những người trong gia đình như : cơn mưa *dài*, vẫn thấy *trống*, như *nắng mới*, *sáng ấm* cả gian nhà...

Tìm hiểu bài

1. Ở khổ thơ thứ hai những từ ngữ, hình ảnh nào tả tâm trạng ba bố con trong đêm mưa bão ? Vì sao có tâm trạng đó ?
2. Tìm các từ ngữ tả công việc của ba bố con khi mẹ về quê. Các công việc ấy có ý nghĩa gì ? Em thích nhất công việc nào ?

3. Hình ảnh

Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà

nói lên tình cảm gì của ba bố con khi mẹ về ?

Luyện tập

1. Tìm một số câu ca dao nói về tình mẹ con.
2. Học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

31. ƠN BỐ MẸ

Bố mẹ dạy lớn khôn thông hiểu
Địu trên nường và mớm miếng cơm
Dạy ăn nói lời khôn nết tốt
Bao nhiêu ngày khó nhọc với con
Có nuôi con mới biết công bố mẹ
Đã nuôi mình từ nhỏ thế nào
Con ốm bố mẹ không ngủ được
Con vui bố mẹ nở hoa lòng.

Dân ca đăm cư Ơi Tày - Nùng
NÔNG MINH CHÂU sưu tầm, dịch

BÀI ĐỌC THÊM

32. QUÀ TẶNG CHA

Một bữa Pa-xcan - khi đó đã là sinh viên - đi đâu khuuya về thấy bố vẫn cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần. Ông bố vẫn mải mê với những con số, ông đang phải kiểm tra sổ sách của Sở tài chính mà ông mới được bổ nhiệm phụ trách.

Những dãy tính cộng hàng ngàn con số ! - Pa-xcan nghĩ thầm trong bụng - Một công việc buồn tẻ không thể tránh khỏi. Nhưng...

Trong óc nhà toán học trẻ tuổi lóe ra một tia sáng. Anh lặng lẽ rút về phòng mình và vạch một sơ đồ gì đó trên giấy.

Mười hôm sau, ông bố rất ngạc nhiên thấy con ôm một vật gì là lạ đặt trên bàn mình :

- Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con tính!

Thì ra đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. Đó cũng là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa xôi của những máy tính điện tử hiện đại.

LÊ NGUYỄN LONG - PHẠM NGỌC TOÀN

Chú giải

Pa-xcan : Nhà vật lý học, triết học, nhà văn nổi tiếng người Pháp thế kỉ 17. Ông sáng chế ra máy tính năm 18 tuổi.

CHÍNH TẢ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Bài ca về cây táo
(Bổn mùa xuân đến... đâu là một cây !)

II - Viết đúng

- tuyết, hồi sinh, giờ.
- chào đời, lá xanh, người.

III - Luyện tập

1. Điền dấu thanh "?" hoặc "~" vào các chữ thiếu dấu thanh : đồng co, cai cò, cung cố, cung có, rưa ráy, chín rưa, sở dĩ, sắc sở.

2. Điền s hay x vào chỗ trống :

- hồi ... inh, ...inh đẹp, ...inh sản, ...inh xắn.
- lá ...anh, ...anh xao, cái ...anh.

TỪ NGŨ

ÔN TẬP

1. "Tồ quốc" là một từ ghép gốc Hán.
 - Em hãy tìm một số từ ghép trong đó có tiếng "tồ" cùng nghĩa ? (tồ : ông cha từ thời xa xưa). Ví dụ : tồ tiên, giỗ tồ...
 - Tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "quốc" (quốc : nước, đất nước). Ví dụ : ái quốc, quốc gia...
2. "Cồ tích" cũng là một từ ghép gốc Hán. Em hãy tìm một số từ ghép khác, trong đó có tiếng "cồ" cùng nghĩa (cồ : cũ, xưa). Ví dụ : cồ đại, cồ thụ...
3. Đặt câu với mỗi từ sau : *um tùm, xum xuê*.
4. Trong bài văn của mình, có học sinh viết những câu như sau :
 - Tính tình anh ấy rất hiền lành, nhưng khi ra trận đánh giặc thì tác tợn vô cùng.
 - Học sinh sẽ hiểu sai vấn đề thầy giáo truyền tụng lại.

Em hãy chỉ ra từ dùng sai trong từng câu và sửa lại cho đúng. Vì sao em cho rằng bạn dùng các từ đó là sai ?

5. Em hiểu nghĩa của các thành ngữ sau đây như thế nào : *non xanh nước biếc, muôn hình muôn vẻ, trèo đèo lội suối, lên thác xuống ghềnh, tiền rừng bạc bể...*

NGŨ PHÁP

CÂU HỘI THOẠI DẤU VẠCH NGANG, DẤU NGOẶC KÉP

I - Bài học

1. Trong khi viết bài, người ta có thể xen vào lời nói trực tiếp của người (hoặc vật được nhân hóa) đang được nói đến trong câu chuyện. Những câu nói trực tiếp đó được gọi là câu hội thoại.

Ví dụ :

Trời thu mát mẻ. Trên bờ sông một con Rùa đang cố sức tập chạy.

Một con Thỏ trông thấy mĩa mai Rùa :

- *Đồ chậm như sên. Mà mà cũng đòi tập chạy à ?*

Rùa đáp :

- *Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn ?*

Theo La Phong-ten

Những câu được in nghiêng ở trên là những câu hội thoại.

2. Khi viết, trước mỗi câu hội thoại cần đặt một dấu vạch ngang đầu dòng. Hết câu hội thoại phải xuống dòng.

Ví dụ :

Rùa đáp :

- *Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn ?*

Trong một đoạn văn, bài văn, có thể đặt câu hội thoại vào trong dấu ngoặc kép ("..."). Ghi theo cách này, trước đó cần có dấu hai chấm và không phải xuống dòng.

Ví dụ :

Có lần thấy cha còn miệt mài đọc sách giữa đêm khuya, con của Đắc-uyên hỏi : "*Cha đã là nhà bác học rồi còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì nữa cho mệt ?*" Đắc-uyên bình thản đáp : "*Bác học không có nghĩa là ngừng học*".

Hà Vi

GHI NHỚ

Câu hội thoại là câu nói trực tiếp của người (hoặc vật được nhân hóa) đang được nói đến trong câu chuyện.

Câu hội thoại được ghi sau dấu vạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.

II - Luyện tập

1. Gạch dưới những câu hội thoại trong đoạn trích sau :

Chim sâu nhiều thế. Nó bay tràn qua vườn cải. Cả đàn sà xuống, lúu rúu trên những luống rau trồng muộn.

Bé hỏi :

- Chích bông ơi chích bông, làm gì thế.

Chim trả lời :

- Chúng em bắt sâu.

Tô Hoài

2. Em hãy đọc đoạn trích sau đây đúng với tình cảm của những câu hội thoại :

Một lần, I-u-ra bước ra sân khi tên sĩ quan đang ngồi uống cà phê dưới gốc cây lê. Tên sĩ quan hỏi :

- Thằng nhóc tên gì ?

- I-u-ra.

- Mà là đội viên hả ?

- Phải.

- Thế khăn quàng của mày đâu ?

- Trong hòm.

- Tại sao lại trong hòm ? Sao mày không đeo ?

- Vì không thể quàng khăn trước mặt bọn phát xít. Cần phải giữ gìn nó chờ khi quân của chúng ta trở về.

I-u-ra

3. Em hãy viết một đoạn văn trong đó có dùng câu hội thoại.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ LOÀI VẬT

(Trở bài)

I - Đề bài

Tả con lợn (con heo) hay ăn chóng lớn.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm bài đã làm theo hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo).

2. Đọc lại bài văn đã viết và so sánh với bài văn của một vài bạn khác, em thấy con lợn mình tả có những nét gì riêng, độc đáo, không giống như con lợn của bạn đã tả.

Tiết 2

TẢ LOÀI VẬT

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Trong các con vật nuôi của gia đình, em thích con nào nhất ? Hãy tả con vật đó.

II - Yêu cầu

1. Em chọn một con vật nuôi của gia đình mà em yêu quý nhất (có thể là gia cầm như : gà, vịt, ngan, ngỗng, chim... hoặc gia súc như : mèo, chó, trâu, bò, ngựa, thỏ...). Sau khi quan sát kĩ, em lập dàn bài theo gợi ý dưới đây :

Phần một : Mở bài

Giới thiệu con vật sẽ tả : Đó là con gì, do ai trực tiếp nuôi, nuôi từ bao giờ, nay đã thế nào ? ... hoặc : Em trông thấy con vật lúc nào, nó có vẻ gì trông thật đáng yêu ? ...

Phần hai : Thân bài

a) Đặc điểm hình dáng bên ngoài

- (Nếu là gia súc) : Trông cao to hay thấp nhỏ ? To nhỏ bằng chừng nào, giống vật gì ? Màu da (hoặc lông) thế nào. Đầu, mình, chân, đuôi có nét gì đặc biệt ? ...

- (Nếu là gia cầm) : Trông nhỏ nhắn hay vừa phải ? Hình dáng giống vật gì quen thuộc ? Màu sắc của bộ lông ? Đặc điểm nổi bật ở đầu, mình, chân, đuôi ? ...

b) Về tính nết và một vài hoạt động

- Tính nết đáng yêu nổi bật của con vật là gì ? Tính nết ấy được biểu hiện qua những hoạt động nào ?

(Ví dụ : Khi ăn, khi ngủ, lúc đứng, lúc nằm ; khi trong chuồng, lúc ở ngoài sân; khi bình thường, khi có chuyện gì đột xuất xảy ra...).

- Nét đáng yêu về tính nết của con vật gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì ?

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ chung của em về con vật đã tả (thấy gần gũi, có cảm tình như thế nào ? đem đến cho em những ấn tượng gì tốt đẹp ?...).

2. Dựa vào dàn bài cụ thể, em tập nói trên lớp (nói từng phần, từng ý, nói cả bài).

TUẦN LỄ THỨ CHÍN

TẬP ĐỌC

33. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào bọc... Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, gió thổi lẩn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắp lại vì rét.



Sơn cũng thấy lạnh vội lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan :

- Con vào buồng lấy thúng áo ra, mẹ mặc cho em đi.

Rồi quay lại bảo Sơn :

- Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo dề cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em rồi co ro đứng dậy, sang phần bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót một chén, Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào má cho ấm rồi để mát vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường bảo làm thế chóng tỉnh mắt.

THẠCH LAM

Chú giải

- *Gió lạnh đầu mùa* : Ở phía bắc nước ta từ đèo Hải Vân trở ra, về mùa đông, gió mùa đông bắc thường tràn về từng đợt mang theo giá lạnh. Ở đây, gió lạnh đầu mùa là chỉ những đợt gió mùa đông bắc đầu tiên báo hiệu mùa đông đến.

- *U ám* : (Bầu trời) mờ, tối, không sáng sủa do có nhiều mây đen bao phủ.

Hướng dẫn đọc

Đọc thông thả, chậm, rõ đoạn cảnh ngoài sân. Đọc giọng ấm áp đoạn tả cảnh gia đình ấm cúng trong một buổi sớm giá lạnh.

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ tả sự thay đổi của cảnh vật khi gió mùa đông bắc về.
2. Tìm các chi tiết tả sự săn sóc của mẹ đối với Sơn và em bé.

Luyện tập

Tập đọc diễn cảm bài văn.

HỌ THUỘC LÒNG

34. MÙA HẠ ĐI ĐÂU

Bà ơi mùa hạ đi đâu
Chùm vải trọc đầu trốn biệt trên cây
Tiếng sấm trốn lẩn vào mây
Quạt nan nằm nhớ bàn tay của bà
Sông gầy, dề doãi chân ra
Mặt trời ngủ sớm tiếng gà dậy trưa
Khoai sọ mọc chiếc răng thừa
Cốc ngồi cốc nhớ cơn mưa trắng chiều
Nghe bà, cháu đã mặc nhiều
Mà sao cái rét vẫn theo vào nhà
Cháu sà vào lòng của bà
Đôi tai đỡ buốt, tay xoa ấm dần
Cái lạnh chạy khỏi đôi chân
Hàm răng thôi khỏi va nhăm vào môi
Bà ơi, cháu đã thấy rồi :
Mùa hạ vào ở trong đôi tay bà.

HỮU THÍNH

Chú giải

Doãi : Dề cho dài thẳng ra hoặc giang rộng ra (thường nói về tay, chân).

Hướng dẫn đọc

Khi đọc chú ý biểu hiện được tình cảm tha thiết của cháu đối với bà, đặc biệt ở các câu cảm (Bà ơi, mùa hạ đi đâu ! Bà ơi cháu đã thấy rồi...).

Tìm hiểu bài

1. Hai khổ thơ đầu có nhiều chi tiết ngộ nghĩnh. Em thích nhất chi tiết nào ? Các chi tiết này nhằm tả cảnh nào ?

2. Tìm các từ ngữ, hình ảnh tả em bé trước và sau khi sà vào lòng bà.
3. Vì sao em bé lại có nhận xét được nói đến trong câu thơ cuối cùng của bài ?

Luyện tập

Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

35. GIÂY PHÚT THIÊNG LIÊNG

Tiếng chuông đồng hồ từ vô tuyến ở các nhà xung quanh thông thả gõ từng tiếng. Đó đây đã râm ran tiếng pháo giao thừa... Nguyên xoe diêm châm lửa đốt. Quả pháo cối đầu tiên nổ rất giòn... Đợi quả pháo cuối cùng nổ xong tôi bảo Nguyên:

- Năm nay chị em mình sẽ gặp nhiều cái may, vì pháo nổ rất tốt.

- Không thấy Nguyên trả lời, tôi nhìn sang. Hai tay Nguyên vịn vào song cửa sổ, mắt nhìn xa vời vợi. Qua ánh đèn ngoài đường hắt vào, tôi thấy ở khóe mắt nó hai giọt lệ lớn sắp sửa lăn xuống má. Tự nhiên nước mắt tôi trào ra. Cũng giờ này năm ngoái tôi còn đón giao thừa với ba ở bệnh viện. Năm nay ba bỏ con một mình, ba ơi ...

- Chị ! - Nguyên quay sang tôi giọng nghẹn ngào - Chị... Chị là chị gái của em nhá !

Tôi nhìn nó cười trong hai hàng nước mắt kéo vệt trên hai má.

- Nguyên ! Chị sẽ là chị của em mãi mãi. Nếu ba còn sống chắc ba sẽ rất thích vì có thêm một cậu con trai đấy !

Nguyên cười rồi đưa tay lên quệt má. Tôi chẳng buồn lau mặt nữa. Chúng tôi đứng như vậy nhìn ra phía xa sáng rực

ánh đèn các màu, xung quanh là tiếng pháo nổ, khi xa, khi gần liên tục. Một năm mới bắt đầu...

THÙY LINH

Chú giải

Nguyên là em bé sống một mình vì bố mẹ li dị nhau và đã chuyển đi sống ở nơi khác. "Tôi" là một chị cán bộ cũng không còn bố mẹ. Hai chị em thông cảm với nhau và nhận làm chị em nuôi.

BÀI ĐỌC THÊM

36. NÓI VỚI CON

Hôm nay, trước mặt cô giáo của con, con đã có một lời nói thiếu lễ độ với mẹ ! Hăng-ri của bố, từ nay trở đi những sự việc như vậy, không bao giờ con được tái phạm nữa. Thái độ hỗn láo của con làm cho bố đau nhói trong tim. Bố nhớ tới mẹ con cách đây mấy năm đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi của con, theo dõi hơi thở hỗn hển của con, đã lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng đứa con yêu quý của mình có thể mất đi. Nhớ lại hình ảnh ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con. Hăng-ri hãy suy nghĩ xem ! Con mà lại làm phật lòng mẹ ư ? Một người mẹ sẵn sàng hi sinh một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, một người mẹ có thể liều chết để cứu sống con !

Hăng-ri, con hãy suy nghĩ đến điều này : trong đời con, có thể con sẽ trải qua những ngày buồn thảm, nhưng ngày buồn thảm nhất của con là ngày con mất mẹ.

Khi con khôn lớn trưởng thành, đôi lúc con hồi tưởng tới mẹ con với lòng mong mỏi thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ và được mẹ lại giang tay ra ôm con vào lòng. Dù to lớn, dù khỏe mạnh thế nào chăng nữa, khi đã mất mẹ rồi thì

con cũng thấy mình chỉ là một đứa trẻ đáng thương, yếu đuối, không người che chở mà thôi ! Con sẽ nhớ lại với một nỗi niềm cay đắng về những điều con đã làm cho mẹ phải phiền muộn...

Hăng-ri, con hãy nhớ rằng, tình thương yêu cha mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất. Vô phúc cho những ai chà đạp lên tình yêu thương đó. Một kẻ phạm tội mà còn biết tôn kính mẹ, thì dù sao cũng vẫn còn lại một chút lương tri. Trái lại, người có danh vọng thật đấy, nhưng lại là kẻ bất hiếu với mẹ, thì cũng chỉ là một con người không đáng làm người.

Từ nay, không bao giờ con được nói một lời tàn nhẫn nào nữa với mẹ. Còn lần này con phải đi xin lỗi mẹ về những sai lầm con đã phạm phải, nhưng việc làm này không phải là do sự thúc bách của bố mà phải do lòng chân thành hối lỗi và lòng kính trọng của con đối với mẹ. Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho cái hôn ấy gột sạch dấu vết lỗi lầm vừa qua của con.

Bố của con
Theo ET-MÔNG ĐỒ A-MLXI

CHÍNH TẢ

Chính tả (so sánh)
(Tiết dành cho địa phương biên soạn. Sau đây là một bài soạn gợi ý)
Phân biệt dấu thanh "?" với dấu thanh "~"

I - Bài viết

Viết đúng các tiếng có dấu thanh (?) hoặc dấu thanh (~) trong các câu văn sau đây :

Tôi vừa theo dõi đường bay, vừa ghi vào sổ tất cả những điều tôi trông thấy. Ở phía dưới con tàu, hình ảnh trái đất đang trải bày trước mắt tôi. Những dãy núi hùng vĩ, những con sông cuộn chảy, những bờ biển trải dài khi ẩn, khi hiện. Tôi đã thấy những đám mây đang bay trên trái đất thân yêu xa xôi. Trong bầu trời đen thẳm, những ngôi sao cháy sáng rực rỡ.

Theo I-u-ri Ga-ga-rin

II - Nhận xét

1. Những tiếng nào khi viết phải đánh dấu hỏi ?
2. Những tiếng nào khi viết phải đánh dấu ngã ?

III - Phân biệt dấu thanh "?" với dấu thanh "~"

~	?
1. <i>Sổ</i> (sổ sàng)	- <i>Sở</i> (sổ sách, sở diêm)
2. <i>Vĩ</i> (hùng vĩ, vĩ đại, vĩ cầm)	- <i>Vỉ</i> (vỉ ruồi, vỉ khuy...)
3. <i>Đã</i> (đã thấy, đã xem)	- <i>Đá</i> (ầu đá)

TỪ NGỮ

Công cha - Nghĩa mẹ

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"

Ca dao

- Câu ca dao trên đã so sánh công cha - nghĩa mẹ với những gì?
- Tìm những từ cùng nghĩa với từ cha, từ mẹ ? (Ví dụ : bố, ba...).
- 2. Những từ ngữ nào nói lên nỗi vất vả của cha mẹ khi nuôi con ? (Ví dụ : bú mớm, nâng giấc...).
- 3. Em hãy tìm những từ ngữ biểu hiện tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái ? (Ví dụ : chăm chút, chiều chuộng...).

II - Luyện tập

1. "Chộp chững" là một từ láy gồm hai tiếng, có phụ âm đầu giống nhau được lấy lại (láy âm : ch... ch...). Từ này gợi tả hình ảnh em bé đang làm gì ?
2. Các từ sau giống nghĩa nhau ở chỗ nào, khác nghĩa nhau ở chỗ nào : *đm, bế, ồm, ủ*.

3. Trong hai dòng thơ :

"Bố mẹ dạy lớn khôn thông hiểu
Địu trên nường và mớm miếng cơm"

Dân ca Tày - Nùng

em hiểu thế nào là "địu", thế nào là "mớm" ? "Địu" khác "cõng" như thế nào ?

4. Những lúc rỗi rãi, em thường giúp đỡ bố mẹ. Em hãy viết lại đoạn văn ngắn (khoảng 6-8 câu) kể lại một trong những việc em thường làm để giúp đỡ bố mẹ.

NGỮ PHÁP

SỬ DỤNG CÂU TRONG KHI NÓI VÀ KHI VIẾT

I - Bài học

1. Trao đổi ý kiến bằng câu

Chúng ta thường dùng câu để :

- Kể về một việc (câu kể).
- Hỏi về một việc (câu hỏi).
- Yêu cầu người khác làm một việc (câu cầu khiến).
- Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (câu cảm).

Kể, hỏi, cầu khiến, cảm là bốn hình thức trao đổi ý kiến giữa mọi người. Tùy thuộc vào nội dung và mục đích nói, viết, chúng ta sẽ lựa chọn loại câu cho thích hợp.

2. Sự phối hợp các hình thức trao đổi ý kiến

Khi nói hoặc viết, chúng ta không chỉ dùng một câu. Nội dung và mục đích nói hoặc viết của chúng ta rất phong phú. Bởi vậy việc dùng phối hợp đúng chỗ các câu kể, hỏi, cầu khiến và cảm trong khi nói, viết sẽ giúp cho lời nói hoặc bài viết của chúng ta thêm sinh động.

Ví dụ :

CÓ MỘT LẦN

Thực tình tôi chẳng muốn kể chuyện này vì tôi thấy ngượng quá. Nhưng dù sao, tôi cũng xin kể để các bạn nghe.

Có một lần ngồi trong lớp, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm. Thế là má sưng phồng lên. Tôi nhăn nhó mặt mũi. Rồi tôi khẽ rên : "Ồi, răng

đau quá !" Đây là tôi cố tình làm thế để không bị gọi đọc bài. Cô giáo tin tôi. Các bạn cũng tin. Ai cũng thương tôi và lo lắng. Cô giáo nói :

- Răng em đau phải không ? Em về nhà đi !

Nhưng tôi không muốn về nhà. Tôi lấy lưỡi đẩy đi đẩy lại cục giấy thấm trong mồm và nghĩ : "Mình đánh lừa được tất cả mọi người, tài thật".

Bỗng một cậu bạn hét âm lên :

- Nhìn kia ! Chỗ răng sưng của bạn ấy bây giờ chuyển sang má bên kia rồi !

Theo Gô-li-an-ka

II - Luyện tập

1. Các câu dưới đây thuộc loại câu nào ? (kể, hỏi, cầu khiến hay cảm) :

- Có một lần ngồi trong lớp, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm.

- Răng em đau có phải không ? Em về nhà đi !

- Nhìn kia ! Chỗ răng sưng của bạn ấy bây giờ chuyển sang má bên kia rồi !

2. Những câu sau đây khác nhau như thế nào ?

- Trời đẹp.

- Trời đẹp nhỉ ?

- Trời đẹp quá !

3. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) với chủ đề tự chọn có sử dụng phối hợp hai (hoặc ba) kiểu câu đã học.

Sau khi viết, hãy xác định các câu trong đoạn thuộc kiểu nào ?

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ LOÀI VẬT

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Trong các con vật nuôi của gia đình, em thích con nào nhất? Hãy tả con vật đó.

II - Yêu cầu

Em đọc trước mục III (Tham khảo) ở nhà. Dựa vào dẫn bài đã chuẩn bị, em viết thành bài văn và đọc lại cẩn thận để tránh những lỗi về diễn đạt (chính tả, dùng từ, đặt câu).

III - Tham khảo

1. Tả con ngan nhỏ

... Con ngan nhỏ mới nở được ba hôm trông chỉ to hơn cái trứng một tí. Nó có bộ lông vàng óng. Một màu vàng đáng yêu như màu những con tơ non mới guồng. Nhưng đẹp nhất là đôi mắt với cái mỏ. Đôi mắt chỉ bằng hột cườm, đen nhánh hạt huyền lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con ngươi bóng mờ. Một cái mỏ màu nhung hươu vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm mại như thế, mọc ngay ngắn trước cái đầu xinh xinh vàng muộm. Ở dưới bụng, lùn chùn hai chân bé tí màu đỏ hồng...

Tô Hoài

2. Tả chú thỏ con

... Chú thỏ có bộ lông trắng non như bông, toàn thân không có một đốm nào khác. Cái mõn nhòn nhọn động dậy luôn.

Cái mũi do do lúc nào cũng ươn ướt luôn hít hít thờ thờ. Bộ ria mọc hai bên mép cũng trắng như cước. Đôi mắt đỏ hồng tròn xoe như hai hòn bi, trông rất hiền. Hai tai thỏ to như hai cái lá dơi lúc nào cũng vênh lên.

Chú thỏ này có vẻ bạo dạn lắm. Tuy mới được mua về nhà, chú đã quen ngay. Vừa thả vào chuồng nó sà ngay vào đồng lá rau, vừa ăn vừa tròn xoe hai mắt nhìn em. Những sợi ria mép vênh lên. Hai tai thỏ động dậy như lắng nghe những tiếng ở mọi nơi. Một mẩu đuôi ngắn tí tẹo ngo ngoe luôn...

(Theo bài của Nguyễn Văn Bình)

3. Tả con nghé mới vục

... Đó là một con nghé mới vục được hai vụ. Nó thuộc giống trâu Vĩnh Bảo nên không to lắm. Đôi sừng nhọn hoắt. Cặp mắt lồi to như hai con ốc nhồi. Cái cổ vừa to vừa "trường".

... Dù chẵn trên bờ đê hay ở bờ ruộng, nó cũng gặm cỏ soàn soạt. Cái lưỡi nó thè ra, liếm cả cỏ ngắn cỏ dài. Em chẵn chả mấy chốc mà nó đã no căng bụng. Em cho nó xuống đầm tắm rửa, kì cọ. Ngâm mình dưới nước, nó chỉ nhô cái đầu lên, mắt lim dim có vẻ khoan khoái. Tắm xong, em buộc nó vào gốc cây xoan ngoài vườn. Bây giờ nó mới nằm nghỉ và bắt đầu nhai lại. Từng nắm cỏ tròn tròn như nắm tay người lớn từ bụng nó trôi lên miệng rồi lại từ từ trôi về bụng sau khi nhai kĩ. Nó cày rất khỏe. Cứ cho ăn thật no là bất kì trời nắng hay mưa, nó cứ gò lưng kéo. Dù chân ruộng cao hay lầy, nó cũng làm nổi bốn sào ta một ngày...

Phạm Bích Vân

Tiết 2

TẢ LOÀI VẬT (Trả bài)

I - Đề bài

Trong các con vật nuôi của gia đình, em thích con nào nhất? Hãy tả con vật đó.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm và sửa bài đã viết theo hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo).

2. Củng cố lại cách làm một bài văn miêu tả nói chung và cách làm từng kiểu bài văn miêu tả đã học (Tả đồ vật, Tả cây cối, Tả loài vật).

TẬP ĐỌC

37. BA CÔ GÁI

Ngày xưa có một bà sinh được ba cô con gái xinh đẹp như mặt trăng. Bà phải làm lụng vất vả mới nuôi nổi con. Lớn lên các con đều đi lấy chồng xa.



Năm đó, bà mẹ ốm nặng. Bà nhờ Sóc Nâu đến báo tin cho các con bà biết.

Biết tin mẹ ốm, người con cả thờ dài nói :

- Ôi ! Chị muốn về ngay, nhưng chị còn phải cọ sạch hai cái chậu này đã !

Sóc Nâu giận dữ kêu lên : "Cọ hai cái chậu này đã ! Vậy thì chị cứ ở trong hai cái chậu ấy mà cọ suốt đời nhé !"

Sóc Nâu vừa dứt lời thì hai cái chậu đã úp chụp lấy cô chị cả. Cô ta hóa thành con rùa.

Sóc Nâu lại đến nhà người con gái thứ hai. Cô này nói :

- Chị còn phải dệt vải để đem đi chợ bán !

- Vậy thì chị sẽ dệt vải suốt đời nhé !

Sóc Nâu vừa dứt lời thì cô kia đã biến thành con nhện.

Khi Sóc Nâu đến nhà người con gái út thì cô này đang nhào bột. Không kịp nói một lời, không kịp ra rửa tay, cô vội vàng chạy về thăm mẹ. Sóc Nâu âu yếm nói :

- Chị và con cháu chị sẽ được mọi người yêu mến !

Đúng như lời chúc, cô gái út sống rất lâu, được mọi người yêu mến và khi chết cô biến thành con ong. Suốt mùa hè, ong đi hút mật. Đến mùa đông giá lạnh, ong yên tâm ở trong tổ ấm áp, đầy mật thơm ngon.

Truyện cổ Pec-ta
PHƯƠNG TRÂM kể

Hướng dẫn đọc

Đọc diễn cảm, thể hiện rõ thái độ của từng nhân vật, đặc biệt lời của Sóc Nâu khi nói với từng người (mà mai giận dữ khi nói với cô chị cả và chị thứ hai, âu yếm khi nói với cô út).

Tìm hiểu bài

1. Vì sao Sóc Nâu tỏ ra giận dữ người chị cả và chị thứ hai?
2. Vì sao Sóc Nâu lại tỏ ra âu yếm đối với cô út?
3. Em có suy nghĩ gì sau khi đọc xong truyện?

Luyện tập

Tập kể lại câu chuyện bằng lời của Sóc Nâu.

HỌC THUỘC LÒNG

38. KHÚC HÁT RU

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!

Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ

Mẹ già gạo, mẹ nuôi bộ đội

Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng

Mồ hôi mẹ rơi, má em nóng hổi

Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

Lưng đưa nôi và tim hát thành lời:

- Ngủ ngoan a Kay ơi, ngủ ngoan a Kay hỡi.

Mẹ thương a Kay, mẹ thương bộ đội

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần

Mãi sau con lớn vùng chày lún sân.

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Chú giải

- Cu Tai: Tên riêng em bé.
- Lưng đưa nôi: Ý nói người mẹ dịu con trên lưng, luôn luôn đưa cho con ngủ ngon.
- A Kay: Dứa con (tên địa phương vùng núi Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế)

Hướng dẫn đọc

Chú ý cách ngắt nhịp ở những câu sau:

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!

Em ngủ cho ngoan / đừng rời lưng mẹ

Vai mẹ gầy / nhấp nhô làm gối

Lưng đưa nôi / và tim hát thành lời

Giọng đọc êm nhẹ, thể hiện tình thương con của người mẹ.

Tìm hiểu bài

1. Tình yêu nước và thương con của bà mẹ miền núi Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế trong bài thể hiện ở những chi tiết nào?

2. Em hiểu câu thơ: "Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng" như thế nào?

3. Nhịp thơ hai câu 8, 9 có gì đặc biệt? Tìm các từ ngữ, hình ảnh tả ước mơ của bà mẹ trong hai câu thơ 10, 11.

Luyện tập

Học thuộc lòng và bài.

BÀI ĐỌC THÊM

39. RU EM

Ru em, em ngủ

Ngủ say, ngủ kĩ

Ngủ đợi mẹ và lí kiếm cá về

Ngủ chờ mẹ đi ruộng kia bắt *luồm*

Luồm cánh cộc ăn chiều

Luồm cánh dài đẻ mớm

Mớm cơm em nhỏ em thơ

Khi lớn lên ra đồng

Ra đồng xem ruộng
Thấy quạ đen nhò mạ
Thấy con ngựa đếm tiền
Con ong gầy đàn tính
Bọ hung biết chèo thuyền
Con heo gánh nước
Con bằm vẩy đuôi
Cô nàng búi tóc
Con trẻ dậy sớm lại ngủ trưa
Đến bữa cơm mẹ về sẽ dậy.

Dân ca Tây-Nùng

TRIỀU ÂN - HOÀNG QUYẾT sưu tầm và dịch

Chú giải

Lí : Dụng cụ dùng để giăng bắt cá ở suối.

Luồm : Con vật giống con muồm muồm.

BÀI ĐỌC THÊM

40. CON CHÀ BIẾT ĐƯỢC DÂU

Mẹ đan tấm áo nhỏ
Bây giờ đang mùa xuân
Mẹ thêu vào chiếc khăn
Cái hoa và cái lá
Cỏ bờ dê rất lạ
Xanh như là chiêm bao
Kìa bãi ngô, bãi dâu
Thoáng tiếng cười dâu đó

Mẹ đi trên hè phố
Nghe tiếng con đạp thềm
Mẹ nghĩ đến bàn chân
Và con đường tí tấp
Bỗng như lên tiếng hát
Từ màu mạ dưới đồng
Từ hạt cây trong rừng
Từ cánh bướm trên biển
Thường trong nhiều câu chuyện
Bố vẫn nhắc về con
Bố mới mua chiếc chăn
Dành riêng cho con đắp
Áo con bố đã giặt
Thơ con bố viết rồi
Các anh con hỏi hoài :
- Bao giờ sinh em bé ?
Cả nhà mong con thế
Con chả biết được đâu
Mẹ ghi lại đề sau
Lớn lên rồi con đọc.

Tháng 1/1975
XUÂN QUỲNH

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - HAI VIẾT

Quà tặng cha

(Trong óc nhà toán học trẻ tuổi...bố bớt nhức đầu vì những con tính).

II - Viết đúng

- Trên giấy, trẻ tuổi, tia sáng.
- Toán học, lặng lẽ, trước bàn.

III - Luyện tập

1. Điền dấu thanh "ˇ" hay "˘" vào các chữ in nghiêng :

- Tối nào em *cung* làm bài, học bài.
- Bài văn không có câu nào viết *lung cung*.
- Hằng ngày, các bạn *tre* phải năng tập *thê dục* tắm *rửa* sạch *se dẽ* cho thân *thê* *khoe* mạnh.
- Những con bói cá *mo* dài, lông sặc *sơ*.

Những con cuốc đen trùi *trui* len *loi* giữa các bụi ven bờ.

2. Viết hai từ có vần "iu" và hai từ có vần "iêu". Đặt câu với những từ đó.

TỪ NGỮ

Ông cháu - Bà cháu

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Đọc đoạn thơ sau :

"Trong vòm lá mới chồi non
Chùm cam bà giữ vẫn còn đung đưa
Quả ngon dành tận cuối mùa
Chờ con, phần cháu bà chưa trảy vào
Giếng, hai rét cửa như dao
Nghe tiếng chào mào, chống gậy ra trông
Nom đoài rồi lại ngắm đông
Bề lo sương tấp, bề phòng chim ăn"

Võ Thanh Am

Những từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn thơ nói về lòng thương con, quý cháu của bà ?

2. Tìm những từ ngữ diễn tả tình cảm của cháu đối với ông bà ? (Ví dụ : kính yêu, mời, biếu, vâng lời...)

3. Tìm những từ ngữ nói về dáng vẻ bên ngoài của ông bà em ? (Ví dụ : lưng còng, tóc bạc...)

4. Tìm những thành ngữ nói về ông bà ? (Ví dụ : tóc bạc da mồi, thương con quý cháu...)

II - Luyện tập

1. "Đi bỏ" là một từ láy âm (láy phụ âm đầu...). Từ này gợi tả tiếng trẻ con đang làm gì ?

2. Các từ *cho*, *biếu*, *tặng* giống nghĩa nhau ở chỗ nào, khác nghĩa nhau chỗ nào ?

3. Từ *kính yêu* gồm hai tiếng "kính" và "yêu". Em hãy ghép các tiếng khác vào tiếng "kính" và tiếng "yêu" để tạo nên những từ mới ? (Ví dụ : kính trọng, yêu quý...)

4. Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

Ông tôi năm nay đã già lắm. Tóc ông ..., da ông..., lưng ông ... xuống, đi đâu ông tôi cũng phải chống gậy. Ông tôi rất ... tôi. Tôi vô cùng ... ông. Có gì quý tôi cũng mang ... ông.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP

Bảng 1

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
1	Tiếng Việt	- Tiếng nói của dân tộc Việt. - Tiếng phổ thông của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.
2	Chữ Việt	- Chữ viết ghi lại tiếng nói của dân tộc Việt.

3	Câu	- Do nhiều từ kết hợp lại để biểu thị một ý trọn vẹn.
4	Từ	- Bao giờ cũng có ý nghĩa và dùng để đặt câu.
5	Tiếng, Chữ	- Tiếng dùng để tạo thành từ, đọc lên thành một <i>tiếng</i> , viết ra thành một <i>chữ</i> . - Tiếng phân ra thành : - <i>Âm đầu</i> là phụ âm. - <i>Vần</i> có âm chính là nguyên âm. - <i>Thanh</i> .
6	Âm - Chữ cái	- Âm dùng để ghép thành các tiếng khác nhau. - Âm đầu của tiếng bao giờ cũng là <i>phụ âm</i> . - Âm chính (trong vần) của tiếng bao giờ cũng là <i>nguyên âm</i> . - <i>Chữ cái</i> dùng để ghi âm và ghép thành chữ (ghi tiếng).

Bảng 2

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung	Dấu
1	Câu kể	Kể lại sự việc hay tả cảnh vật.	Dấu chấm
2	Câu hỏi	Nêu sự việc cần biết để người nghe trả lời.	Dấu chấm hỏi
3	Câu cầu khiến	Nêu việc mong muốn hay đòi hỏi người nghe thực hiện.	Dấu chấm cảm
4	Câu cảm	Biểu lộ tình cảm của người nói.	Dấu chấm cảm
5	Câu hội thoại	Là câu nói trực tiếp của người (hoặc vật được nhân hóa) đang được nói đến trong câu chuyện.	Dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

BÀI KIỂM TRA TẬP LÀM VĂN

(Làm tại lớp)

I - Đề bài (giáo viên chọn một trong ba đề dưới đây)

1. Hãy tả lại một đồ vật của em hoặc của gia đình mà em cảm thấy thân thiết và gần gũi.

2. Nơi em ở có loài cây nào quen thuộc nhất? Hãy miêu tả một cây mà em từng quan sát kĩ vào thời điểm cụ thể (do em chọn).

3. Hãy tả lại một con vật mà em từng được tiếp xúc và cảm thấy thích thú.

II - Yêu cầu

Theo yêu cầu của đề bài (do giáo viên chọn), em thực hiện tốt các bước sau:

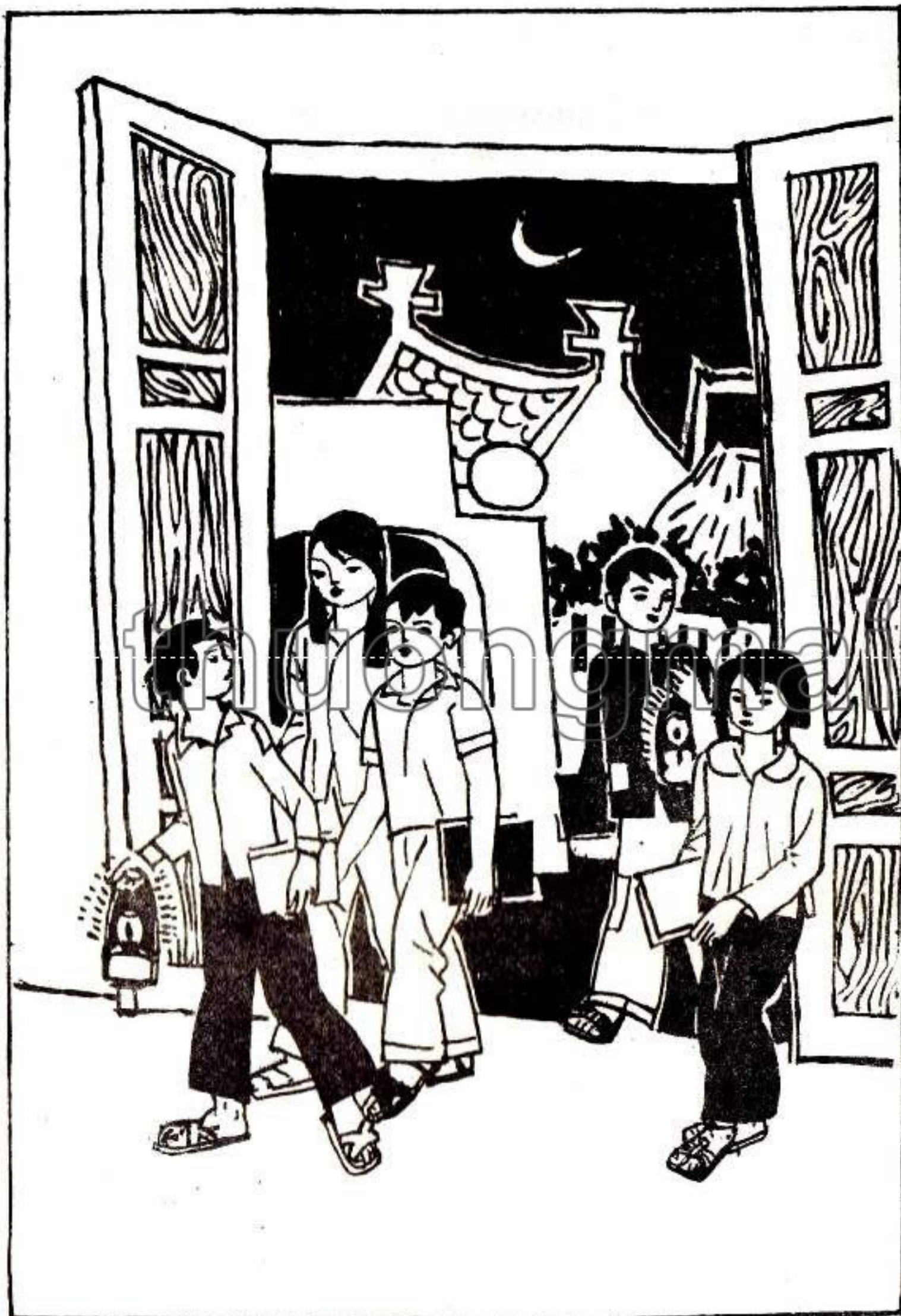
1. Đọc lại, tìm ý, lập dàn bài (ghi rõ ý chính).

2. Viết bài (chú ý tránh lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu).

3. Đọc lại bài, sửa chữa những chỗ chưa hoàn chỉnh.

Tiết 2

TRẢ BÀI KIỂM TRA



TẬP ĐỌC

41. EM PHẢI HỌC

Trong ánh sáng loang loáng tím nhạt của buổi chiều xuân hôm ấy có một cái gì buồn hiu hắt, tưởng như ánh hoàng hôn cũng hiểu thấu nỗi buồn chia li của chúng tôi ... Thầy Duy-sen nhìn chăm chăm vào mắt tôi, thầy lấy tay vuốt tóc tôi và nói :



- An-tư-nai ạ, em phải lên thành phố, em phải học. Thật ra thầy cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Em đi đi, như vậy tốt hơn ... Có lẽ rồi em sẽ trở thành một người giáo viên thật sự và đến khi nhớ lại ngôi trường bé nhỏ của chúng ta, em sẽ cười cũng nên ... Thầy chỉ mong thế ... chỉ mong được thế.

Xa xa có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, vang dội khắp thung lũng quanh ga. Mọi người nhón nhác trên sân ga.

- Thôi thế là em sắp đi - Duy-sen xiết tay tôi nói, giọng run run - chúc em hạnh phúc - An-tư-nai nhé. Và cái chính là em phải học, phải học.

Tôi không đáp, nước mắt trào lên nghẹn ngào không sao nói được.

Tôi nhảy lên bậc cao và ngoái cổ nhìn. Không bao giờ tôi có thể quên hình ảnh thầy Duy-sen, tay treo băng, đứng nhìn tôi với đôi mắt nhòe lệ ...

Theo AI-MA-TÔP

Chú giải

- *Ai-ma-tôp* : Nhà văn nổi tiếng người Kiéc-ghi-di. Tác phẩm tiêu biểu : *Chuyện núi đồi và thảo nguyên, Con tàu trắng, Một ngày dài hơn thế kỉ ...*

Truyện *Người thầy đầu tiên* kể về thầy giáo Duy-sen. Thầy Duy-sen đã giúp cho nhiều em nhỏ, con nhà nghèo trong một bản hẻo lánh vượt qua các tập tục lạc hậu, vượt qua đói khổ, thiếu thốn ... để học chữ. Thầy còn động viên một số em trong đó có An-tư-nai lên tỉnh học tập. Đoạn trích trên kể lại cuộc chia tay giữa thầy Duy-sen và em An-tư-nai. Sau này An-tư-nai trở thành viện sĩ viện hàn lâm.

- *Buồn hiu hắt* : Cảm giác buồn vắng, cô đơn, có cái gì sắp tàn.
- *Thung lũng* : Dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn dốc của núi hoặc đồi.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc thể hiện được sự xúc động của thầy Duy-sen khi nói với An-tư-nai : vừa lưu luyến, vừa kiên quyết, thôi thúc em mạnh dạn về thành phố học tập để nên người.

Tìm hiểu bài

1. Tìm các từ ngữ tả cảnh vật trong buổi chia tay. Đặc điểm của cảnh vật lúc đó là gì ?
2. Đọc lại lời thầy Duy-sen nói với An-tư-nai. Thầy muốn nói gì với em trong phút chia tay đầy xúc động đó ?
3. Vì sao đoạn văn có đầu đề "Em phải học" ? Em đặt cho đoạn văn một đầu đề khác.

Luyện tập

Em vẽ một bức tranh minh họa cho đoạn văn.

HỌC THUỘC LÒNG

41. NGHE THẦY ĐỌC THƠ

Em nghe thầy đọc bao ngày

Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà

Mái chèo nghe vọng sông xa

Em em nghe tiếng của bà năm xưa

Nghe trăng thờ động tàu dừa

Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời

Thêm yêu tiếng hát nụ cười

Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra.

TRẦN ĐĂNG KHOA

Chú giải

Tiếng thơ : Thơ được đọc lên một cách diễn cảm.

Hướng dẫn đọc

Làm nổi rõ những từ ngữ gợi âm thanh, màu sắc, chuyển động :
đỏ nắng, xanh cây, vọng sông xa, êm êm, thở động, rào rào.

Tìm hiểu bài

1. Tiếng thơ của thầy giáo đã gợi lên những màu sắc, âm thanh, hình ảnh gì ?
2. Hai câu cuối diễn tả cảm xúc của tác giả xảy ra vào lúc nào ? Đó là cảm xúc gì ?

Luyện tập

Học thuộc bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

43. NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Ông Chu An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo học ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế mà vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Lần cuối, ông trả lại mũ áo triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm quan to đến người bình thường khi có dịp tới thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất đi, mọi người đều thương tiếc.

Theo PHAN HUY CHÚ

BÀI ĐỌC THÊM

44. VƯỜN TRONG THƯ VIỆN

Khu vườn vàng trong tiếng ve trưa

Trang sách mở dưới vòm cây râm mát

Con đường chạy về xa tít tắp

Bầu trời trong quang mây.

Trang sách ngợi ca về những bàn tay

Những kiến trúc đã hoàn thành,

những công trình còn dang dở

Môi vôi vừa say nồng, giọt mồ hôi đã đổ

Tiếng hát nào như thoáng đâu đây

Trang sách nói về những chuyện mai sau

Những dự định. Bao điều chưa hiểu biết

Phương trời lạ, cát vàng, gió biển

Con tàu đi quyết liệt giữa mưa đông

Trang sách nói về chuyện thay đổi dòng sông

Đắp bên lở, phá bên bồi, mùa lũ.

XUÂN QUỲNH

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Em phải học

(Xa xa có tiếng còi tàu hỏa ... không sao nói được)

II - Viết đúng

- Quanh ga, Đuy-sen, An-tư-nai, nghen ngào.

- Tàu hỏa, rúc, vang dội, sân, xiết tay, giọng run run, trào lên.

III - Luyện tập

1. Viết 4 từ tượng thanh lấy âm *r* bắt chước tiếng động (Ví dụ : ríu rít ...)

Viết 5 từ có vần *oa*, 5 từ có vần *ao* (Ví dụ : hòa, cao ...)

2. Điền vào chỗ trống *ng* hay *nh*

...ên, ...ào, ...i lễ, ...iêm trang, ...ọc ...à, ...ê sĩ, ...ô nường, ...ùng ...oảng.

TỪ NGỮ

Anh em - Chị em

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

"Anh em như thề chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần"

(Ca dao)

Những từ ngữ, hình ảnh nào trong câu ca dao trên nói về sự gắn bó giữa anh chị em trong gia đình ? Tìm thêm các từ ngữ khác cùng nói về nội dung trên ?

2. Tìm những từ ngữ chỉ những người cùng *bố mẹ sinh ra* trong gia đình ? (Ví dụ : anh, chị ...)

3. Những câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về mối quan hệ anh em - chị em mà em biết ? (Ví dụ : máu chảy ruột mềm, môi hở răng lạnh ...).

II - Luyện tập

1. "Con cả" khác "con thứ" ở chỗ nào ? Từ "anh hai" ở Nam Bộ chỉ người con thứ mấy ? Ở miền Bắc thì gọi là gì ?

Em thử nói cách gọi tên bằng thứ tự trong gia đình ở miền Nam ?

2. Những người như thế nào được em gọi là *anh rể*, *chị dâu*, *anh họ*, *anh nuôi* ... ?

3. Em hiểu thế nào là *dùm bọc* ? Thế nào là *hòa thuận* ?

Tìm từ trái nghĩa với từ *nhường nhịn* ?

*4. Em hiểu thế nào là "môi hở răng lạnh", "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng".

NGỮ PHÁP

DANH TỪ

I - Bài học

1. Danh từ là từ chỉ người, vật hoặc việc.

Ví dụ :

- Danh từ chỉ người : ông, bà, thầy giáo ...

- Danh từ chỉ vật : bàn, ghế, cây, hoa, chim.

- Danh từ chỉ việc : cuộc kháng chiến, trận thi đấu.

2. Các loại danh từ :

a) *Danh từ cụ thể* là danh từ chỉ người, vật (loài vật, cây cối, đồ vật), chất liệu ... có thể cảm nhận trực tiếp bằng giác quan.

Ví dụ :

- Bố mẹ, thầy giáo, bộ đội, công nhân, học sinh.

- Gà, mèo, vẹt.

- Chuối, cam, nhãn.

- Vàng, bạc, sành sứ, không khí.

b) *Danh từ trừu tượng* là danh từ chỉ vật, việc không cảm nhận trực tiếp bằng giác quan.

Ví dụ :

Niềm vui, nỗi nhớ, lòng trung thành.

Những danh từ trừu tượng thường là gốc Hán hoặc là từ do ghép với *sự*, *cuộc*, *nỗi*, *niềm* ... tạo thành.

GHI NHỚ

Danh từ là từ chỉ người, vật hoặc việc.

Danh từ chỉ người, vật, chất liệu ... có thể cảm nhận trực tiếp bằng giác quan là *danh từ cụ thể*.

Danh từ chỉ vật, việc không cảm nhận trực tiếp bằng giác quan là *danh từ trừu tượng*.

II - Luyện tập

1. Đọc đoạn văn sau và gạch một gạch dưới danh từ cụ thể, hai gạch dưới danh từ trừu tượng :

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.

Hồ Chí Minh

2. Hãy nêu 5 danh từ trừu tượng mà em biết. Đặt câu với 5 danh từ trừu tượng đó.

3. Hãy điền những từ thích hợp vào chỗ trống :

... say mê	sự ...
... sung sướng	niềm ...
... đau đớn	việc ...
... giận dữ	cơn ...
... kính yêu	nỗi ...

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CẢNH

(Tìm ý, lập dàn bài)

I - Đề bài

Tả ngôi nhà (hoặc căn phòng) đang ở của gia đình em.

II - Yêu cầu

Nhớ lại ngôi nhà (hoặc căn phòng) đang ở của gia đình. Dựa vào hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo) và những gợi ý dưới đây, em hãy lập dàn bài cụ thể (ghi rõ từng ý) cho đề văn nói trên.

Phần một : Mở bài

Giới thiệu ngôi nhà (hoặc căn phòng) đang ở của gia đình em. (Nhà ở đâu, có đặc điểm gì dễ nhận thấy ? Vị trí đó có gì thuận lợi (hoặc khó khăn) cho em và gia đình ? ...)

Phần hai : Thân bài

a) Tả ngôi nhà (hoặc căn phòng) - (trọng tâm)

- Hình dáng và đặc điểm *bên ngoài* có gì nổi bật ? (có thể nêu kích thước, chất liệu xây dựng) ...

- Đặc điểm *bên trong*

+ Nhà gồm mấy gian (hoặc mấy phòng nhỏ ? mấy khu vực ?) các gian (phòng - khu vực) được bố trí theo kiểu nào ? Lối đi, cửa ra vào, cửa sổ, nền nhà. v.v... có gì đặc biệt (hoặc làm em chú ý).

+ Tả kĩ một, hoặc hai gian (hoặc phòng nhỏ) : cách bày biện đồ đạc, trang trí bên trong thế nào ? Cách sắp xếp như vậy có thuận lợi gì cho việc sinh hoạt của gia đình em ?...

+ Quanh nhà em có những nét gì liên quan đáng nói ?

(Ví dụ : Sân, bếp, bồn hoa, vườn rau ...)

b) Tả vài nét về sinh hoạt gia đình trong ngôi nhà (căn phòng) em ở. Ví dụ : Không khí sinh hoạt trong gia đình hằng ngày có gì nổi bật ? (một vài hoạt động của gia đình).

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ của em về ngôi nhà (hoặc căn phòng) đang ở ? Tình cảm của em đối với ngôi nhà ? Thái độ của em khi xa nơi ấy ? ...

III - Ghi nhớ về tả cảnh

1. Tả cảnh giống như vẽ một bức tranh. Trước hết phải xác định rõ đối tượng cần tả và thái độ, tình cảm khi miêu tả.

- Về đối tượng cần tả : Tả cảnh gì ? ở đâu ? lúc nào ?

- Về thái độ, tình cảm khi miêu tả : Tình cảm đó có thể là sự gắn bó, tự hào, yêu quý, trân trọng hay bức mình, không bằng lòng ...

2. Tả cảnh vật là chính, không lệch sang tả người và tả cảnh sinh hoạt (nếu có hoạt động của người thì chỉ nói sơ qua và nhằm làm cho cảnh nổi bật).

3. Tả có trọng tâm : biết lựa chọn những nét tiêu biểu, nổi bật để tả kĩ và làm rõ những nét riêng độc đáo của cảnh vật.

4. Tả theo một thứ tự hợp lí và chặt chẽ.

Ví dụ : - Thứ tự không gian : Từ xa đến gần ; từ ngoài vào trong ; từ rộng đến hẹp ; từ bao quát đến cụ thể ... hoặc ngược lại.

- Thứ tự thời gian : Từ thời điểm trước đến thời điểm sau ; từ lúc bắt đầu đến khi chấm dứt ; từ sáng đến trưa ... hoặc ngược lại.

5. Tả cụ thể và sinh động : Biết lựa chọn những hình ảnh, chi tiết, màu sắc, đường nét, âm thanh, hương vị ... làm nổi bật đặc điểm của cảnh vật, làm cho nó thêm sức sống.

Tiết 2

TẢ CẢNH (Làm bài viết)

I - Đề bài

Tả ngôi nhà (hoặc căn phòng) đang ở của gia đình em.

II - Yêu cầu

Dựa vào dàn bài để viết thành bài văn trên lớp (có thể tham khảo mục III ở dưới).

III - Tham khảo

1. Tả ngôi nhà ở thành phố

Ngôi nhà em cửa quay về hướng tây. Cứ mỗi buổi chiều, mặt trời đỏ rực lại thấp thoáng hiện ra sau những làn cây xanh mượt của phố Phan Đình Phùng quen thuộc.

Bóng mát của cây tỏa ra, trùm lên ngôi nhà hai tầng cao ráo, sáng sủa. Một cảnh sấu to sà xuống bao lơn trông rất đẹp. Gia đình em ở tầng dưới, tầng trên là nhà mấy chú công nhân. Tường nhà quét vôi vàng nhạt, cửa sơn xanh. Cửa kính, cửa chớp đều được lau chùi sạch bóng. Nhà em ít đồ đạc cho nên dễ xếp đặt trật tự ngăn nắp. Gian ngoài kê một bàn tiếp khách và bàn học của em. Hai tường đối diện nhau, một bên treo hai tấm bằng huân chương lồng khung kính. Đó là thành tích kháng chiến chống Mĩ của bố em. Tường chính bên kia có treo ảnh Bác Hồ, bên dưới là bức tranh sơn mài vẽ cảnh vịnh Hạ Long. Gian trong kê hai chiếc giường và một cái bàn nhỏ. Sát tường, lõm sâu vào vách là cái kệ xi măng dùng để đồ đạc lặt vặt ở trên. Nhà em không rộng lắm nhưng rất thoáng mát, sáng sủa và đặc biệt là luôn sạch sẽ...

(Theo bài của Hà Thị Hạnh)

2. Tả ngôi nhà ở nông thôn

Tổ ấm của gia đình em nằm trên một gò cao dưới một vườn cây râm mát. Nó luôn được hưởng làn gió nồm mát rượi.

Tường nhà được quét vôi trắng xóa. Những ô cửa xanh lơ trông thật thích mắt. Em nhớ làm sao những buổi đi học về, trời chợt đổ mưa to, rét buốt, răng đánh cầm cập vào nhau. Nhưng bước vào nhà thì mọi giá lạnh từ từ tan biến. Ấm cúng quá.

Trong nhà là ba gian phòng nhỏ. Một gian là buồng có kê hai cái giường để ngủ. Một gian tiếp khách và một gian dành cho em và chị Hương làm phòng học tập. Tối tối, gia đình em thường ngồi quây quần bên ngọn đèn dầu tỏa ánh sáng ấm áp. Êm đềm nhất là những buổi trời mưa, ngồi bên bàn, chúng em nghe bố kể chuyện kháng chiến vô cùng thú vị...

(Theo bài của em Lê Hoàng Anh)

TẬP ĐỌC

45. MÀU GIẤY VUN

Lớp học rộng rãi, sáng sủa và sạch sẽ. Một màu giấy không biết ai vứt, nằm ngay giữa lối ra vào.

Cô giáo đến. Cả lớp đứng dậy chào cô. Cô nhìn khắp một lượt, mỉm cười rồi ra hiệu cho các em ngồi xuống. Các em im lặng chờ đợi. Cô cất giọng :

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá. Thật đáng khen ! Nhưng các em có thấy màu giấy ngay giữa cửa kia không ?

- Có ạ ! Cả lớp đồng thanh đáp.

- Nào ! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết màu giấy đang nói gì nhé !

Cô giáo nói tiếp.

Lớp học im lặng. Được một lúc, tiếng xì xào nổi lên vì các em không nghe thấy gì cả. Bỗng một em gái đứng dậy, tiến đến chỗ màu giấy, nhặt lên rồi mang bỏ vào sọt rác. Xong xuôi, em mới nói :

- Em có nghe thấy ạ. Màu giấy bảo : "Các bạn ơi ! Hãy bỏ tôi vào sọt !" .

Cả lớp cười ồ. Buổi học hôm ấy vui quá !

Theo Tập đọc lớp 2 của Đức
(QUẾ SƠN dịch)

Hướng dẫn đọc

Chú ý thay đổi giọng khi đọc các câu đối thoại nhằm thể hiện đúng sắc thái tình cảm của cô giáo, của bạn gái trong bài.

Tìm hiểu bài

1. Việc gì đã xảy ra khi cô giáo vào lớp ?

Việc đó kết thúc như thế nào ?

2. Em hãy đặt đầu đề khác cho câu chuyện ? Vì sao em đặt đầu đề đó.

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ sau đây : rộng rãi, im lặng.

HỌC THUỘC LÒNG

46. HOA GẠO

Có phải không, tháng ba
Mùa ôn thì dòn dập

Nên cây gạo trước nhà

Thấp lura lên rạo rục

Chim thức cùng em học

Từ sáng sớm tinh sương

Hoa gạo cháy từng chùm

Soi hồng trên trang sách

Hoa vui quên cả mệt

Đêm mơ nhằm ôn bài

Mơ thấy hoa gạo rơi

Nở xòe thành diềm tốt

Điều em hằng mong ước
Hoa gạo ơi, biết không
Khi hoa bay trắng bông
Em cùng lên một lớp.

HOÀNG TRUNG THỦY

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng nhịp thơ luôn biến đổi ở các khổ thơ, nhất là những câu thơ có nhịp đặc biệt như :

- Chim thức / cùng em học /
Từ sáng sớm tinh sương /
- Điều em hằng mong ước
Hoa gạo ơi / biết không / ...

Tìm hiểu bài

1. Hình ảnh

... Cây gạo trước nhà

Thấp lura lên rạo rức

bắt nguồn từ thực tế nào ? Gợi cho em cảm xúc gì ?

2. Bạn nhỏ gửi gắm những ước mơ gì ở hai khổ thơ cuối ? Tìm các từ ngữ, hình ảnh diễn tả ước mơ đó.

Luyện tập

Học thuộc lòng cả bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

47. PÁP - LỚP

Páp-lốp nổi tiếng là người làm việc nghiêm túc, bảo đảm giờ giấc và rất nghiêm khắc với bản thân. Những người làm

việc với ông kể lại rằng : hằng ngày cứ thấy Páp-lốp tới phòng làm việc, thay quần áo xong và ngồi vào chỗ là y như chuông báo hiệu bắt đầu giờ làm việc.

Một lần có người phàn nàn với bà hàng xóm của Páp-lốp rằng đồng hồ của bà ta sai. Bà này quả quyết :

- Không thể nào sai được : Đồng hồ của tôi ngày nào cũng lấy lại theo giờ đi làm của giáo sư Páp-lốp. Cứ thấy giáo sư ra khỏi cửa là tôi biết còn kém mười phút nữa mới tới giờ làm việc.

Páp-lốp có tác phong làm việc thận trọng. Các thí nghiệm của ông thường được lặp lại nhiều lần trên các động vật trước khi áp dụng cho người. Ông thường nói với học trò của mình :

Thí nghiệm càng đầy đủ bao nhiêu thì càng hạn chế được hậu quả đáng buồn bấy nhiêu. Mọi việc làm của chúng ta đều có quan hệ đến cái sống, cái chết của mọi con người...

NGỌC TÂN và LÊ QUANG LONG

Chú giải

I-van Pê-tơ-rô-vich Páp-lốp (1849-1936) : Nhà sinh học vĩ đại người Nga. Ông đã sáng lập ra học thuyết nổi tiếng về hoạt động thần kinh cao cấp ở người và động vật. Ông đã đóng góp cho nền y học thế giới nhiều công trình có giá trị.

BÀI ĐỌC THÊM

48. GỌI BẠN

Từ xa xưa thuở nào
Trong rừng xanh sâu thẳm

Đôi bạn sống bên nhau
Bê vàng và dê trắng.

Một năm trời hạn hán
Sưởi cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ mưa đến bao giờ.

Bê vàng đi tìm cỏ
Lang thang quên đường về
Dê trắng thương bạn quá
Chạy khắp nẻo tìm bê.
Đến bây giờ dê trắng
Vẫn gọi hoài - Bê ! Bê !

ĐINH HẢI

CHÍNH TẢ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Nghe thầy đọc thơ
(Viết 5 câu đầu)

II - Viết đúng

- Nghe, ngày, mái chèo, chuyền, quanh
- Tiếng, xanh, sông xa, trắng, giữa trời.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống *ng* hay *nh*
... e ... óng, ...ân ...a, ...ăn nắp, ...ông ...ên, ...ười ...ợm, ...ề ...iếp.
2. Thêm dấu thanh thích hợp vào chữ "cô" :
 - cô hòng, cô lòng, cô gắng, truyện cô, xe cô
 - ăn cô, cô xe, cô áo, kiên cô.

TỪ NGỮ

THẦY TRÒ

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Cô giáo em
Hiền như cô Tấm
Giọng cô đầm ấm
Như lời mẹ ru"

Vũ Hạnh Thẩm

Những từ ngữ nào trong đoạn thơ trên biểu hiện tình cảm yêu mến của học sinh đối với cô giáo ?

2. Người làm nghề dạy học được gọi bằng những từ ngữ nào ?
(Ví dụ : giáo viên, giáo sư...)

3. Người đi học được gọi bằng những từ ngữ nào ?
(Ví dụ : học sinh, sinh viên...)

4. Tìm những từ ngữ chỉ việc làm của thầy, cô giáo ở trên lớp ? (Ví dụ : giảng bài, kể chuyện, ngâm thơ...)

*5. Em biết những thành ngữ, tục ngữ nào nói về tình thầy trò ? (Ví dụ : Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa ; Không thầy đồ mảy làm nên...)

II - Luyện tập

1. Em hãy kể một kỉ niệm em còn ghi nhớ về một thầy giáo hoặc cô giáo cũ của em ? Vậy em hiểu *kỉ niệm* là gì ?
2. "Giáo" có nghĩa là *dạy bảo*. Em hãy tìm một số từ ghép là danh từ chỉ người trong đó có tiếng "giáo" ? (Ví dụ : giáo viên, giáo sinh...)
3. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

CÔ GIÁO CŨ

Năm ngoái, Hải được học với cô Hoa là ... dạy giỏi của khối lớp 3.
Năm nay lên lớp 4, Hải được học... Hiền mới chuyển về trường.

Tuy không học cô Hoa nữa nhưng Hải và các bạn lớp 4A sẽ không bao giờ quên được người mẹ hiền yêu quý ấy. Cô dạy dỗ các em trong suốt ba năm học liền, khi các em ... cũng như lúc các em... Biết bao kỉ niệm đáng ghi nhớ về cô giáo cũ ...

NGỮ PHÁP

ĐỘNG TỪ

I - Bài học

1. Động từ là các từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người hoặc vật.

Ví dụ :

- Chỉ hoạt động và trạng thái của người :

+ Lúc ở chiến khu, Bác Hồ *nuôi* một con chó, một con mèo và một con khỉ.

+ Em bé *đang ngủ*.

- Chỉ hoạt động và trạng thái của vật :

+ Một con chim *hót* trên cành cây .

+ Nồi cơm *đã chín*.

2. Các loại động từ

a) *Động từ không có đối tượng* chỉ hoạt động hay trạng thái của người hoặc sự vật được nêu lên trong chủ ngữ và chỉ tác động đến người hay sự vật đó.

Ví dụ

- Em bé *đang ngủ*.

- Nam *buồn* vì bị điểm kém.

b) *Động từ có đối tượng* chỉ hoạt động của người hoặc sự vật được nêu lên trong chủ ngữ và thường tác động đến người hoặc sự vật khác.

Ví dụ :

- Tôi *nhét* tờ giấy vào mồm.

- Mẹ *thường* cho em chiếc áo hoa.

GHI NHỚ

Động từ là các từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người hoặc vật.

Động từ không có đối tượng là động từ không hướng tác động đến người hoặc vật khác. Động từ có đối tượng là động từ hướng tác động đến người hoặc vật khác.

II - Luyện tập

1. Gạch dưới các động từ trong đoạn thơ sau :

Tỉnh mơ em trở dậy

Rửa mặt rồi đến trường

Em bước vội trên đường

Núi dăng hàng trước mặt.

2. Gạch một gạch dưới động từ không có đối tượng và hai gạch dưới động từ có đối tượng trong đoạn văn sau :

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày càng thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy.

Nguyễn Kiên

3. Có bạn cho rằng các động từ sau đây đều là động từ có đối tượng. Ý kiến của em như thế nào ?

đá - đọc - cười - xin - chạy

4. Em hãy viết một đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng cả động từ không có đối tượng và động từ có đối tượng. Hãy gạch dưới những động từ đó.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CẢNH

(Trả bài)

I - Đề bài

Tả ngôi nhà (hoặc căn buồng) đang ở của gia đình em.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm bài đã viết về các mặt sau trình tự miêu tả, cách diễn đạt (dùng từ ngữ, hình ảnh ; đặt câu ...)
2. Viết lại một đoạn văn miêu tả trong bài cho tốt hơn (do em tự chọn và làm ở nhà).

Tiết 2

TẢ CẢNH

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em tới lớp.

II - Yêu cầu

1. Lập dàn bài dựa theo gợi ý dưới đây :

Phần thứ nhất : Mở bài

Giới thiệu chung về con đường sẽ tả : đường ở nông thôn hay thành phố ? Đường nằm ở vị trí nào của nơi em ở ? (Ví dụ : đầu làng - cuối làng ; tên phố, phường, quận, ở phía nào của thị xã hay thành phố ...)

Phần hai : Thân bài

- Những nét nổi bật của con đường :

a) Về hình dáng, kích thước : Đường dài hay ngắn, lớn hay nhỏ, thẳng tắp hay quanh co ?

b) Về cấu tạo, dáng vẻ : Mặt đường ra sao ; lề đường (hoặc vỉa hè) thế nào ; đường đất hay rải đá, láng nhựa ?

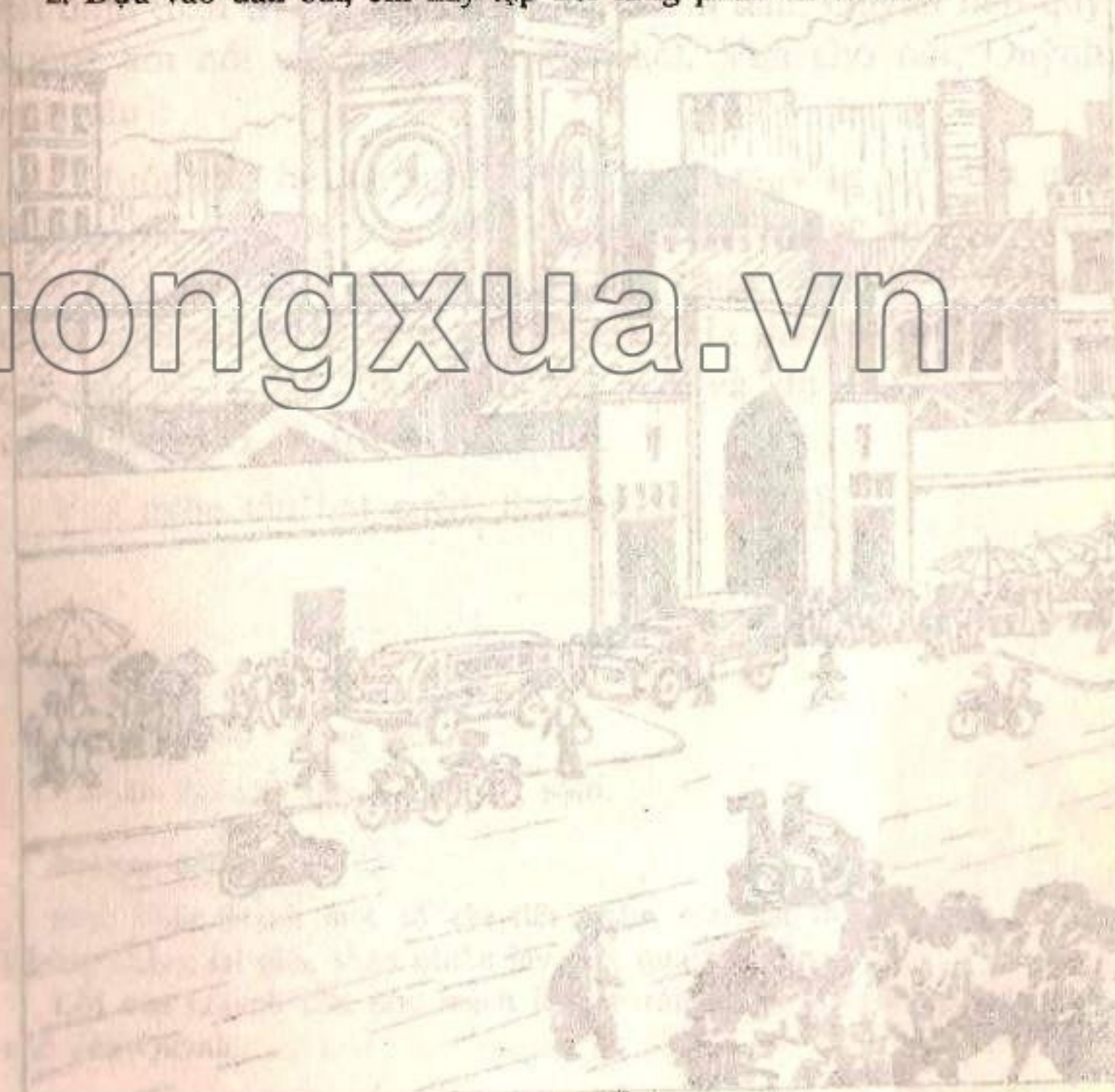
c) Về cảnh vật hai bên đường : Có những nét gì đáng chú ý ? (Ví dụ : có cây cối hay cánh đồng, sông ngòi, nương máng, nhà cửa, vườn hoa.v.v...)

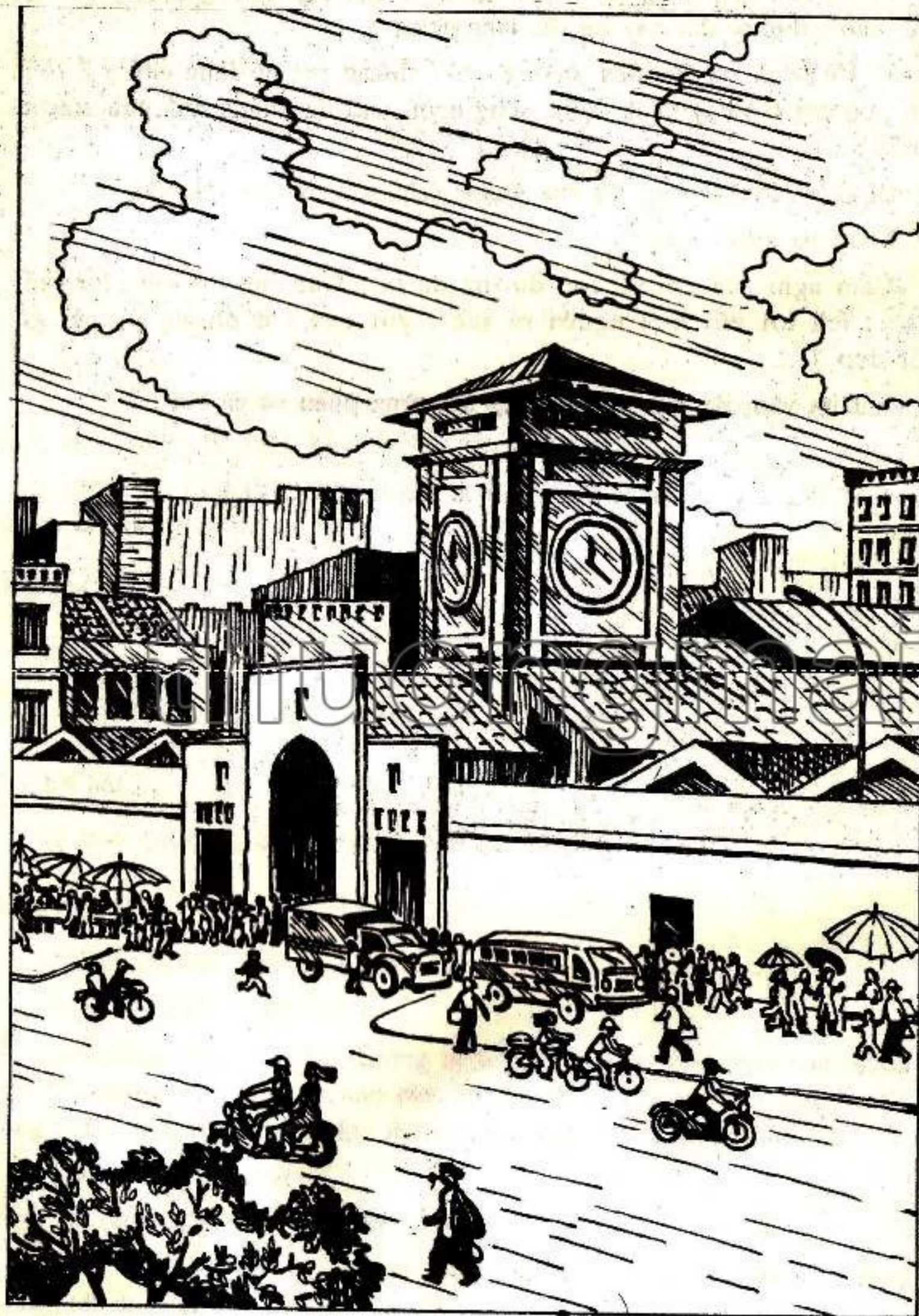
d) Cảnh trên đường lúc em đi học (chỉ nêu sơ qua vài nét).

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ của em về con đường đã tả : Gắn bó với em như thế nào ; ích lợi với mọi người ra sao ; gợi cho em những ý nghĩ gì tốt đẹp ? ...

2. Dựa vào dàn bài, em hãy tập nói từng phần và cả bài.





TẬP ĐỌC

49. ĐÀO TRƯỜNG THỌ

Một hôm có người đem dâng vua một mâm đào gọi là "đào trường thọ". Lúc đó Trạng Quỳnh có mặt liền thùng thẳng lại gần thân nhiên lấy một quả ngời ăn. Vua giận lắm sai đình thần trị tội. Các quan xin chém đầu. Quỳnh liền quỳ xuống xin nói vài lời trước khi chết. Vua cho nói, Quỳnh mới tâu :

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần là kẻ tham sống sợ chết nên thấy gọi là quả "trường thọ" thì thêm quá, tưởng ăn vào được sống lâu, để được thờ vua cho tận trung. Không ngờ nuốt chưa khỏi mồm mà chết đã đến cơ ? Hạ thần trộm nghĩ nên đặt quả ấy là đào "đoán thọ" thì phải và xin nhà vua trị tội đưa dâng đào đề trừ kẻ xu nịnh.

Vua nghe tâu bật cười, tha tội cho Quỳnh.

Truyện TRẠNG QUỲNH

Chú giải

- Trường thọ : Sống lâu.
- Đoán thọ : Ở đây ý nói chết sớm.

Hướng dẫn đọc

Đọc nhấn mạnh một số chi tiết nhằm nêu bật thái độ của Quỳnh (thùng thẳng lại gần, thân nhiên lấy một quả ngời ăn ; ...)

Lời của Quỳnh cần đọc mạch lạc, rõ ràng, làm nổi rõ lập luận chặt chẽ của Quỳnh.

Tìm hiểu bài

1. Thấy người dâng đào trường thọ, Quỳnh hành động thế nào ?
2. Quỳnh lập luận ra sao khiến vua bật cười, tha tội ?
3. Truyện có ý nghĩa gì ?

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ sau : *thùng thẳm, trường thọ, đoán thọ.*

HỌC THUỘC LÒNG

50. BÀI CA VỖ ĐẤT

Chúng ta đoàn áo vải
Sống cuộc đời rừng núi bấy nay
Đồng xanh ta thiếu đất cày
Nghe rừng lăm lăm đất lên đây với rừng



Tháng ngày ta góp sức chung
Vun từng luống đất cuốc từng gốc cây
Đường xa tới đây
Trên đồi cây khát nắng
Giữa hai dòng suối vắng
Đoàn ta vui cấy cày.

Bàn tay lao động
Ta gieo sự sống
Trên tầng đất khô
Bàn tay cần cù
Cho dù nắng cháy
Khoai trồng thắm rẫy
Lúa cấy xanh rừng
Hết khoai ta lại gieo vừng
Không cho đất nghỉ không ngừng tay ta.

Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

HOÀNG TRUNG THÔNG

Chú giải

Bài này tác giả viết trong những năm kháng chiến chống Pháp. Thời kì này có những đơn vị bộ đội chuyên cày cấy, trồng trọt gọi là *nông binh* thường lên khai hoang ở miền núi.

Hướng dẫn đọc

Chú ý hơi thơ dồn dập trong đoạn từ "Bàn tay lao động.. không ngừng tay ta".

Tìm hiểu bài

1. 4 câu đầu là lời tự giới thiệu của người nông binh. Anh tự giới thiệu như thế nào ?
2. Cảnh lao động được tác giả miêu tả bằng các động từ nào ?
3. Em hiểu ý nghĩa câu "Bàn tay ta ... cũng thành cơm", như thế nào ?

Luyện tập

Đặt câu với các động từ sau đây : *cuốc, cày, gieo, trồng, vun, cấy.*

BÀI ĐỌC THÊM

51. NGƯỜI BÁN MŨ VÀ ĐÀN KHỈ

Có người đem một gánh mũ đi chợ bán. Giữa đường, trời nóng nực, anh ta ngồi nghỉ dưới một gốc cây, che mũ lên đầu cho khỏi chói rồi thiu thiu ngủ.

Đàn khỉ trên cây thấy vậy, đợi anh ta ngủ say kéo xuống lấy mỗi con một chiếc mũ, đội lên đầu rồi leo tót lên cây. Tỉnh dậy, thấy mất mũ, anh kia nhìn lên cây trông thấy lũ khỉ đội mũ của mình liền lấy đá ném. Đàn khỉ bắt chước, dùng quả cây ném xuống, anh ta tức giận la hét, chửi bới om sòm, vò đầu, bứt tai về khờ sở lắm. Đàn khỉ cũng nhún nhó nhại lại. Anh ta không biết làm sao, liền giật chiếc mũ trên đầu ném xuống đất, ngồi ôm mặt khóc. Đàn khỉ thấy vậy liền bắt chước giật hết mũ trên đầu ném xuống đất.

Anh chàng bán mũ mừng rỡ nhặt lấy mũ rồi lại gánh đi bán.

Người ta nói "bắt chước như khỉ" đề chê những kẻ nào thấy người khác làm gì cũng nhấm mắt làm theo, không phân biệt hay dở, phải trái.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

BÀI ĐỌC THÊM

52. NGHỊCH ÁC

Trâu rừng trông tâm ngầm, tầm ngầm nhưng rất hay nghịch ác. Một hôm, trâu đi ăn về thì nghe phía trước có tiếng cười

đùa âm ỉ. Trâu dừng lại, vênh tai nghe ngóng. Thì ra, bọn Chó, Mèo, Lợn, Gà... đang phờn chí, thi nhau nói khoác. Nghe một lúc Trâu bỗng phì cười : "Phải cho bọn nhãi ranh một võ mới được". Trâu bèn cong đuôi, vừa chạy, vừa hốt hoảng rống lên : "Hồ ... Hồ đuôi ! ... Hồ đuôi". Nghe trâu hô hoán, cả bọn Chó, Mèo, Lợn, Gà... im bật, dáo dác nhìn quanh rồi xô nhau chạy. Con nào, con nấy cũng hét lên âm ỉ : "Hồ đuôi ! Hồ đuôi đấy ! Chạy đi các bạn ơi !".

Trâu khoái chí, đứng cười ngất nghêu. Bỗng một con Nai hốt hải chạy qua thấy vậy nói : "Kìa, Trâu ! Hồ đuôi sau lưng, còn đứng đây mà cười. Nhanh lên !" Trâu hốt hoảng. Nó nhìn quanh, nghe tiếng chân rầm rập và tiếng í ới gọi nhau "Hồ đuôi !" ran khắp khu rừng. Nghĩ là Hồ đuôi thật, Trâu cuống cuống phóng thẳng, đâm vào gốc cây, đau điếng, không sao chạy được nữa.

Chạy mãi, mệt bở hơi tai mà lũ thú rừng chẳng thấy bóng hồ đâu. Chúng truy tìm xem ai là kẻ nghịch ác. Biết là Trâu đã cho cả lũ "quả lừa" nên ai cũng ức lắm, quay lại tìm thủ phạm trị tội. Khi nhìn thấy Trâu đang ôm đầu rên dưới gốc cây, cả bọn chúng đều nói : "Đúng là gây ông lại đập lưng ông ! Thật đáng đời cho kẻ nghịch ác".

THÁI CHÍ THANH

CHÍNH TẢ

Chính tả (so sánh)

(Tiết dành cho địa phương biên soạn. Sau đây là một bài gợi ý).

Phân biệt vần *ươi, ưu, iu, iêu, êu*.

I - Bài viết

HƯƠNG VÀ RỪA

Hương và Rùa, con sống trong rừng, con sống dưới nước, nhưng rất thân nhau.

Một hôm, trời về chiều, gió thổi hiu hiu. Hương đi ăn, chẳng may trúng cạm của người dưới bản. Hương cố giãy giụa, nhưng không tài nào thoát ra được. Hương kêu cứu vang cả núi rừng.

Rùa ở dưới nước nghe tiếng Hương kêu cứu, vội vã bơi vào bờ tìm cách cứu Hương thoát nạn.

Theo Hoàng Hạc

Chú thích

Cạm (Có nơi gọi là bẫy) : dụng cụ dùng để nhử bắt các loài vật.

II - Nhận xét

Những tiếng nào trong bài có vần *ươu*, *iu*, *iêu*, *êu*.

III - Phân biệt ươu, ưu, iu, iêu, êu

Đọc đúng các tiếng có vần *ươu*, *iu*, *iêu*, *êu* sau và viết vào vở đúng chính tả.

Phụ âm đầu và thanh	Vần	ươu	ưu	iu	iêu	êu
<i>hờ</i> thanh ngang		(con) hươu	(về) hưu	(gió thổi) hiu hiu	O	O
<i>khờ</i> thanh sắc		(con) khươu	khưu (giác)	khiu (áo)	(năng) khiêu	O
<i>cờ</i> thanh ngang		O	cưu (mang)	O	kiêu (ngao)	kêu (cứu)
<i>bờ</i> thanh sắc		(cái) bươu	O	bíu (chặt)	biêu (quả)	O
<i>bờ</i> thanh ngang		bươu (đầu)	bưu (điện)	O	O	bêu (nặng)

IV - Luyện tập

Điền vào chỗ trống :

- *ươu* hay *iu* : ngược ngh..., con c...
- *ươu* hay *ưu* : Con ốc b..., m ... trí
- *iêu* hay *iu* : đ ..., bộ, m... tả, phi nh ..., th...th ... ngủ.

TỪ NGỮ

Học tập

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Tục ngữ Việt Nam có những câu :

- Có học mới hay, có cây mới biết.
- Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.

Tìm các từ ngữ nói về việc học tập trong các câu tục ngữ trên.

2. Tìm các từ chỉ những đức tính tốt của học sinh trong học tập.

(Ví dụ : cần cù, ham học ...)

3. Em hãy tìm những từ ghép trong đó có tiếng "học" đứng trước và "học" đứng sau ?

(Ví dụ : học kì, bác học ...)

*4. Tìm những thành ngữ, tục ngữ nói về học tập . (Ví dụ : học như cuốn kêu ; ăn vóc học hay ; học thầy không tày học bạn ...)

III - Luyện tập

1. Thử phân biệt nghĩa của các từ sau đây :

Thầy giáo, cô giáo, giáo viên

2. Em hiểu các thành ngữ so sánh sau đây như thế nào : *Học như vẽ, học như cuốn kêu ... ?*

3. Chọn từ thích hợp trong các từ sau : *giám khảo, giám thị, thí sinh*, để điền vào chỗ trống:

- *Học sinh đi thi* gọi là ...
- *Người coi thi* gọi là ...
- *Người chấm thi* gọi là ...

*4. "Cô dạy em tập viết

Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài"

(Nguyễn Xuân Sanh)

Trong đoạn thơ này, tác giả sử dụng *phép nhân hóa*. Em hãy chỉ ra phép nhân hóa được biểu hiện trong những dòng thơ nào?

NGŨ PHÁP

TÍNH TỪ

I - Bài học

1. Tính từ là từ chỉ tính chất của người, vật, việc.

Ví dụ :

- *Tính chất của người :*

Nam là một học sinh rất *chăm chỉ*.

- *Tính chất của vật :*

Những chú chim ngói *béo tròn* đang chao lượn trên cánh đồng.

- *Tính chất của việc :*

Tôi được xem trận bóng đá *sôi nổi, hào hứng*.

2. Các loại tính từ

a) *Tính từ chỉ màu sắc :* xanh, đỏ, trắng, vàng...

Ví dụ :

Bên bờ suối, những khóm hoa muôn sắc đua nở : trắng, vàng, hồng, tím...

b) *Tính từ chỉ phẩm chất :* tốt, xấu, thông minh, sạch, bẩn...

Ví dụ :

Đồ *chậm* như sên. Mày mà đòi tập chạy à ?

c) *Tính từ chỉ trọng lượng :* nặng, nhẹ, béo, gầy...

Ví dụ :

Cái bàn này *nặng* lắm

d) *Tính từ chỉ kích thước :* to, nhỏ, dài, ngắn...

Ví dụ :

Chú chim *sâu nhỏ xíu* nháy nhót trên cành cây.

Chú ý :

Một số lớn tính từ có thể dùng kèm với các từ chỉ mức độ như *rất, quá, lắm...* (rất đẹp, vui quá, đẹp lắm...)

GHI NHỚ

Tính từ là từ chỉ tính chất của người, vật, việc.

Có nhiều loại tính từ. Tính từ thường được dùng kèm với các từ chỉ mức độ.

II. Luyện tập

1. Em hãy xác định các tính từ trong đoạn trích sau :

Mùa đông, cây vườn dài những cành khẳng khiu, trụi lá. Xuân sang cảnh trên, cảnh dưới, chỉ chít những lộc non mơn mớn. Hè về, những tán lá xanh um che mát cả sân trường. Thu đến, từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.

2. Hãy gạch dưới các tính từ chỉ phẩm chất trong đoạn trích dưới đây :

Tây Nguyên đẹp lắm. Những ngày mùa xuân và mùa thu ở đây trời mát dịu, hương rừng thoang thoảng đưa. Bầu trời trong xanh, rất đẹp.

3. Hãy đặt câu với các tính từ chỉ phẩm chất đã tìm được ở bài tập hai.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CẢNH

(Làm bài viết)

I. Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em tới lớp.

II. Yêu cầu

Viết thành bài văn tại lớp và soát lại cho kĩ (sau khi hoàn chỉnh dàn bài).

Tiết 2

TẢ CẢNH

(Trả bài)

I. Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em tới lớp.

II. Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm bài viết và sửa những lỗi đã mắc.

2. Viết lại đoạn Mở bài hoặc Kết luận của bài.

TẬP ĐỌC

53. LÊ-NIN TRONG HIỆU CẮT TÓC

Hiệu cắt tóc lúc ấy rất đông khách. Mọi người đều phải ngồi theo thứ tự trước sau. Anh công nhân I-va-nốp đang ngồi chờ tới lượt mình thì cửa phòng lại mở, một người nữa tiến vào. Tất cả mọi người trong phòng cắt tóc đều đứng dậy chào : "Kính chào đồng chí Lê-nin".

Lê-nin chào lại mọi người và hỏi : "Tôi phải xếp ở sau đồng chí nào nhỉ ?" Mọi người thấy Lê-nin là vị đứng đầu chính phủ, rất nhiều việc, nếu đề đồng chí phải ngồi theo thứ tự thì sợ phải chờ đợi mất nhiều thì giờ, nên tất cả cùng nói : "Không ngại ạ. Xin mời đồng chí cứ húi trước cũng được". Song Lê-nin nói: "Cám ơn các đồng chí, tôi cũng phải theo thứ tự chứ!" Nói xong, đồng chí kéo ghế ngồi và lấy tờ báo trong túi ra xem.

Một lát sau, I-va-nốp đứng dậy nói : "Đồng chí Lê-nin, giờ đã đến lượt tôi. Tôi thà đề năm năm không cắt tóc chứ không đề đồng chí đợi thêm một phút nào nữa. Tuy đồng chí không muốn làm mất trật tự, nhưng tôi có quyền nhường chỗ và đổi chỗ cho đồng chí, đó là quyền của tôi".

Mọi người đều cho I-va-nốp nói rất đúng. Lê-nin cũng không tiện từ chối nữa, đồng chí cám ơn I-va-nốp và ngồi vào ghế cắt tóc.

Theo bản dịch của HỒ LĂNG

Chú giải

Húi đầu : Cùng nghĩa với cắt tóc.

Hướng dẫn đọc

Giọng kể chuyện bình dị, thể hiện lòng kính yêu Lê-nin.

Tìm hiểu bài

1. Khi Lê-nin vào, thái độ của mọi người trong hiệu cắt tóc ra sao ?
2. Chuyện gì đã xảy ra sau khi Lê-nin hỏi "Tôi phải xếp ở sau đồng chí nào ?" Chuyện đó kết thúc thế nào ?
3. Em nghĩ gì sau khi đọc xong câu chuyện ?

Luyện tập

Em hãy kể lại câu chuyện bằng lời văn của mình.

HỌC THUỘC LÒNG

54. TỤC NGŨ VỀ ĐẠO ĐỨC NHÂN DÂN TA

- Uống nước, nhớ nguồn
- Chim có tổ, người có tông
- Cái nết đánh chết cái đẹp
- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
- Đói cho sạch, rách cho thơm
- Chết trong còn hơn sống đục
- Thương người như thể thương thân
- Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ

Chú giải

- Nguồn : Nơi bắt đầu của dòng suối, dòng sông.
- Tông : Họ hàng (tổ tông : ông cha của họ nhà mình).
- Cái nết : Tính tình, cách ăn ở.
- Chết trong : Ý nói chết trong sạch, chết mà giữ được tiếng tốt.
- Tàu : Chuồng nuôi ngựa, ở đây ý nói những con ngựa trong một đàn.

Tìm hiểu bài

1. Câu tục ngữ số 1, 2 nói về điều gì ? Nhận xét số chữ ở mỗi vế trong từng câu tục ngữ.

2. Câu 3, 4, 5, 6 khuyên ta điều gì ? Chỉ rõ các từ đối nhau trong câu tục ngữ 5 và 6.

3. Các câu 7, 8 khuyên ta điều gì ?

Luyện tập

1. Học thuộc lòng những câu tục ngữ trên.
2. Tìm thêm một số câu tục ngữ nói về đạo đức nhân dân ta.

BÀI ĐỌC THÊM

55. THEO CHA XUỐNG LÒ

Cha trao cho con ngọn đèn lò
Con cầm lấy như cầm ngọn đuốc
Ôi ngọn đèn đã cùng cha vững bước
Lại cùng con đi trọn cuộc đời
"Nghề thợ lò vất vả đây, con ơi
Nhưng nó là nghề của những người dũng cảm"
Cha nói thế và đi trong vầng sáng
Ngọn đèn con chan chứa ánh đèn cha
Con đi lối này bao người thợ từng qua
Đề học lấy cách đi lò đúng hướng
Con học cả những niềm vui sướng
Khi tường lò xuyên đá đến gần than
Con học nụ cười đứng trước gian nan
Con học cuộc trong mồ hôi nóng hổi...

THUY NGUYỄN

Chú giải

Đèn lò : Loại đèn chuyên dùng cho thợ mỏ than làm việc dưới hầm.

BÀI ĐỌC THÊM

56. CON CHÓ CHẾT ĐUỐI

Có một con chó ở với chủ nhà trên bờ sông, cạnh một ngôi chùa. Bên kia sông cũng có một ngôi chùa. Mỗi lần nghe tiếng chuông ở chùa nào là nó vội tới ngay đó để kiếm ăn.

Một hôm nghe thấy chuông bên kia sông, nó vội lao ngay xuống nước để bơi sang. Ra đến giữa dòng, nó bỗng nghe tiếng chuông ở bên bờ này. Chó ta chợt nghĩ :

- Lỡ chùa bên này có món ăn ngon hơn chùa bên kia thì sao ?

Nó bơi vòng trở lại. Được một quãng ngắn, nó lại nghĩ :

- Ô ! Lỡ chùa bên kia có món ăn ngon hơn thì thiệt quá. Ta bơi sang chùa bên ấy là hơn.

Thế rồi nó bơi đi bơi lại, lưỡng lự không biết nên đến chùa nào. Vì thế nó cứ chơi vơi ở giữa dòng cho đến khi đuối sức không thể bơi vào bờ, bị chết chìm dưới sông.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Páp-lốp

(Páp-lốp có tác phong làm việc... cái sống, cái chết của mọi người.)

II - Viết đúng

- Páp-lốp, làm việc, thí nghiệm, bao nhiêu.
- Trước, thường nói, hậu quả.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống ng hay ngh

Thí ... iêm, ... ang đọc, ... uyên nhân. gổ ... iến.

2. Viết 5 từ có "q" đứng đầu (Ví dụ : quả, quận...). Nhận xét xem "q" khi viết đứng trước những nguyên âm nào ? âm nào ?

GHI NHỚ

Phụ âm *ngờ* ghi bằng con chữ *ng* khi đứng trước các nguyên âm *e, ê, i* (Ví dụ : nghiêm, nghe, nghề...) và ghi bằng con chữ *ng* khi đứng trước các nguyên âm khác.

TỪ NGỮ

Tình bạn

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Em hãy ghép tiếng "bạn" với các tiếng sau để tạo thành những từ ngữ mới : học, bè, thân ; cùng lớp, cùng trường, cùng khóa ; đọc, đời, đường, hàng, chiến đấu, trăm năm.

(Ví dụ : bạn học, bạn cùng lớp...)

2. Tìm những từ ngữ gợi tả sự bền chặt của tình bạn ? (Ví dụ : khăng khít, gắn bó...)

3. Một tình bạn đẹp được biểu hiện bằng những từ ngữ nào ? (Ví dụ : tình bạn cao cả, tình bạn cảm động...)

* 4. Tìm những thành ngữ nói về tình bạn mà em biết ? (Ví dụ : bạn nối khố, chọn bạn mà chơi...)

II - Luyện tập

1. Đặt câu với mỗi từ sau đây : thân ái, thân thiết, thân mật.

2. Em hiểu nghĩa của các từ sau đây như thế nào : bạn đường, bạn chiến đấu.

3. Chỉ ra từ dùng sai trong câu văn sau và sửa lại cho đúng :

"Chúng ta cần tố cáo những khuyết điểm của bạn để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ".

*4. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6-8 câu) kể về tình bạn của em với một người bạn thân (bài tập làm ở nhà).

NGỮ PHÁP

ĐẠI TỪ CHỈ NGÔI

I - Bài học

1. Đại từ chỉ ngôi là từ dùng thay cho danh từ hoặc thay thế tên gọi trực tiếp khi đối thoại.

Ví dụ :

Cứ chẳng có tồ, nó phải sống trong những hốc cây tăm tối.

2. Các loại đại từ chỉ ngôi

a) Đại từ chỉ ngôi thứ nhất (bản thân người nói) :

- Số ít : tôi, tao...

- Số nhiều : chúng tôi, chúng ta...

b) Đại từ chỉ ngôi thứ hai (người trực tiếp khi đối thoại) :

- Số ít : mày ...

- Số nhiều : chúng mày ...

c) Đại từ chỉ ngôi thứ ba (người được nói tới) :

- Số ít : nó, hắn...

- Số nhiều : chúng nó, họ...

Chú ý :

Đại từ chỉ ngôi của tiếng Việt thường mang sắc thái tình cảm (thân mật, suồng sã, nghiêm túc ...). Khi dùng phải lựa chọn đại từ cho phù hợp hoàn cảnh nói năng.

Ví dụ

- Chúng tớ vừa đến lớp. (thân mật)

- Chúng tao vừa đến lớp. (suồng sã)

- Chúng tôi vừa đến lớp. (nghiêm túc)

GHI NHỚ

Đại từ chỉ ngôi là đại từ dùng thay thế cho danh từ hoặc thay cho tên gọi trực tiếp khi đối thoại.

Đại từ chỉ ngôi chia làm ba loại : ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba.

Có một số danh từ chỉ người được dùng như đại từ.

II - Luyện tập

1. Hãy gạch một gạch dưới đại từ chỉ ngôi thứ nhất và hai gạch dưới đại từ chỉ ngôi thứ ba trong đoạn văn sau :

Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của nhà anh Bốn Linh. Tiếng nó đông đặc nhất xóm. Nó nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. Bị chó vện đuổi, nó bỏ chạy.

2. Hãy điền những đại từ thích hợp vào chỗ trống :

Đi giữa Hạ Long vào mùa sương, ta cảm thấy những hòn đảo vừa xa lạ, vừa quen thuộc, mờ mờ, ảo ảo. Chung quanh sương buông trắng xóa. Thỉnh thoảng mấy con hải âu đột ngột hiện ra trong màn sương... đang cánh sà xuống mặt nước, rồi vội vã bay vọt lên, vô ý đập vào lá buồm.

3. Em thấy các cặp đại từ chỉ ngôi sau đây có phù hợp với nhau khi dùng trong đối thoại không ?

mày - tao

cậu - tớ

mày - tôi

cậu - tao

anh - tôi

mày - tớ

chị - tôi

ông - cháu

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CẢNH

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

II - Yêu cầu

1. Lập dàn bài dựa vào gợi ý dưới đây :

Phần thứ nhất : Mở bài

Giới thiệu vườn rau (hoặc vườn hoa) sẽ tả : Vườn ở đâu, của ai, cách nơi em ở bao xa ? Tên gọi của vườn (nếu có) ? ... hoặc : Nêu thời điểm, hoàn cảnh, lí do em đến vườn rau (vườn hoa) ...

Phần thứ hai : Thân bài (theo thứ tự thông thường)

a) Tả bao quát vườn rau (hoặc vườn hoa) :

- Hình dạng, kích thước khu vườn ?

- Cảnh trí xung quanh ? (Ví dụ : bờ rào, tường chắn, cây to v.v...)

b) Tả cụ thể (ở thời điểm quan sát) :

- Cách bố trí trong vườn ? (luồng đường đi lại..., sự phân chia các khu vực cây cùng loại...)

- Cảnh luống rau, cây rau (luống hoa, cây hoa).

Chú ý : Tả kĩ một, hai luống nổi bật và một vài loại cây tiêu biểu (Ví dụ : luống nổi bật trồng loại gì ? Sự phân bố các cây ? màu sắc, hình dáng, hương vị nổi bật ?...)

- Vài nét vẽ cảnh người làm việc trong vườn rau (hoặc đi chơi ở vườn hoa) - (nếu có).

Phần ba : Kết luận

Cảm nghĩ của em về vườn rau (hoặc vườn hoa) : gọi cho em những ấn tượng gì tốt đẹp ? Đem đến cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì ? ...

2. Dựa vào dàn bài, em tập nói từng phần và cả bài.

Tiết 2

TẢ CẢNH

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

II - Yêu cầu

Tham khảo mục III ở dưới, hoàn thiện dàn bài rồi viết thành bài văn tại lớp.

III - Tham khảo

1. Tả vườn rau cải

... Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi thắm trải lên trên màu đất vàng sẫm. Có luống vừa bén chân mới trở được đôi ba tàu lá bé. Những mảnh lá xanh ròn có khía răng cưa xung quanh, khum xuống sát đất. Cải này trông dễ ăn vào dịp Tết Nguyên Đán. Cũng có luống, những tàu lá cải đã vồng cao. Khía lá rách mạnh vào chiều sâu. Ở giữa vòm lá lờ xòe, vươn lên một cái thân dài mụ mẫm và đầy phấn trắng. Đầu thân, lơ thơ những chùm hoa nhỏ, những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ xiu ấy nở ra những cánh vàng li ti. Đó là những luống cải để làm dưa. Chúng đã già rồi. Nhưng vườn chỉ đẹp khi những cây cải già nở hoa vàng. Có không biết bao nhiêu là bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi ở vườn cải. Chúng họp thành đoàn, rập rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi mà không đậu. Những cánh trắng phấp phới trên nền cải xanh lốm đốm điểm hoa vàng...

Theo Tô Hoài

2. Tả bồn hoa đẹp ở công viên

... Bồn hoa hình tròn, nền đất khum khum cao hơn mặt đường. Một hàng gạch xếp nghiêng như răng cưa bao quanh cho đất khỏi lở được quét vôi trắng lấp. Nhiều loài hoa đủ màu được trồng thành từng hàng, từng lớp chen nhau.

Lớp ngoài là một giải cỏ chạy vòng quanh, màu xanh non mượt như nhung. Lớp thứ hai là loại hoa hồng phớt tỏa mùi hương thơm nhẹ. Lớp thứ ba là hoa lay-ơn đủ các màu, rung rinh trước gió... Mảng trong cùng là hoa cúc nhỏ nhiều màu. Mỗi khi có gió thoảng tới, những bông cúc lại lắc lư cái đầu trông rất ngộ nghĩnh...

(Theo cuốn "Những đề bài Tập làm văn lớp 4")

TUẦN LỄ THỨ MƯỜI LĂM

TẬP ĐỌC

57. THẦY THUỐC LÀ MẸ HIỀN

Lê Hữu Trác hiệu là Hải Thượng Lãn Ông (ông già lười ở Hải Thượng) là một thầy thuốc nổi tiếng ở thế kỉ 18. Khi cần chữa bệnh, Lãn Ông không quản ngày đêm mưa nắng, không ngại trèo đèo, lội suối, đi bộ xa nhà.



Đối với những người nghèo khổ, mẹ góa con côi, không những ông cho thuốc không lấy tiền mà còn chu cấp cho cả gạo, tiền để có điều kiện chữa bệnh. Có lần một người thuyền chài nghèo quá có đưa con gái lên đậu rất nặng mà không có tiền rước thầy mua thuốc. Bệnh tình đã nguy cấp lắm mới chạy đến nhờ ông. Thế là suốt một tháng trời giữa mùa hạ nắng gắt, nóng nực, Lân Ông đã vật lộn với bao khó khăn trong việc cứu chữa em bé đó. Ông kể rằng: "Tôi chữa bệnh đậu này, ngày đêm không dám bỏ vắng. Khi sinh ra "tai đậu", "đinh đậu", thì phải tự tay khều ngay. Mỗi khi tới xem bệnh thì phải cởi trần mà vào, lấy bông nút mũi kín hơi như dân chài lặn ở trong nước, xem một mạch rồi ra ngay, khắp mình mồ hôi nhễ nhại. Về nhà lại phải xông tắm ngay rồi mới ăn uống được. Không những thế, phần gạo cùi dầu đèn, thiếu đâu giúp đó. Tính ra từ khi phát nóng đến khi khỏi hẳn, trước sau một tháng bốn ngày".

Hải Thượng Lân Ông được tôn là bậc y thánh Việt Nam.

TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGUYỄN CAO LŨY

Chú giải

Mẹ góa con côi: Chỉ gia đình có người chồng bị chết, còn lại có vợ và các con.

Hướng dẫn đọc

Đọc giọng kể chuyện bình dị, mạch lạc.

Tìm hiểu bài

1. Kể lại những mẩu chuyện chữa bệnh của Hải Thượng Lân Ông.
2. Vì sao bài văn có đầu đề "Thầy thuốc là mẹ hiền"? Em đặt một đầu đề khác cho bài văn.

Luyện tập

Phát biểu ý chính của bài văn trên trong 3 hoặc 4 dòng.

HỌC THUỘC LÒNG

58. NHỚ NHỮNG NGÀY KHÁNG CHIẾN

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi
Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm xẻ nửa chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Rừng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gián nan đời vẫn ca vang núi đèo
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa.

TỐ HỮU

(Trích "Việt Bắc")

Chú giải

- *Ta - mình*: Từ xưng hô biểu lộ tình cảm gắn bó, thân thiết đối với đồng bào Việt Bắc (theo lối xưng hô đối đáp trong ca dao).
- *Sắn lùi*: Sắn nướng trong tro nóng.
- *Chăn sui*: Chăn làm bằng vỏ cây sui đập dập và trải rộng ra để đắp (sui là một loại cây to cùng họ với cây dâu).
- *Địu*: Mang trẻ sau lưng trong một mảnh vải có quai đeo.
- *Tiếng mõ*: Ở miền núi, trâu bò thả trong rừng cỏ thường đeo mõ, khi chúng đi mõ kêu để dễ theo dõi.

Hướng dẫn đọc

Đọc giọng thiết tha vì bài thơ gợi nhớ những kỉ niệm ngày chống Pháp, nhất là khi đọc các điệp ngữ (nhớ sao...)

Tìm hiểu bài

1. Người ra đi nhớ những gì ở Việt Bắc ? Tìm các từ ngữ ghi lại những cảnh vật, con người đó.
2. Trong bài có bao nhiêu chữ "nhớ" ? Việc lặp lại chữ "nhớ" có ý nghĩa gì ?

Luyện tập

Học thuộc lòng đoạn thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

59. ĐEO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

Một người thợ ngồi bên vệ đường cặm cùi deo cày. Có người đi qua trông thấy khuyên :

- Anh nên deo cày to ra một chút thì dễ cày và mới bán được.

Anh làm theo lời khuyên đó. Lát sau, một người đi qua chê :

- Ồ ! Cày gì mà to thế ? Phải nhỏ hơn mới dễ cặm.

Anh thợ lại deo cày nhỏ đi. Nhưng người thứ ba đi qua thấy vậy liền bảo :

- Không nên deo loại cày bé tí này nữa. Bây giờ người ta cần nhiều loại cày to để dùng voi kéo cơ mà.

Thế là anh thợ lại đi kiếm những khúc gỗ to deo loại cày khổng lồ. Nhưng mọi người đi qua cười cợt và bảo anh phải deo nhỏ đi. Anh thợ lại làm theo và deo nhỏ đi, mãi cho đến khi cái cày chỉ bằng chiếc đũa và phải ném đi vì không có ai thèm mua.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

Chú giải

Không lồ : Có kích thước lớn gấp nhiều lần so với bình thường.

BÀI ĐỌC THÊM

60. LÃO NÔNG VÀ CÁC CON

Hãy lao động cần cù gắng sức
Ấy chân lưng sung túc nhất đời
Phụ nông gần đất xa trời
Hợp riêng con lại, ngỏ lời thiết tha
Rằng : ruộng đất ông cha để lại
Các con đừng khờ dại bán đi
Kho vàng chôn dưới chân kia
Cha không biết chỗ. Kiên trì gắng công
Tìm khắc thấy : cuối cùng sẽ thắng
Xốc ruộng lên thẳng tám sau mùa
Tay cày, tay cuốc, tay bừa
Xới qua xới lại, chẳng chừa chỗ không
Bổ chết. Các con cùng gắng gờ
Lật tung đồng, đây đó khắp nơi
Kĩ càng công việc xong xuôi
Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu
Vàng với bạc, giấu mô chẳng thấy
Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan
Trước khi từ già trần gian
Lấy câu "lao động là vàng" dạy con

La Phong-ten
(TÚ MỞ dịch)

Chú giải

- *La Phong-ten* : Nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng của nước Pháp, sinh năm 1621, mất năm 1695.
- *Chân lưng sung túc* : Cái vốn riêng dồi dào, no đủ.
- *Xốc ruộng* : Cày cho lật đất ruộng lên.
- *Bội thu* : Thu hoạch được nhiều gấp bội.

CHÍNH TẢ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Bài ca vỡ đất

(Viết 10 dòng đầu của bài thơ).

II - Viết đúng

- Thiếu, suốt, cấy cày.
- Đoạn, sông, luống đất, cuốc.

III - Luyện tập

1. Tìm 5 tiếng có vần *iêu*, 5 tiếng có vần *iu* và viết ra (Ví dụ : thiêu / thiu...).
2. Tìm 5 tiếng có vần *ay*, 5 tiếng có vần *ai* và viết ra (Ví dụ : may / mai...).

TỪ NGỮ

Ôn tập

1. "Con ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha"
Tìm các từ ngữ nói về tình cha con, mẹ con trong hai câu ca dao trên.

2. "Tóc bà trắng tựa mây bông
Chuyện bà như giếng cạn xong lại đầy"

(Nguyễn Thụy Kha)

Em hãy chỉ ra các *phép so sánh* được sử dụng trong hai dòng thơ trên và nói rõ tác dụng của từng phép so sánh đó ?

3. "Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng"

(Phan Thị Thanh Nhàn)

Em hiểu *dỗ dành* là thế nào, *dịu dàng* là thế nào ?

4. "Tình thầy trò" chỉ mối quan hệ về tình cảm giữa ai với ai ?

5. Trong câu tục ngữ "Ăn vóc học hay" thì *vóc* có nghĩa là *sức vóc, sức khỏe, khỏe mạnh*, còn *hay* có nghĩa là *biết, hiểu biết*. Vậy ý nghĩa của cả thành ngữ "Ăn vóc học hay" là thế nào ?

6. Nói về ảnh hưởng của bạn bè, của môi trường sống, tục ngữ Việt Nam có câu "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Em hiểu nghĩa bóng của từ *mực* và từ *đèn* trong câu tục ngữ trên như thế nào ?

NGỮ PHÁP

HAI BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU : CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

I - Bài học

1. Hai bộ phận chính của câu

Một câu bình thường bao gồm hai bộ phận chính là chủ ngữ và vị ngữ.

Ví dụ :

- Hòa / đọc sách.

- Cây cối / xum xuê hoa trái.

Bộ phận chính thứ nhất (thường đứng trước) gọi là chủ ngữ.

Bộ phận chính thứ hai (thường đứng sau) gọi là vị ngữ.

Bộ phận chính thứ nhất cùng bộ phận chính thứ hai làm thành nòng cốt của câu.

2. Chủ ngữ

a) Chủ ngữ là phần nêu người, vật, việc... cần được miêu tả, nhận xét.

Ví dụ :

- Bến cảng Hải Phòng / rất nhộn nhịp.

- Cây bàng / đang thay lá.

Chủ ngữ - phần cần nêu.

b) Câu có thể có một chủ ngữ hoặc có nhiều chủ ngữ.

Ví dụ :

- Bến cảng Hải Phòng và bến cảng Cửa Ông / rất nhộn nhịp.

(nhiều chủ ngữ)

3. Vị ngữ

a) Vị ngữ là phần báo về hoạt động, trạng thái, tính chất... của người, vật, việc được nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : Hòa / đọc sách

vị ngữ - phần cần báo

b) Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ

- Những chú voi ghìim đà, hươ vôi .

(hai vị ngữ)

GHI NHỚ

Chủ ngữ và vị ngữ là hai thành phần chính của câu, tạo nên nòng cốt câu.

Chủ ngữ nêu người, vật, việc cần được miêu tả, nhận xét.

Vị ngữ báo về hoạt động, trạng thái, tính chất... của người, vật, việc đã nêu ở chủ ngữ.

II - Luyện tập

1. Đọc đoạn văn dưới đây và gạch dưới những câu có nhiều chủ ngữ:

Khu vườn nhà Loan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ. Mỗi cây có một đời sống riêng. Cây lan, cây huệ, cây hồng nói chuyện bằng hương. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá.

2. Đọc đoạn văn sau và gạch dưới những câu có nhiều vị ngữ :

Thỏ nhón nhó trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng, nó lại nhăm nháp vài ngọn cỏ. Bỗng nó nghĩ đến cuộc đua, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa gần tới đích. Nó co cẳng và chạy miết. Nhưng Rùa đã tới đích.

3. Trong số những câu sau đây, câu nào chưa đủ hai bộ phận chính. Em hãy viết thêm vào cho đủ :

• Hôm nay, đến trường chuẩn bị làm lễ khai giảng năm học mới.

• Trên cánh đồng, bà con nông dân.

• Gió thổi rất mạnh.

• Trên cánh hót lú lo.

4. Em hãy viết một đoạn văn có chủ đề tự chọn (khoảng 5 câu), có đủ loại câu có nhiều chủ ngữ (hoặc nhiều vị ngữ).

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

TẢ CẢNH

(Trả bài)

I - Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm từng phần của bài văn (chú ý cách miêu tả cụ thể ở phần *Thân bài*), sửa lỗi đã mắc trong bài viết.

2. Viết lại một đoạn tả cảnh vườn rau (hoặc vườn hoa) ở phần *Thân bài* cho tốt hơn. (Làm ở nhà).

Tiết 2

KỂ CHUYỆN

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Kể lại truyện "Trí khôn của ta đây" bằng lời của một trong ba nhân vật : anh nông dân, con trâu, con cọp.

II - Yêu cầu

1. Em nhớ lại nội dung truyện theo dàn bài gợi ý dưới đây :

Phần thứ nhất : Mở đầu

Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện : Cọp gặp trâu và anh nông dân ở đâu, vào lúc nào ? Cọp thắc mắc về điều gì ?

Phần thứ hai : Diễn biến

Truyện xảy ra theo trình tự thế nào ? Hoạt động của các nhân vật trong truyện ra sao ?

- Cọp đem điều thắc mắc ra hỏi trâu vào lúc nào ? Trâu trả lời ra sao ? Cọp có hết thắc mắc không ? Trâu khuyên cọp nên làm gì ?

- Cọp hỏi anh nông dân thế nào ? Anh nông dân trả lời cọp ra sao ?

Anh yêu cầu cọp điều gì, vì sao yêu cầu như vậy ?...

- Cọp được anh nông dân cho xem "trí khôn" như thế nào ?

Phần thứ ba : Kết thúc

Phần cuối truyện : Điều thắc mắc của cọp được "giải đáp" như thế nào ? Chiến công của anh nông dân để lại dấu vết gì đối với cọp ? Trâu bị ảnh hưởng thế nào ?...

2. Em tự xác định sẽ kể lại truyện bằng lời của nhân vật nào (Anh nông dân ? Cọp ? Trâu ?) để khi kể sẽ xưng hô là "tôi" hoặc "mình" "tớ" (tránh nhắc tên nhân vật đó ; Ví dụ kể bằng lời cọp : "Sáng hôm ấy, tôi vừa lững thững từ trong rừng sâu đi ra thì gặp một cảnh rất lạ...").

Thử đặt mình là một nhân vật trong truyện, em hãy kể lại từng phần rồi kể toàn bộ truyện theo yêu cầu của đề bài.

III - Ghi nhớ về kể chuyện (truyện đã đọc, đã nghe)

Kể lại truyện đã đọc (hoặc đã nghe) là dựa vào nội dung truyện có sẵn, dùng lời của mình trình bày lại từ đầu đến cuối đầy đủ những sự việc chính, có nhấn mạnh ở những đoạn, những chi tiết hấp dẫn nhằm làm cho người đọc, người nghe nhận ra ý nghĩa của truyện và cảm thấy thích thú.

Kể lại truyện bằng lời của nhân vật trong truyện cần chú ý chuyển cách xưng hô và cách diễn đạt sao cho phù hợp với lời nhân vật kể chuyện đồng thời chú ý sắp xếp lại các chi tiết trong truyện cho hợp lí, rõ ràng, mạch lạc.



TẬP ĐỌC

61. HAI KIỀU ÁO

Một ông quan lớn đến hiệu may, may một cái áo thật sang để tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi cấp trên, hách dịch với dân, người thợ may hỏi :

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?

Quan cau mày lại hỏi :



- Nhà người muốn biết như thế để làm gì ?

Người thợ may liền đáp :

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi, gật gù cho là chí lí và truyền :

- Thế thì người may cho ta cả hai kiểu.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

Chú giải

Tấc : Đơn vị đo độ dài ngày xưa. Mười tấc là một thước.

Hướng dẫn đọc

Giọng chậm rãi khi đọc lời người thợ may, Giọng hách dịch khi đọc lời quan.

Tìm hiểu bài

1. Người thợ may nêu ra hai kiểu áo nào ? Em hãy hình dung tư thế người mặc từng kiểu áo.
2. Qua cách xử trí, em có nhận xét gì về người thợ may.
3. Chi tiết cuối cùng giúp ta hiểu tên quan như thế nào ?

Luyện tập

Kể lại truyện trên bằng lời của em.

62. NGHỆ NHÂN BÁT TRÀNG

Em cầm bút vẽ lên tay
Đất cao lạnh bỗng nở đầy sắc hoa :
Cánh cò bay lả bay la
Lũy tre đầu xóm, cây đa giữa đồng
Con đò lá trúc qua sông
Trái mơ tròn trĩnh, quả hồng đu đưa...
Bút nghiêng lất phất hạt mưa
Bút chao gợn nước Tây Hồ lăn tăn
Hài hòa đường nét hoa văn
Dáng em, dáng của nghệ nhân Bát Tràng.

HỒ MINH HÀ

(Trích "Nét vẽ... màu men")

Chú giải

- *Bát Tràng* : Một xã thuộc ngoại thành Hà Nội có nghề gốm nổi tiếng.
- *Cao lạnh* : Loại đất sét trắng dùng làm đồ sứ.
- *Nghệ nhân* : Người làm nghề thủ công, mĩ nghệ đạt đến mức điêu luyện.
- *Nghệ nhân* : Người làm nghề nghệ thuật đạt đến mức điêu luyện.
- *Con đò lá trúc* : Con đò dài, hẹp bề ngang trông xa như một cái lá trúc.
- *Hoa văn* : Hình vẽ trên các đồ gốm, đồ đồng, hình chạm khắc trên đá, gỗ.

Hướng dẫn đọc

Đọc, ngắt đúng nhịp câu thơ sau :

Cánh cò / bay lả / bay la
Lũy tre đầu xóm / cây đa giữa đồng.

Tìm hiểu bài

1. Em hiểu câu thơ "Đất cao lạnh bỗng nở đầy sắc hoa" như thế nào ?

2. Tìm từ ngữ tả các hình do nghệ nhân vẽ trên đồ gốm.
3. Tác giả đã diễn tả động tác vẽ của nghệ nhân bằng hai từ nào trong câu thơ sau :

Bút nghiêng lất phất hạt mưa
Bút chao gợn nước Tây Hồ lăn tăn.

Luyện tập

Học thuộc lòng bài thơ.

BÀI ĐỌC THÊM

63. THỢ RÈN

Giữa trăm nghề, làm nghề thợ rèn
Ngồi xuống nhỏ lưng, quét ngang nhỏ mũi
Suốt tám giờ chân than mặt bụi
Giữa trăm nghề, chọn nghề thợ rèn.

Làm thợ rèn, mùa hè có nức
Quai một trận nước tu ừng ực.
Hai vai trần bóng nhẩy mồ hôi
Cũng có khi thấy thở qua tai.

Làm thợ rèn vui như diễn kịch
Râu bằng than mọc lên bằng thịch
Nghịch ở đây già trẻ như nhau
Nên nụ cười nào có tắt đâu.

KHÁNH NGUYỄN

64. CẬU BÉ VÀ CON CHIM

Có một cậu bé xách lồng chim đến bên gốc cây gọi con chim và nói :

- Chim ơi chim, xuống đây, vào lồng sống với ta. Có gạo, có nước sẵn, ta lại bắt sâu cho ăn, chẳng phải khó nhọc, vất vả, chẳng sợ mưa gió bão táp.

Con chim liền trả lời :

- Xin cảm ơn lòng tốt của cậu bé. Nhưng ta thích ở tổ của ta, ta muốn ăn các thứ tự ta kiếm lấy. Mưa sa gió táp ta cũng chẳng sợ, chỉ sợ phải sống kiếp tù túng trong cái lồng của cậu thôi.

Nói rồi chim bay đi.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Theo cha xuống lò

(Viết 10 dòng thơ đầu)

II - Viết đúng

- Xuống, bước, trong, trao,
- Dũng cảm, vàng sáng, cuộc đời.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống c hay k

Loa ... ền, đám ... ướn, ... ùng đi, ... ính trọng.

2. Những cặp từ sau đây khác nhau như thế nào về chính tả :

- Tuổi / tui ; cúi / cuối ; muối / muố ; mũi / muỗi ; xui / xuôi.
- Rạ / dạ / gia ; đã / rà / già ; trai / giai / đại

GHI NHỚ

Phụ âm "cờ" viết bằng chữ cái k trước các nguyên âm e, ê, / (Ví dụ: kê, kê, kích) và viết bằng chữ cái c trước các nguyên âm khác.

TỪ NGỮ

Đạo đức

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Uống nước, nhớ nguồn.
Cái nết đánh chết cái đẹp.
Đói cho sạch, rách cho thơm.
Thương người như thề thương thân.

(Tục ngữ)

Từ ngữ nào (trong các câu tục ngữ trên) nói về đạo đức nhân dân ?

2. Tìm những từ chỉ đức tính, phẩm chất tốt của con người (Ví dụ : nhân nghĩa, thủy chung...).
3. Em hãy tìm những từ ghép có tiếng "đức" đứng trước hoặc đứng sau ? (Ví dụ : đức hạnh, nhân đức...).
- *4. Tìm các từ biểu thị những tính xấu ? (Ví dụ : giả dối, vô lễ, ích kỉ...).

II - Luyện tập

1. Thế nào là một người có đạo đức tốt ?
2. Nếu nói "người con gái nết na, và "một người con hiếu thảo với cha mẹ" thì nết na, hiếu thảo là như thế nào ?

3. Điền vào chỗ trống những động từ, tính từ nói về đạo đức.

- Đối với người trên, phải ...
- Đối với bạn bè, phải ...
- Trong nói năng, phải ...
- Trong công việc, phải ...

(Có thể chọn trong các từ sau : lễ độ, lễ phép ; thân mật, đoàn kết, khiêm tốn, bình đẳng, từ tốn, lịch sự, nhã nhặn ; thận trọng, trung thực, có tinh thần trách nhiệm...).

4. Đặt câu với mỗi từ sau đây : hòa nhã, đoàn kết, gương mẫu.

NGỮ PHÁP

BỘ PHẬN PHỤ CỦA CÂU : TRẠNG NGỮ

I - Bài học

1. Trạng ngữ là bộ phận phụ của câu, bổ sung ý nghĩa tình huống cho câu.

Ví dụ :

Ở lớp, điều gì chưa hiểu, cậu xin thầy giảng lại. Ở nhà, cậu học bài và làm bài đầy đủ.

- Câu có thể có hoặc không có trạng ngữ.

Ví dụ :

a) Buổi sáng, chim hót véo von.

b) Chim hót véo von.

2. Các loại trạng ngữ :

a) Trạng ngữ chỉ nơi chốn

Ví dụ : Trong các thửa ruộng, những hàng lúa xanh tươi rạp rờn theo chiều gió.

b) Trạng ngữ chỉ thời gian

Ví dụ : Mấy hôm trước, mưa ngâu rả rích.

c) Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

Ví dụ : Nhờ bạn, em đã tiến bộ trong học tập.

d) Trạng ngữ chỉ mục đích.

Ví dụ : Để học văn tốt, em cần đọc sách báo nhiều hơn nữa.

Chú ý : Câu có thể có một hoặc có nhiều trạng ngữ.

Ví dụ : Ở vùng này, lúc hoàng hôn và tảng sáng, phong cảnh rất nên thơ.

GHI NHỚ

Trạng ngữ là bộ phận phụ, bổ sung ý nghĩa tình huống cho câu. Có nhiều loại trạng ngữ : thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân.

Câu có thể có hoặc không có trạng ngữ. Câu có thể có một hoặc nhiều trạng ngữ.

II - Luyện tập

1. Hãy gạch dưới những bộ phận trạng ngữ có trong đoạn văn sau :

Vào một đêm cuối xuân năm 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà ven đường. Trong nhà, các giường màn sạch sẽ đã có người nằm. Bác lặng lẽ tụt giày, cởi áo rồi đến nằm cạnh các em thiếu nhi đang ôm nhau ngủ.

2. Hãy sửa lại các câu trong đoạn văn sau cho đúng ngữ pháp :

Đêm mùa đông. Trời mưa phùn. Trong nhà. Hồng đang nằm nghe tiếng mưa rơi. Lúc này. Hồng nghĩ mà thương đàn gà.

3. Hãy thêm bộ phận trạng ngữ cho các câu sau :

- Chúng em đi lao động.
- Các đoàn thuyền đang lướt nhanh như thuyền trận.
- Em đã có nhiều tiến bộ trong học tập.
- Nam đã làm rất nhiều bài tập.

*4. Em hãy viết một đoạn văn ngắn và gạch dưới những trạng ngữ đã dùng trong đoạn văn đó

KỂ CHUYỆN

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Kể lại câu chuyện "Trí khôn của ta đây" bằng lời của một trong ba nhân vật : anh nông dân, con trâu, con cọp.

II - Yêu cầu

1. Dựa vào dàn bài, em hãy viết thử đoạn *Mở đầu* ra vở nháp rồi đọc lại xem cách kể đã đúng lời của nhân vật trong truyện mà em đã chọn chưa ? (nếu chưa đúng, cần sửa lại).
2. Viết bài tại lớp. Viết xong cần đọc kĩ lại và sửa chữa chỗ cần thiết.

KỂ CHUYỆN

(Trà bài)

I - Đề bài

Kể lại truyện "Trí khôn của ta đây" bằng lời của một trong ba nhân vật : anh nông dân, con trâu, con cọp.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm bài đã viết về các mặt sau đây :
 - Cách diễn đạt có đúng lời của nhân vật trong truyện hay không ?
 - Truyện được kể lại đã rõ, đúng nội dung chưa (theo ba phần : *Mở đầu* - *Diễn biến* - *Kết thúc*) ?
 - Cần sửa những lỗi nào về cách dùng từ, đặt câu, về chính tả và trình bày bài viết.
2. Em tự chọn đề viết lại một đoạn (hoặc một phần) của bài cho hay hơn.

65. CỬ NGƯỜI PHÒ VUA GIÚP NƯỚC

Tô Hiến Thành bị bệnh nặng. Bên giường ông lúc nào cũng có Vũ Tán Đường chăm sóc suốt ngày đêm. Còn Trần Trung Tá vì quá bận việc quan nên chỉ thỉnh thoảng mới tới thăm Tô Hiến Thành.



Một hôm thái hậu tới thăm ông và hỏi :

- Nếu chẳng may ông mất thì ai là người sẽ thay ông đứng đầu triều đình ?

Tô Hiến Thành đáp :

- Có quan Trần Trung Tá.

Thái hậu ngạc nhiên :

- Thế sao ông không cử luôn quan Vũ Tán Đường là người ngày đêm thuốc thang hầu hạ ông ?

Tô Hiến Thành đáp :

- Nếu hỏi người hầu hạ giỏi thì tôi xin cử Vũ Tán Đường. Nhưng nếu hỏi người phò vua giúp nước thì tôi xin cử Trần Trung Tá.

Trích Cuộc sống và sự nghiệp (Tập 3)

Chú giải

- *Tô Hiến Thành* : Ông làm quan đời nhà Lý (thế kỉ 12), giỏi cả văn lẫn võ. Ông được các vua Lý tin dùng và là quan đứng đầu triều.

- *Thái hậu* : Mẹ của vua.

- *Phò vua* : Theo giúp vua.

Hướng dẫn đọc

Đọc mạch lạc, rõ ràng, chú ý thay đổi ngữ điệu khi đọc các câu đối thoại cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp của các nhân vật.

Tìm hiểu bài

1. Khi ông Tô Hiến Thành ốm nặng, thái độ của Vũ Tán Đường và Trần Trung Tá ra sao ?

2. Ông Tô Hiến Thành đã nêu lí do gì về việc tiến cử người thay mình ?

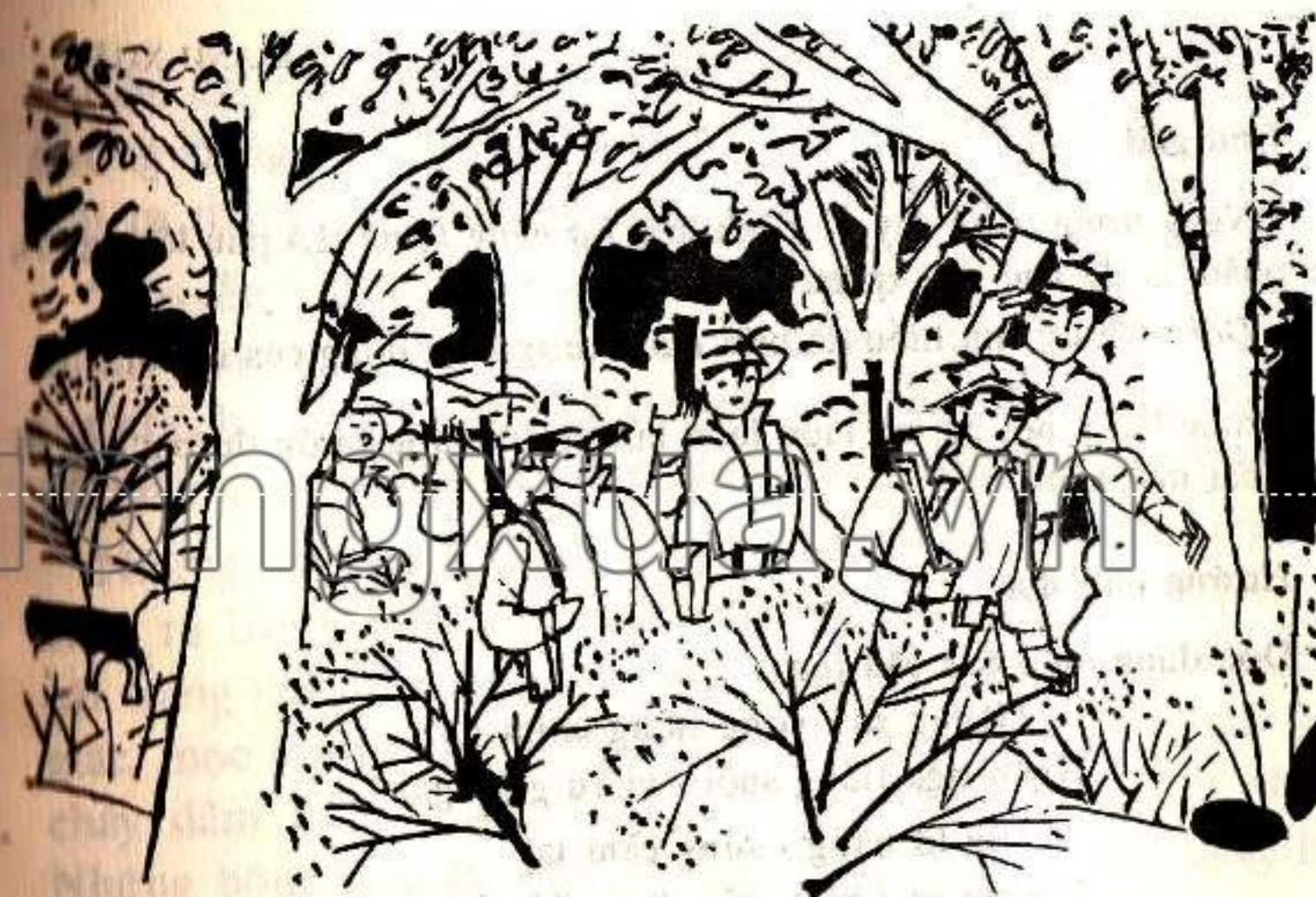
3. Qua câu chuyện trên, em hiểu Tô Hiến Thành là người như thế nào ?

Luyện tập

Kể lại truyện trên bằng lời của thái hậu.

HỌC THUỘC LÒNG

66. HÀNH QUÂN GIỮA RỪNG XUÂN



Rừng xa vọng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối, vi vu gió ngàn
Mùa xuân đậm lá ngụy trang
Đường ra tiền tuyến nở vàng hoa mai

Ba lô nặng, súng cầm tay
 Đường xa biết mấy dặm dài nhớ thương
 Giờ này mẹ ở quê hương
 Cũng chùng đang dõi theo đường ta đi.
 Đêm mưa ngày nắng sá gì
 Quân thù còn đó, ta đi chưa về
 Chim rừng thánh thót bên khe
 Nhìn lên xanh biếc bốn bề rừng xuân.

LÊ ANH XUÂN

Chú giải

- *Ngụy trang* : Che dầy để đánh lừa. *Lá ngụy trang* : Lá phủ lên người, xe pháo, ... để che mắt quân thù.

- *Dối* : Chú ý tìm hiểu để biết được từng hoạt động của người ở xa.

Trong bài ý nói bà mẹ luôn luôn hướng tới từng bước đường con đi ở ngoài mặt trận.

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng nhịp các câu thơ :

"Rừng xa / vọng tiếng chim gù
 Ngán nga tiếng suối / vi vu gió ngàn"

"Ba lô nặng / súng cầm tay
 Đường xa / biết mấy dặm dài nhớ thương".

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh rừng mùa xuân (màu sắc, âm thanh) trong 4 câu đầu và hai câu cuối bài.

Các màu sắc, âm thanh đó có gây cho người chiến sĩ đang hành quân cảm giác gì ?

2. Câu thơ nào cho ta biết tác giả đang hành quân vào Nam ?

3. Trên đường vào Nam đánh giặc, tác giả nhớ thương ai ? Hình ảnh nào nói lên sự thương nhớ đó ?

Luyện tập

1. Đề tả tiếng suối chảy nhẹ, ngoài từ láy *ngán nga* (câu thơ thứ hai) người ta còn dùng những từ láy nào nữa ? Đặt một câu với mỗi từ mà em tìm được.

2. Học thuộc cả bài.

BÀI ĐỌC THÊM

67. NHỮNG BÔNG HOA TÍM

Cồn cát cao trên kia là chỗ cô Mai nằm nghỉ. Những cây dương đang độ lớn vây quanh mộ cô. Hôm trước mẹ dắt Nhi ra thăm mộ, mẹ đọc hàng chữ đỏ khắc trên bia.

"Nguyễn Thị Mai - dân quân, hi sinh ngày 10/10/1968". Mẹ không nói gì cả. Nhi cảm thấy bàn tay mẹ siết chặt lấy bàn tay nhỏ bé của Nhi. Ngày ấy, mẹ cùng cô Mai ở chung tiểu đội dân quân. Đêm nào mẹ cũng cùng cô đi tuần trên bãi.

Những người già trong làng kể lại rằng: chiều nào cô Mai cũng ra cồn cát đó với một khẩu súng trường. Và trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai thì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím. Ngày chiếc máy bay bốc cháy đâm đầu xuống biển cũng là ngày cô Mai hi sinh... Những bông hoa ấy vừa nở mùi thơm bay về tận làng làm nôn nao cả lòng người những buổi chiều như chiều nay.

Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa ấy. Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa, Nhi gọi mẹ ríu rít :

- Mẹ ơi, những cồn cát sau làng, chỗ nào cô Mai cũng thì ngực xuống để bắn máy bay. Con thấy toàn hoa là hoa!

TRẦN NHẬT THU

68. CHUYỆN ÔNG VŨ TỰ

Ông Vũ Tự người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) làm quan có tiếng là trong sạch, cần kiệm. Thời bấy giờ hay có thói đút lót. Đề thử các quan lại, vua sai người lên đến biểu lựa từng người. Các quan khác đều tư túi nhận cả. Riêng ông không chịu nhận. Người kia bèn nói :

- Tập tục bấy giờ đều thế cả, đã thành thói quen. Và lại lựa này chỉ là vật nhỏ mọn. Ngài có nhận cũng không hại gì đến liêm xỉ.

Ông nổi giận mắng lại :

- Người đời đục cả, chỉ mình ta trong. Ta há lại nghe lời nói ngọt của mày mà đổi tiết tháo đi sao ?

Nói rồi đuổi thẳng người kia ra khỏi nhà. Biết chuyện, vua khen là người có tiết tháo đêm hôm không nhận lựa.

PHAN HUY CHÚ

CHÍNH TẢ

Chính tả (so sánh)

(Tiết dành cho địa phương biên soạn. Sau đây là một bài gợi ý)

Phân biệt vần *ênh* với vần *ên*

I - Bài viết

1. Bác Hồ thức năm canh không ngủ

Nghe phong ba gào thét đá ghềnh

Vững tay lái, ôi người thủy thủ

Đã từng quen bốn biển lênh đênh

2. Tảng sáng, vòm trời cao xanh *mênh mông*. Gió từ *trên* đỉnh núi tràn xuống mát rượi. Xế trưa, trời bắt đầu đổ mưa. Mưa như trút nước, hết trận này *đến* trận khác. Lúc các nhà ở hai *bên* đường đã *lên* đèn thì nước lũ *lênh lảng* cả cánh đồng.

II - Nhận xét

- Những tiếng nào viết vần *ên* ?

- Những tiếng nào viết vần *ênh* ?

III - Phân biệt vần *ên* và vần *ênh*

Đọc đúng các tiếng có vần *ên* và vần *ênh*, sau đó viết lại.

ên	ênh
bền (vải <i>bền</i> , <i>bền</i> vững, <i>bền</i> màu, <i>bền</i> chí, <i>bền</i> lòng)	bệnh (bông <i>bệnh</i> , bập <i>bệnh</i> , lênh <i>bệnh</i> , <i>bệnh</i> bạch)
lên (lên xuống, <i>lên</i> cân, <i>lên</i> giá, <i>lên</i> đèn, <i>lên</i> tiếng)	lênh (lênh đênh, lênh lảng, lênh khênh, <i>lênh</i> lênh)
bên (bên cạnh, bên phải, bên này, bên kia)	bệnh (bệnh vực, bập <i>bệnh</i>)

IV - Luyện tập

Viết 3 tiếng có vần *ên*, 3 tiếng có vần *ênh* (không viết lại tiếng có trong mục III).

TỪ NGỮ

Lòng trung thực

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. Theo em, câu nói nào của Tô Hiến Thành trong truyện "Cử người phò vua giúp nước" (Xem phần *Tập đọc*) thể hiện lòng trung thực của ông?

2. Tiếng "trung" trong từ "trung thực" có nghĩa là *thành thực, ngay thẳng*. Em hãy tìm những từ ghép khác có tiếng "trung" cùng nghĩa ? (Ví dụ : trung hậu, trung dũng...).

3. Tìm những từ gần nghĩa với từ "trung thực". (Ví dụ : thật thà,...)

4. Tìm những từ trái nghĩa với từ "trung thực".

II - Luyện tập

1. Con người trung thực là con người ...

2. "Trung thành" là "giữ trọn lòng gắn bó trước sau như một đối với một điều, một người, một tổ chức nào đó ...".

Vậy "trung thực" khác "trung thành" ở chỗ nào ?

Câu nói nổi tiếng sau đây của Trần Bình Trọng trước kẻ thù thể hiện lòng trung thực hay lòng trung thành của ông đối với Tổ quốc, với nhân dân :

"Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc".

*3. Hai từ "trung thành" và "trung kiên" giống nghĩa nhau ở chỗ nào, khác nghĩa nhau ở chỗ nào ?

4. Em hãy ghép từ "trung thực" với các từ sau để tạo thành những tập hợp từ có nghĩa : *tính tình, con người, sống, lời nói, báo cáo, trình bày, kể lại, truyền đạt, phổ biến, phản ánh...*

NGỮ PHÁP

ĐỊNH NGỮ

I - Bài học

1. Định ngữ là những từ ngữ làm rõ thêm nghĩa cho danh từ trong câu.

Ví dụ :

Một ngày chủ nhật, mẹ đưa Minh đi thăm làng hoa Ngọc Hà.

Các định ngữ *một, Ngọc Hà* làm rõ thêm nghĩa cho các danh từ *ngày chủ nhật, làng hoa*.

2. Các loại định ngữ

a) Định ngữ đứng trước danh từ là định ngữ chỉ khối lượng hoặc số lượng của sự vật.

Ví dụ :

- *Cả lớp* lắng nghe cô giáo giảng bài. (Chỉ khối lượng).

- *Hai anh em* tính nết rất khác nhau. (Chỉ số lượng).

b) Định ngữ đứng sau danh từ làm rõ thêm nghĩa cho danh từ chính về đặc điểm riêng của sự vật.

Ví dụ :

- Trường của chúng em mới xây trên nền ngôi trường lợp lá cũ.

Chú ý :

Danh từ trong câu có thể có cả định ngữ đứng trước và định ngữ đứng sau nó.

Ví dụ :

Tất cả những học sinh học giỏi đều được khen thưởng.

GHI NHỚ

Định ngữ là những từ ngữ làm rõ thêm nghĩa cho danh từ trong câu. Có định ngữ đứng trước danh từ, có định ngữ đứng sau danh từ. Định ngữ đứng trước chỉ khối lượng, số lượng. Định ngữ đứng sau chỉ đặc điểm.

Một danh từ trong câu có thể có nhiều định ngữ (cả đứng trước lẫn đứng sau).

II - Luyện tập

1. Hãy sắp xếp danh từ chính và định ngữ trong những phần in nghiêng vào bảng sau :

Định ngữ đứng trước	Danh từ	Định ngữ đứng sau

Ngay thêm lãng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm. *Những cây chò nâu của đất Tô từ Vinh Phú* về sóng đôi suốt dọc đường Hùng Vương.

2. Hãy thêm các định ngữ cho danh từ được in nghiêng trong các câu sau :

- Vịnh Hạ Long là *cảnh đẹp* của Việt Nam.
- *Học sinh* đến thăm thầy giáo cũ.

3. Thêm định ngữ thích hợp vào chỗ trống cho danh từ trong câu :

- Con mèo ... vỗ được ... con chuột ...
- ... học sinh ... đã làm xong ... bài tập ...

*4. Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng định ngữ.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

THUẬT CHUYỆN

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

II - Yêu cầu

1. Em tự xác định một việc tốt em đã làm ở gia đình là việc gì ? Nhớ lại toàn bộ quá trình diễn ra việc đó (từ khi *mở đầu* đến khi *kết thúc*), em lập dàn bài dựa theo gợi ý dưới đây :

Phần thứ nhất : Mở đầu

Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (trước khi xảy ra câu chuyện) : Ở đâu ? Lúc nào ? Ai làm ? Có những ai ở đó ? ... (hoặc : lí do em làm việc đó ?)

Phần thứ hai : Diễn biến

Trình bày trình tự từng bước phát triển của câu chuyện (trong khi đang xảy ra) : Đầu tiên, việc diễn ra thế nào ? Có những sự việc gì tiếp theo ? (Chú ý lời nói, cử chỉ, hành động cụ thể của em khi làm việc tốt đó và mối quan hệ đối với những người xung quanh, nếu có).

Phần thứ ba : Kết thúc

Nêu kết thúc của câu chuyện : việc tốt đã làm đem lại kết quả gì ? Chuyện đó có ảnh hưởng gì đến những người xung quanh và gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì ?...

2. Sau khi hoàn thiện dàn bài (nêu đủ ý chính), em dựa vào đó để tập nói từng phần và toàn bài.

III - Ghi nhớ về thuật chuyện

Thuật chuyện "người thực, việc thực" (ở lớp 4 chủ yếu là thuật việc tốt) là kể lại rõ ràng, chính xác, đầy đủ đầu đuôi câu chuyện (đúng những điều đã làm hoặc chứng kiến) để người khác có thể thấy rõ và đánh giá được việc làm ra sao, người làm việc đó là người thế nào.

Muốn thuật đúng và hay, cần chọn đúng chuyện thực (việc tốt), nhớ lại đầy đủ quá trình diễn ra và kết thúc để kể lại rõ ràng, hấp dẫn ; lời kể phải rành mạch, rõ ràng và bộc lộ được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân (khi làm việc hoặc chứng kiến người khác làm việc).

Tiết 2

THUẬT CHUYỆN

(Làm bài viết)

I - Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

II - Yêu cầu

Làm bài viết tại lớp.

III - Tham khảo (Thuật lại việc tốt : *Trời mưa, đem áo mưa đi đón chị*)

Một buổi sáng, tôi đang vui chơi cùng bạn trẻ trước nhà thì một đám mây đen ùn ùn kéo đến. Tất cả chúng tôi, đứa nào đứa ấy chạy vội về nhà. Phút chốc, cơn mưa ào ào đổ xuống.

Ngồi trong nhà ấm áp, nhìn ra ngoài thấy mưa rơi, gió lạnh, tôi chợt nhớ ra một điều : sáng nay, chị tôi đi học không mang áo mưa. Giờ này cũng là lúc sắp tan học. Tôi vội đội nón, khoác tấm ni lông, tay cầm áo mưa chạy vội đến trường chị. Vừa vặn, lớp chị tôi đang cho học sinh ra. Thấy tôi, chị mừng quýnh reo to rồi cầm áo mưa mặc vào người. Hai chị em chúng tôi ra về dưới trời mưa xối xả. Chân chúng tôi bám chặt xuống đường đất cho đỡ trơn. Gió thổi mạnh như muốn giật chiếc nón tôi đội trên đầu. Những giọt mưa gõ lộp độp trên nón nghe thật vui tai.

Về đến nhà, trong lòng tôi rất vui vì được giúp đỡ chị. Chị tôi khen tôi và khoe chuyện này với cả nhà làm tôi phát ngượng. Việc ấy xảy ra đã lâu mà đến nay tôi vẫn không thể nào quên được.

(Theo bài của Hà Mi)

TUẦN LỄ THỨ MƯỜI TÁM

TẬP ĐỌC

69. TA THÀ LÀM QUỶ NƯỚC NAM

Trong một trận chiến đấu, thế cùng lực kiệt, Trần Bình Trọng chẳng may sa vào tay giặc.

Giặc tìm mọi cách dùng uy vũ mong dọa nạt ông để tra hỏi tin tức vua Trần và tình hình quân ta. Trước sau, ông đều không nói. Giặc bày tiệc đầy những của ngon vật lạ để mời mọc lấy lòng, ông quay mặt đi không nhìn. Không những thế, ông còn tuyệt thực, nhất định không chịu ăn uống tí gì. Giặc quay dùng bả vinh hoa mưu làm ông thay lòng đổi dạ.

Chúng dụ dỗ :

- Có muốn làm vương đất Bắc không ?

Trần Bình Trọng quát mắt quát vào mặt giặc :

- Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc !

Biết ông là bậc anh hùng chẳng thể nào khuất phục được, giặc đem giết ông. Cảm phục cái chết dũng cảm của Bảo Nghĩa Hầu Trần Bình Trọng, vua Trần thương khóc và truy phong ông tước vương.

Nghìn xưa văn hiến, Tập 2

Chú giải

- *Trần Bình Trọng* : Một tướng giỏi đời Trần.
- *Thế cùng lực kiệt* : Bị dồn đến bước đường cùng.

- *Uy vũ* : Sức mạnh của các vũ lực, quyền lực.
- *Tuyệt thực* : Nhịn ăn.
- *Vinh hoa* : (Theo quan niệm cũ) được hưởng sung sướng về vật chất, tinh thần (về vang, có danh).
- *Truy phong* : Phong cho chức tước sau khi chết.
- *Tước vương* : Là tước cao nhất phong cho các quan trong thời phong kiến.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc thể hiện khí thế凛冽 của Trần Bình Trọng khi trả lời quân giặc.

Tìm hiểu bài

1. Bắt được Trần Bình Trọng, bọn giặc có những hành động gì ? Tại sao ?
2. Trần Bình Trọng trả lời bọn giặc ra sao ? Qua câu nói đó, em thấy ông là người thế nào ?

Luyện tập

Kể lại câu chuyện trên bằng lời của em.

HỌC THUỘC LÒNG

70. MẸ

Con bị thương, nằm lại một mùa mưa
Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ
Nhà yên ắng. Tiếng chân đi rất nhẹ
Gió từng hồi trên mái lá ulla qua.

Nhớ vườn cây che bóng kín sau nhà
Trái chín rụng suốt mùa thu lộc đệp

Những dây bưởi sai, những hàng khế ngọt
Nhân đầu mùa chim đến bới lao xao...

Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào
Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế
Khoai nướng, ngô bung ngọt lòng đến thế
Mỗi ban mai tỏa khói ấm trong nhà ...

BẢNG VIẾT

Chú giải

- *Yên ắng* : Cũng có nghĩa như *yên lặng*, *yên tĩnh*.
- *Bới* : Cây mới ra quả mùa đầu tiên (cam mới bới).

Ở đây tác giả dùng với một nghĩa mới ý nói những con chim tìm đến ăn quả đầu mùa.

Hướng dẫn đọc

Bài thơ nói về những xúc động trong lòng anh thương binh trước sự săn sóc, chăm nom của một bà mẹ chiến sĩ. Đọc giọng tình cảm : nhẹ nhàng, trầm, thông thả.

Chú ý đến nhịp trong từng khổ thơ. Ví dụ ở khổ 2 !

Nhớ vườn cây / che bóng kín sau nhà (3/5)

Trái chín rụng / suốt mùa thu lộc đệp (3/5)

Những dây bưởi sai / những hàng khế ngọt (4/4)

Nhân đầu mùa / chim đến bới lao xao..(3/5)

Tìm hiểu bài

1. Với anh thương binh, bóng dáng bà mẹ, hình ảnh căn nhà, vườn cây đều gắn gũi thân thương. Vì sao vậy ?
2. Những từ ngữ, hình ảnh nào cho em biết căn nhà này rất yên tĩnh?
3. Tìm các từ ngữ, hình ảnh biểu hiện sự chăm sóc anh thương binh của bà mẹ chiến sĩ ?

Luyện tập

1. Đặt câu với các từ : *lặng lẽ, yên ắng, lao xao.*
2. Học thuộc cả bài.

BÀI ĐỌC THÊM

71. TRÊN CÔNG TRƯỜNG KHAI THÁC THAN

Chúng tôi ra bờ moong. Ở đây, tôi nhìn được toàn cảnh của công trường trong một vòng cung cực lớn hình phễu. Những đám mây trắng mỏng và nhẹ bay phơ phất ngang sườn núi trước mặt làm cho những cỗ máy khoan khi ẩn khi hiện, trông giống như những con thuyền đã hạ buồm ...

Dưới đáy moong, tôi đếm có chín cái máy xúc, nhác trông có thể ví chúng như những con vịt bầu khó tính hay động cựa, luôn luôn quay cổ từ bên này sang bên kia.

Từ những chiếc máy xúc dưới đáy lên đến những cỗ máy khoan trên cùng là con đường vòng xoáy tròn ốc, không ngớt xe lên xe xuống. Những chiếc xe ben-la màu xanh lá mạ trông như những con cào cào, chạy rất nhanh, chồm dất dả bóc trên tầng đồ ra bãi thải. Những chiếc xe gầu màu đen trùi trùi trông như những con kiến đất, cùn cùn và chắc chắn chồm than từ dưới đáy moong đồ ra máng ga, rồi từ máng ga trút xuống những toa xe lửa chờ ra cảng. Hoàn toàn không thấy bóng người. Nhưng tôi biết con người có mặt ở khắp mọi nơi trong cái vòng cung hình phễu này.

TRẦN NHUẬN MINH

Chú giải

- *Moong* : Hố đào than ở ngoài trời sâu dưới mực nước biển. Moong có hình phễu không lỗ, có đường xoáy tròn ốc từ bờ xuống đáy.

• *Bãi thải* : Nơi đổ dất đá thừa.

• *Xe ben-la, xe gầu* : Tên các loại xe vận tải cỡ lớn.

BÀI ĐỌC THÊM

72. CỨU MUỐI

Đám mây đen to và nặng bay ngang qua bầu trời. Nó dừng lại, ngay trên đầu làng. Mặt trời bỗng dưng biến mất và nắng như tấm màn mỏng nhà ai đang căng phơi bị cuốn ngay lại. Trời âm u.

- Cứu muối, bà con ơi !

- Cứu muối ! - Nhiều tiếng kêu theo vang trên các khoảng đồng.

Tiếng chân người chạy thành thịch, dồn dập trong làng. Người vác trang, bò cào, người phen liếp, thùng mùng vội vã chạy ra đồng...

Đồng muối lúc này nom thật lạ mắt, cứ loang loáng như gương, trên những ô nê, muối đã bắt đầu kết tinh, đã nhìn thấy những hạt muối tươi lấm tấm nổi lên giữa những vùng nước mặn đang bắt đầu đóng váng. Mọi người hối hả lấy trang cào muối vun lại thành đống ở mỗi góc ruộng rồi lấy phen liếp che lên trên...

Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào. Mặt đất bốc hơi ngùn ngụt nhưng chỉ một lúc sau mưa tạnh ngay. Nắng bùng lên chói chang vàng rực. Mọi người lại vội vã bỏ phen liếp che đậy trên các ruộng ra để lấy nắng.

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ

Chú giải

- **Ô nê** : Từng ngăn nhỏ ở sân phơi trên đồng muối. Ngăn này được lán xi măng. Người ta đổ nước biển đã cô lại (gọi là nước chát) phơi để cho muối kết tinh.
- **Bồ cào** : Dụng cụ có răng, có cán dài dùng để cào muối.
- **Váng** : Màng mỏng đóng trên mặt chất lỏng.
- **Kết tinh** : Quá trình hình thành tinh thể từ trạng thái lỏng.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Thơ rèn
(Viết cả bài).

II - Viết đúng

- Quệt ngang, giữa, quai, diễn kịch, nghịch.
- Trăm, suốt, vai trần.

III - Luyện tập

1. Phân biệt *giàn* / *dân* / *rân*
2. Tìm 5 tiếng có vần "uôn", 5 tiếng có vần "uông" và viết ra.

TỪ NGỮ

Lòng dũng cảm

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Vụt qua mặt trận"
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo



Đường quê vắng vẻ
Lúa trổ dòng dòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng".

TỐ HỮU

Những từ ngữ nào trong hai khổ thơ trên nói về lòng dũng cảm của Lượm - chú bé liên lạc?

2. Tìm những từ ghép có tiếng "dũng" ở trước hoặc sau? (Ví dụ : dũng sĩ, anh dũng ...)

3. Em hãy tìm những từ cùng nghĩa, gần nghĩa với từ "dũng cảm"? (Ví dụ : gan dạ, ...)

4. Tìm những từ trái nghĩa với từ "dũng cảm"? (Ví dụ : hèn nhát ...).

II - Luyện tập

1. Nghĩa của từ "dũng cảm" trong hai cụm từ sau đây có khác nhau không : "chiến đấu dũng cảm" và "dũng cảm nhận khuyết điểm" ?

2. "Dũng khí" chỉ sức mạnh tinh thần trên hẳn mức bình thường, dám đương đầu với mọi kẻ thù, mọi khó khăn nguy hiểm.

Em hãy đặt câu với từ "dũng khí" ?

3. "Dũng mãnh" chỉ sức mạnh thể chất và tinh thần trên hẳn mức bình thường, biểu hiện bằng hành động mạnh mẽ, không sức chống đối nào có thể cản trở nổi.

Em hãy đặt câu với mỗi từ sau : "dũng mãnh", "dũng sĩ".

* 4. Em hãy ghép từ "dũng cảm" vào trước hoặc sau các từ ngữ sau đây để tạo thành những tập hợp từ có nghĩa : chiến đấu, hi sinh, lời nói, hành động ; người chiến sĩ, nữ du kích, em bé liên lạc ; nhận khuyết điểm, bênh vực lẽ phải, cứu bạn, chống lại cường quyền, trước kẻ thù...

(Ví dụ : hi sinh dũng cảm, dũng cảm cứu bạn ...)

NGỮ PHÁP

BỜ NGỮ

I - Bài học

1. Bờ ngữ là những từ ngữ bổ sung thêm ý nghĩa cho động từ hoặc tính từ.

Ví dụ :

- Hai bên bờ suối, đồng bào miền núi dựng cối giã gạo, đặt guồng dẫn nước vào ruộng.

- Các thuyền đánh cá đầy ắp cập bến. Những con cá thu dài thườn thượt. Những thúng cá trích đầy tặn vành.

Các từ ngữ cối giã gạo (bổ sung nghĩa cho dựng), guồng dẫn nước (bổ sung nghĩa cho đặt), ắp (bổ sung nghĩa cho đầy), thườn thượt (bổ sung nghĩa cho dài), tặn vành (bổ sung nghĩa cho đầy) là những bờ ngữ.

2. Các loại bờ ngữ :

a) Bờ ngữ đặt trước từ chính (là một động từ hay tính từ).

Ví dụ :

- Ngoài vườn, cây trái đã chín vàng.

- Ngày mai, chúng ta sẽ làm bài kiểm tra toán.

b) Bờ ngữ đặt sau từ chính (là một động từ hay tính từ).

Ví dụ :

- Tiếng trống, tiếng mõ nổi lên giòn giã.

- Chiều xuống đẹp tuyệt vời.

Chú ý :

Một động từ (hay một tính từ) trong câu có thể có một hoặc nhiều bờ ngữ.

Ví dụ :

- Tiếng trống, tiếng mõ nổi lên giòn giã, liên hồi.

GHI NHỚ

Bờ ngữ là những từ ngữ bổ sung ý nghĩa cho động từ hoặc tính từ.

Một động từ (hoặc tính từ) trong câu có thể có một hay nhiều bờ ngữ.

II - Luyện tập

1. Gạch dưới những bờ ngữ trong đoạn văn sau :

Chúng tôi đốt đồng lửa và nằm nghỉ ngay trên bờ biển. Chiều xuống đẹp tuyệt vời. Nước biển xanh sẫm vào những tảng đá ở phía dưới, gần chỗ chúng tôi nằm. Trên đầu, trời xanh thăm thẳm, yên lặng và trang nghiêm.

2. Hãy thêm những bờ ngữ thích hợp vào chỗ trống :

Dòng suối xuyên ... suối lườn ...

*3. Hãy viết một đoạn văn trong đó có sử dụng bờ ngữ (trước và sau).
Viết xong, hãy gạch dưới những bờ ngữ ở trong đoạn.

THUẬT CHUYỆN

(Trả bài)

I - Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

II - Yêu cầu

1. Rút kinh nghiệm bài đã viết về các mặt sau :

- Cách triển khai nội dung theo ba phần của câu chuyện (Mở đầu - Diễn biến - Kết thúc)

- Lời diễn đạt trong bài (rành mạch, bộc lộ rõ cảm xúc và suy nghĩ, dùng từ, đặt câu, viết đúng chính tả).

2. Viết lại đoạn Mở đầu và Kết thúc câu chuyện nói về việc tốt đã làm. (Làm ở nhà).

Tiết 2

THUẬT CHUYỆN

(Lập dàn bài - Tập nói)

I - Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hoặc được chứng kiến ở địa phương em.

II - Yêu cầu

1. Lập dàn bài cho đề văn nói trên, dựa vào gợi ý như ở tiết 1 Tuần 17 (Lưu ý : có thể chọn việc tốt do em làm trực tiếp hoặc một việc tốt mà em được chứng kiến người khác đã làm).

3. Dựa vào dàn bài, em tập nói từng phần và cả bài văn.

TẬP ĐỌC

73. TIẾNG ĐÀN ĐẶNG THÁI SƠN

Đặng Thái Sơn soát lại tất cả một lần nữa, chỗ ngồi, tư thế, âm thanh. Tất cả đều rất hoàn hảo. Anh khẽ gật đầu với người chỉ huy dàn nhạc. Bản Công-xéc-tô của anh vang lên.

Ngay lập tức cả nhà hát bị bản nhạc hút theo. Mọi người gần như nín thở theo dõi người nghệ sĩ trẻ. Ngón tay điều



luyện của anh lướt trên phím đàn làm mọi người nghe thấy tiếng lòng của Sô-panh hơn một trăm năm trước. Tiếng đàn làm người nghe buồn theo nỗi buồn sâu lắng của Sô-panh, nhớ thương cùng sự nhớ thương man mác của Sô-panh. Rồi tiếng đàn đem lại cho mọi người một niềm vui trong sáng, lòng hân hoan pha lẫn một sự khao khát sống, khao khát yêu mãnh liệt.

... Khi bản Công-xéc-tô vừa chấm dứt, cả nhà hát dậy lên tiếng vỗ tay hoan hô nồng nhiệt. Đặng Thái Sơn cúi chào ba lần mà tiếng hoan hô vẫn chưa dứt.

Theo HUỖNH DỨNG NHÂN

Chú giải

- *Đặng Thái Sơn* : Nghệ sĩ đàn pi-a-nô, người đã đoạt giải nhất kì thi âm nhạc quốc tế mang tên Sô-panh năm 1981 tại Ba Lan.
- *Công-xéc-tô* : Bản nhạc sáng tác cho một loại nhạc cụ có đàn nhạc đệm theo.
- *Sô-panh* : Nhạc sĩ thiên tài Ba Lan (1810-1844). Ông đã có nhiều bản nhạc nổi tiếng sáng tác cho đàn pi-a-nô.
- *Hoàn hảo* : Tốt hoàn toàn, không có chút thiếu sót nào.
- *Điều luyện* : Được trau dồi đạt đến trình độ cao (nói về nghệ thuật, kĩ thuật).
- *Nồng nhiệt* : Đầy nhiệt tình, biểu hiện tình cảm thấm thiết.

Hướng dẫn đọc

Đọc nhẹ nhàng đoạn tả tiếng đàn của Đặng Thái Sơn, đọc sôi nổi đoạn cuối nói về thành công của anh.

Tìm hiểu bài

1. Tìm các từ ngữ tả sức hấp dẫn, sự gợi cảm của tiếng đàn Đặng Thái Sơn ?

2. Đặng Thái Sơn đã thành công trong cuộc thi. Những từ ngữ nào diễn tả sự thành công đó ?

Luyện tập

Đặt câu với mỗi từ ngữ : *điều luyện*, *nỗi buồn sâu lắng*, *sự nhớ thương man mác*.

HỌC THUỘC LÒNG

74. TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

Trên sông Đà
Một đêm trăng chơi vơi
Tôi đã nghe tiếng Ba-la-lai-ca



Một cô gái Nga mái tóc màu hạt dẻ
Ngón tay đan trên những sợi dây đồng.

Lúc ấy

Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông

Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ

Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ

Chỉ còn tiếng đàn ngân nga

Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.

Ngày mai

Chiếc đập lớn nổi liền hai khối núi

Biên sẽ nằm bờ ngõ giữa cao nguyên

Sông Đà chia ánh sáng đi muôn ngả

Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên.

QUANG HUY

Chú giải

- *Đàn ba-la-lai-ca* : Một loại đàn của dân tộc Nga
- *Sông Đà* : Sông lớn chảy qua các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình rồi đổ vào sông Hồng. Ở Hòa Bình, trên sông này, chúng ta đã xây dựng một công trình thủy điện lớn.

Hướng dẫn đọc

- Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, tươi vui.
- Chú ý ngắt hơi sau những dòng thơ ngắn (2,3 tiếng).

Tìm hiểu bài

1. Đọc những câu thơ tả cảnh sông Đà trong đêm trăng đẹp.
2. Tìm những câu thơ tả cô gái Nga và tiếng đàn của cô.
3. Năm câu thơ cuối diễn tả sự tưởng tượng của tác giả về cảnh sông Đà trong tương lai. Em thích hình ảnh, hoặc từ ngữ nào ?

Luyện tập

- Em hãy chuyển ý đoạn thơ cuối bài thành văn xuôi.
- Học thuộc lòng từ đầu đến "lấp lánh sông Đà".

BÀI ĐỌC THÊM

75. CHUYỆN CÂY KHẾ THỜI NAY

Câu chuyện cổ tích *Cây khế* "Ăn một quả trả cục vàng, mang túi ba gang, đem theo mà đựng" người lớn ai cũng biết. Còn các bạn nhỏ thì thuộc lòng.

Thế nhưng cây khế nhà bà Tư - mẹ liệt sĩ - thì các bạn nhỏ vô tình không biết tới. Bà chỉ có hai người con là bộ đội đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Hiện nay bà sống một mình, tuổi đã già yếu. Nhà bà có cây khế ngọt trong vườn, thỉnh thoảng bà hái đem đi bán để kiếm thêm tiền mua trâu cày.

Chờ lúc bà vắng nhà, các bạn nhỏ tha hồ leo lên cây, vừa bứt lá vừa hái quả. Nhiều lần như thế, bà Tư biết nhưng không hề than thở với một ai. Một hôm bà trở về bất ngờ và gặp các bạn đang còn ở trên cây.

Bà hiền từ nói :

- Các cháu xuống cẩn thận từng cháu một, kéo té thì khổ bà. Rồi các cháu vào đây bà kể chuyện cổ tích cho nghe.

Bà không trách mắng một bạn nhỏ nào. Bà nhỏ nhẹ kể cho các bạn nghe chuyện cây khế. Câu chuyện cổ tích bạn nào cũng biết, cũng thuộc, mà lần này mới thấy thấm, mới hiểu hết ý nghĩa của nó về một sự vô ơn và lòng tham lam.

Từ buổi nghe kể chuyện đó, các bạn nhỏ thường xuyên đến nhà bà Tư để chăm sóc, giúp bà những việc nhỏ trong nhà hoặc trèo lên cây khế hái quả cho bà đem ra chợ bán.

HUỲNH QUANG NAM

BÀI DỌC THÊM

76. CHỢ TA-SKEN

Chúng tôi ra thăm cảnh chợ. Người chen chúc, đông vui, náo nhiệt. Màu sắc ngồn ngộn của hoa quả, của áo quần như càng khiến cho cái náo nhiệt tăng thêm. Hoa quả nhiều lạ lùng. Nho chắt thành đồng lớn như đồi trên các quầy hàng, quả tròn hoặc bầu dục, xanh lơ hoặc tím mọng. Lựu phô màu đỏ chói. Đào vàng mướt mướt lông tơ. Những quả táo to bằng nửa nắm tay, màu xanh non mơn mớn. Dây hàng mật ong, mật chứa trong những bình lớn, óng lên như hồ phách. Bà nhà hàng khêu một tí mật đặc trên đầu mũi dao ăn, tươi cười mời nếm thử.

Người qua lại trộn lẫn màu sắc. Đàn ông mặc áo sơ mi dính những nếp nhăn dọc hai ống tay và mép cài khuy, đầu chụp gọn trong chiếc mũ vải vuông nhỏ. Phụ nữ xúng xính trong chiếc áo dài rộng bằng lụa. Trên áo những đường vân xanh, đỏ, tím, vàng chạy dọc, óng ả chờn vờn như sóng nước hồ. Nước da của họ ngăm bảnh mặt. Lông mày nhỏ uốn vòng cung. Khuôn mặt bầu bầu chứa cho bớt nhô đôi gò má cao kiêu người châu Á. Tóc đen như mun tết thành hai bím thông dài mãi xuống quá thắt lưng khẽ ve vẩy theo nhịp bước...

BÙI HIẾN

Chú giải

- *Ta-sken* : Thủ đô nước U-dơ-bê-ki-stan.
- *Hồ phách* : Nhựa cây vùi dưới đất lâu đời kết rắn lại, sắc vàng nâu. trong suốt, trước kia thường dùng làm khuy áo, hoa tai.
- *Mơn mơn* : Non và tươi (cây cỏ mơn mơn).
- *Xúng xính* : Mặc áo quá dài rộng.
- *Mun* : Loại gỗ màu đen, rất quý.

CHÍNH TẢ

Chính tả (trí nhớ)

I - Bài viết

Hành quân giữa rừng xuân
(Viết 6 câu đầu bài thơ).

II - Viết đúng

- Rừng, tiếng, nguy trang, tiền tuyến.
- Súng, dăm dài, gió ngàn.

III - Luyện tập

1. Điền vần *oa* hay *ua* ?

- t ... tàu, th ... cờ, cái l ..., được th ..., ông v ...

2. Tìm 2 từ lấy phụ âm *nh* (nhùng nhằng), 2 từ lấy phụ âm *d* (dông dài), 2 từ lấy phụ âm *gi* (giây giụa) và viết các từ đó vào vở.

TỪ NGỮ

BÁC HỒ

I - Ôn tập và mở rộng từ ngữ

1. "Đêm nay bên bến Ô Lâu
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ



Nhớ hình Bác giữa bóng cờ
 Hồng hào đôi má, bạc phơ mái đầu
 Mắt hiền sáng tựa như sao
 Bác nhìn đến tận Cà Mau sáng ngời
 Nhớ khi trăng sáng đầy trời
 Trung thu Bác gởi những lời vào thăm
 Nhớ ngày quê cháu tan hoang
 Lụt trôi, Bác gởi lúa vàng vào cho
 Nhớ khi nhà cháu ra tro
 Bác đưa bộ đội về lo che giùm..."

Thanh Hải

Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả Bác Hồ ?

2. Ngoài tên gọi Hồ Chí Minh, em biết Bác Hồ còn có những tên nào khác ? (Ví dụ : Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Ái Quốc...)

3. Tìm những từ ngữ diễn tả tình cảm của nhân dân ta đối với Bác Hồ ? (Ví dụ : kính yêu, biết ơn ...)

4. Tìm những từ ngữ diễn tả tình cảm của Bác Hồ đối với các cháu thiếu nhi ? (Ví dụ: chăm sóc, yêu quý, dạy bảo ...)

II - Luyện tập

1. Em hãy chỉ ra *phép so sánh* được sử dụng trong câu ca dao dưới đây :

Cụ Hồ là vị Cha chung
 Là sao Bắc đẩu, là vừng thái dương.

2. Tìm những từ chỉ Bác Hồ trong đoạn thơ sau :

Mình về với Bác đường xuôi
 Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người
 Nhớ ông Cụ mắt sáng ngời...

(Tố Hữu)

3. Từ *nhớ* và từ *mong* trong hai dòng thơ dưới đây giống nghĩa nhau ở chỗ nào, khác nghĩa nhau ở chỗ nào ?

Bác *nhớ* miền Nam, nỗi *nhớ* nhà
 Miền Nam *mong* Bác, nỗi *mong* Cha

(Tố Hữu)

4. Đặt câu với mỗi từ sau : *kính yêu, biết ơn, nhớ thương* ...

ÔN TẬP

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
1	Danh từ	- Từ chỉ người, vật hoặc việc. - Danh từ cụ thể là danh từ chỉ người, vật... có thể cảm nhận trực tiếp bằng giác quan. - Danh từ trừu tượng là danh từ chỉ người, vật không thể cảm nhận trực tiếp bằng giác quan.
2	Động từ	- Từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người hay vật. - Động từ không đối tượng là động từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người hoặc vật được nêu lên trong chủ ngữ và chỉ tác động đến người hoặc vật đó. - Động từ có đối tượng là động từ chỉ hoạt động của người hay vật được nêu lên trong chủ ngữ và thường tác động đến người, vật khác.
3	Tính từ	- Từ chỉ tính chất của người, vật, việc. - Các loại tính từ thường được dùng : chỉ phẩm chất, chỉ màu sắc, chỉ trọng lượng, chỉ kích thước.
4	Đại từ chỉ ngôi	- Từ thay thế cho danh từ trong câu hoặc để xưng hô. - Đại từ chỉ ngôi có ba ngôi : ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

THUẬT CHUYỆN

(Làm bài viết)

I- Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hoặc được chứng kiến ở địa phương em.

II- Yêu cầu

Làm bài viết tại lớp.

III - Tham khảo (Thuật lại một việc tốt được chứng kiến).

Đi học về, em đang tung tăng bước trên đường phố Trần Hưng Đạo thì thấy một em bé gái chừng ba, bốn tuổi đang bị bỏ rơi. Bên cạnh là một bạn gái chạc tuổi em có khuôn mặt dễ mến đang dắt em bé đi, vừa đi vừa dỗ dành em. Chốc chốc em bé lại hỏi : "Mẹ đâu ? Mẹ đâu ?". Người bạn gái dịu dàng đáp : "Ừ chị đang dẫn em về với mẹ đây mà !". Vừa nói, bạn vừa chỉ tay về phía trước mặt. Em bước lại gần hỏi khẽ : "Em bạn đấy à ?" Bạn đó mỉm cười, rồi nói nhỏ với em : "Không, em bé chắc là bị lạc mẹ, mình đang dẫn đến đồn công an nhờ các chú giúp đỡ". Nói xong, bạn bế em bé lên, sang qua đường đến đồn công an nhờ các chú tìm hộ mẹ em bé. Vừa hay lúc ấy, một cô còn trẻ, hớt hơ hớt hải chạy lại. Em nhỏ mừng rỡ reo lên :

Mẹ ! Mẹ !

Cô nhận ra con mình, sung sướng ôm chầm lấy con và ngỏ lời cảm ơn chú công an. Chú công an vui vẻ đáp :

- Đây không phải công của chúng tôi mà là của em gái này đây.

Người mẹ nắm chặt tay bạn gái, trầm trồ không ngớt :

- Quý hóa quá ! Thật là quý hóa !

(Theo bài của Nguyễn Thanh Yên)

Tiết 2

THUẬT CHUYỆN

(Trả bài)

I - Đề bài

Hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hoặc được chứng kiến ở địa phương em.

II - Yêu cầu

Rút kinh nghiệm bài viết theo hướng dẫn của thầy giáo (cô giáo) như ở tiết trả bài tuần trước.

Ôn lại cách làm bài văn tả cảnh, kể chuyện (đã đọc, đã nghe), thuật chuyện (việc tốt đã làm hoặc chứng kiến) để chuẩn bị làm bài kiểm tra cuối lớp 4.

TẬP ĐỌC

77. BÁC RẤT THƯƠNG LOÀI VẬT

Lúc ở chiến khu, Bác Hồ nuôi một con chó, một con mèo và một con khỉ. Thông thường thì ba loài đó vốn chẳng ưa nhau. Không biết Bác dạy thế nào mà chúng lại quấn quýt nhau, thường đùa giỡn, không hề trêu chọc hay cắn nhau bao giờ.

Mỗi lần dời nhà đi, có khi phải hai ngày mới tới chỗ mới, bao giờ con khỉ cũng nhảy phốc lên ngồi trên lưng con chó to. Hễ con chó đi chậm, con khỉ cấu hai tai chó giật giật. Con chó chạy sai thì khỉ gò lưng như người phi ngựa. Chó chạy thong thả, khỉ buông thõng hai tay, ngồi ngúc nga ngúc ngắc. Ai trông thấy cũng phải cười. Con mèo đen có đốm trắng thì ngoao ngoao, lững thững chạy theo.

Con khỉ này rất nghịch nên các anh bảo vệ thường phải cột dây. Khi Bác ăn cơm, Bác mở dây và cho nó ăn. Bữa nọ Bác vừa quay lưng ngó ra sân, nó bèn rón rén tới bốc trộm cơm của Bác và ngồi yên, giấu nắm cơm trong tay vờ như không có gì xảy ra. Tôi vội kêu : "Sao mày bốc cơm của Bác ?" Con khỉ vội lom khom chạy đi, vừa chạy vừa quay lại nhìn như sợ Bác giận. Bác mỉm cười, nụ cười rất hiền lành.

DIỆP MINH CHÂU kể
ĐOÀN GIỎI ghi

Chú giải

Quấn quýt : Luôn luôn ở bên nhau như không thể rời ra vì yêu mến, quyến luyến.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc thong thả, mạch lạc làm rõ các chi tiết trong truyện. Chú ý đọc nhấn mạnh một số động từ, tính từ trong đoạn 2 để làm nổi các động tác của ba con vật được miêu tả.

Tìm hiểu bài

1. Kể lại các chi tiết trong bài chứng tỏ ba con vật luôn quấn quýt nhau ?
2. Tìm các động từ, tính từ tả hoạt động của ba con vật trên đường chuyển nhà và tả con khỉ bốc trộm cơm.
3. Vì sao bài có đầu đề "Bác rất thương loài vật" ?

Luyện tập

Nếu vẽ tranh minh họa, em chọn vẽ cảnh nào ? Vì sao ?

HỌC THUỘC LÒNG

78. TRỞ VỀ TÒ QUỐC



Ôi sáng xuân nay, xuân 41

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về ... Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ...

Bác đã về đây, Tổ quốc ơi !

Nhớ thương, hồn đất ấm hơi Người

Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ

Mà đến bây giờ mới tới nơi...

TỔ HỮU

(Trích "Theo chân Bác")

Chú giải

Xuân 41 : Mùa xuân năm 1941, Bác Hồ trở về Tổ quốc sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước.

Hướng dẫn đọc

Toàn bài đọc với giọng tha thiết thể hiện niềm vui mừng của đất nước đón Bác trở về. Chú ý ngắt nhịp :

Bác về... / Im lặng /. Con chim hót

Thánh thót bờ lau, / vui ngẩn ngơ

Tìm hiểu bài

1. Câu thơ nào miêu tả cảnh đẹp của núi rừng biên giới khi đón Bác về ?

2. Hai dòng thơ :

Bác về ... Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ...

có gì đặc biệt ? Nhà thơ diễn tả cảm xúc gì ?

3. Những câu thơ nào trong bài nói lên nỗi gian nan vất vả của Bác Hồ trong cuộc hành trình 30 năm đi tìm đường cứu nước ?

Luyện tập

Em hãy diễn xuôi khổ thơ đầu.

BÀI ĐỌC THÊM

79. TÌM LỐI SANG SUỐI

Đơn vị tiền tiêu có bảy người đi trước. Tất cả đều hướng ra chiến dịch biên giới. Tháng sáu, tháng bảy ta, ở miền núi thường có những trận mưa to. Hễ mưa là nước suối dâng lên rất dữ. Những người không quen với suối rừng, khi có lũ thường bị chậm lại. Liều mà đi sẽ rất nguy hiểm. Đơn vị tiền tiêu đưa Bác Hồ ra chiến dịch gặp tình trạng như vậy ở con suối.

Mấy anh em cùng đi với Bác thảo luận rất lâu tìm lối sang suối.

Thấy mỗi người một ý, Bác mới hỏi :

- Các chú đã tìm hết lối sang suối chưa ?

- Thưa Bác, chúng cháu đã tìm hết rồi, xem chừng chỗ này nước nông hơn, đá nhỏ và nước không chảy xiết lắm.

- Thế vừa rồi các chú đi tìm lối sang suối ở bờ suối ?

- Thưa Bác, vâng.

Bác cười. Anh em ngạc nhiên đều đổ dồn con mắt vào Bác. Bác đưa tay chỉ và ôn tồn nói :

- Ở đây, hai bên suối đều có ruộng nương của đồng bào. Chả nhẽ những ngày mưa lũ, đồng bào ở đây lại không đi ruộng nương ? Các chú tìm lối sang suối lại tìm ở bờ suối, thế là các chú không biết dựa vào dân.

Bác vừa nói xong, hai người vội vàng chạy lên bản của đồng bào cách đấy không xa. Vừa vào bản một nháy mắt, các đồng chí liền chạy ra gọi ơ ơ :

- Có cầu ! Có cầu !

Cả đoàn người ngược theo suối thì thấy một cái cầu tre bắc qua ngọn cây rất chắc chắn.

Qua khỏi cầu, không ai bảo ai, nhưng mỗi người đều tự nhắc trong lòng điều Bác dạy : từ việc nhỏ đến việc lớn đều phải biết dựa vào dân.

ĐINH THIÊN THI

Chú giải

Đơn vị tiền tiêu : Ở đây chỉ nhóm người đi trước đề dò đường.

BÀI ĐỌC THÊM

80. GIẾNG NƯỚC BÁC HỒ

Làng con nghèo ở ngoại ô
Một chiều vui được Bác Hồ về thăm
Bác xem chỗ ở, chỗ ăn

Đến bên giếng nước, bắn khoăn Bác buồn :
- Làng ta rồi phải sạch hơn
Giữ cho đôi mắt như gương trong ngần.

Bác về, gửi gạch tặng dân
Giếng đầu của Bác ở sân đình làng
Tròn xoe dưới một tán bàng
Mỗi gàu nước - một đầy tràn thương yêu.
Lòng Cha chia khắp xóm nghèo
Ai đo mực nước trong veo giếng này ?

Cả làng đau mắt xưa nay
Bác về, như có bàn tay thần kì

Tình thương lòng Bác chờ che
Giếng khơi trong vắt bốn bề mọc lên
Bác cho con gái mắt huyền
Cụ già mắt sáng, trẻ em mắt tròn...
Tin đâu sét đánh làng con
Bác không còn ?

Bác không còn !

Bác ơi !

Cả làng không hẹn, không mời
Bước chân tụ lại một nơi - giếng đình

Cúi đầu, tay nắm vòng quanh
Đò hoe bờ giếng ân tình - Bác ơi !
Giếng đầy còn có khi vơi
Lòng con nhớ Bác khôn nguôi bao giờ.

10/1969

PHAN THỊ THANH NHÀN

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc)

I - Bài viết

Những bông hoa tím

(Những người già trong làng ... những buổi chiều như chiều nay).

II - Viết đúng

- Người già, sừng trường, xuống biển.

- Buổi chiều, cát trắng, hi sinh.

III - Luyện tập

1. Điền an hoặc ang vào chỗ trống :

- Nhà cửa s... sát, phố xá dọc ng... thẳng h...
- Máy chú ng... con giăng hàng ng... đi tìm mồi.
- Trên đài qu... sát, anh chiến sĩ nhìn thấy xe pháo ngồn ng...

2. Phân biệt trường với chường.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

1. Câu thơ của Tố Hữu :

"Tàu bay hấn bắn sớm trưa

Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò"

nói lên phẩm chất gì của mẹ Suốt ?

2. Tìm những từ ngữ nói về sự kiên trì, lòng dũng cảm và lòng trung thành với cách mạng của bà mẹ Việt Nam yêu nước trong đoạn thơ sau:

"Mẹ đào hầm từ lúc tóc còn xanh

Nay mẹ đã phơ phơ đầu bạc

Mẹ vẫn đào hầm dưới tầm đại bác

Bao đêm rồi tiếng cuộc vọng năm canh"

(Dương Hương Li)

3. Một số thanh thiếu niên hiện nay thường dùng nhiều tiếng lóng, tiếng thô tục khiến cho lời nói của họ thiếu trang nhã. Em hãy nêu ra một số tiếng lóng và thay thế chúng bằng những từ ngữ văn hóa, từ ngữ phổ thông tương ứng :

Ví dụ : *phe* = buôn bán ; *dầy* = bán ; *cắm* (quán) = mua chịu.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP

Hai bộ phận chính của câu

1	Chủ ngữ	- Chỉ người, vật, việc ... được nêu lên để nhận xét hoặc miêu tả trong câu. - Câu có thể có một chủ ngữ hay có nhiều chủ ngữ. - Thường đứng trước vị ngữ.
2	Vị ngữ	- Báo về hoạt động, trạng thái, tính chất... của người hoặc vật, việc... được nêu ở chủ ngữ. - Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ. - Thường đứng sau chủ ngữ.

Các bộ phận phụ trong câu

1	Trạng ngữ	- Là bộ phận bổ sung ý nghĩa tình huống cho câu. - Bổ sung ý nghĩa về nơi chốn, thời gian, nguyên nhân, mục đích. - Câu có thể có một hay nhiều trạng ngữ.
2	Định ngữ	- Là những từ ngữ làm rõ thêm nghĩa cho danh từ trong câu. - Định ngữ đứng trước danh từ là định ngữ chỉ khối lượng hoặc số lượng. - Định ngữ đứng sau danh từ là định ngữ làm rõ thêm nghĩa về đặc điểm riêng của sự vật. - Danh từ trong câu có thể có cả định ngữ trước và định ngữ sau.
3	Bổ ngữ	- Là những từ ngữ bổ sung thêm ý nghĩa cho động từ hoặc tính từ. - Có bổ ngữ đứng trước và bổ ngữ đứng sau từ chính (là động từ hoặc tính từ). - Động từ (hoặc tính từ) trong câu có thể có một hoặc nhiều bổ ngữ.

TẬP LÀM VĂN

Tiết 1

BÀI KIỂM TRA TẬP LÀM VĂN (Làm tại lớp)

I - Đề bài (do giáo viên chọn 1 trong 3 đề dưới đây)

1. Hãy tả lại một cảnh đẹp mà em yêu thích ở địa phương em.
2. Kể lại truyện "Sơn Tinh - Thủy Tinh" (đã học ở lớp 2) bằng lời của nhân vật *Sơn Tinh* hoặc *Thủy Tinh*.
3. Một việc tốt trong gia đình em (do ông, bà, bố, mẹ hoặc anh, chị, em ... của em đã làm) từng đề lại cho em ấn tượng đẹp đẽ. Em hãy thuật lại việc tốt đó.

II - Yêu cầu

Theo yêu cầu của đề bài (do giáo viên chọn), em thực hiện tốt các bước sau :

1. Nhớ lại, tìm ý, lập dàn bài (ghi rõ ý chính).
2. Viết bài (chú ý tránh lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu).
3. Đọc lại bài, sửa chữa chỗ cần thiết.

Tiết 2

TRẢ BÀI KIỂM TRA

MỤC LỤC

Tuần lễ	Bài số	Tập đọc - Học thuộc lòng	Trang	Chính tả - Từ ngữ - Ngữ pháp - Tập làm văn	Trang
		Chủ đề THIÊN NHIÊN			
1	1	TĐ : Trung thu độc lập	4	CT : Trung thu độc lập	9
	2	HTL : Đi thuyền trên sông Đáy	6	TN : Giang sơn - đất nước	10
	3	ĐT : Con chuồn chuồn nước	8	NP : Tiếng Việt - chữ Việt	12
	4	ĐT : Những cánh bướm bên bờ sông	9	TLV : - Tả đồ vật (quan sát, tìm ý) - Tả đồ vật (bài viết)	13 15
2	5	TĐ : Con cáo đẹp	16	CT : Đi thuyền trên sông Đáy	20
	6	HTL : Trăng lên	17	TN : Thiên nhiên	21
	7	ĐT : Cảnh mùa hè	19	NP : Câu và từ - Từ, tiếng và chữ	22
	8	ĐT : Rừng cọ quê tôi	19	TLV : - Tả đồ vật (trả bài) - Tả đồ vật (Dàn bài - Tập nói)	24 25
3	9	TĐ : Cá heo ở biển Trường Sa	27	CT : Trăng lên	32
	10	HTL : Mưa xuân trên biển	29	TN : Biển cả	33
	11	ĐT : Đám ma bác giun	30	NP : Các bộ phận của tiếng - Nguyên âm và phụ âm	35
	12	ĐT : Bài ca bắt cá	31	TLV : - Tả đồ vật (làm bài viết) - Tả đồ vật (trả bài)	36 37
4	13	TĐ : Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên	38	CT : Cá heo ở biển Trường Sa	43
	14	HTL : Động Hương Tích	40	TN - Thắng cảnh	44
	15	ĐT : Bài ca săn voi	42	NP - Câu kể - Dấu chấm	45
	16	ĐT : Cảnh làng Đam San	43	TLV - Tả cây cối (quan sát, tìm ý) - Tả cây cối (bài viết)	46 47
5	17	TĐ : Đất Cà Mau	49	CT : Mưa xuân trên biển	54
	18	HTL : Đất nước	51	TN : Tây Nguyên	55
	19	ĐT : Vườn quả củ lao sông Tiền	52	NP : Câu hỏi - Dấu chấm hỏi	56
	20	ĐT : Những chú gà xóm tôi	53	TLV : - Tả cây cối (trả bài) - Tả cây cối (Dàn bài - Tập nói)	58 59

6	21	TĐ : Con chó bắc	60	CT : Chim gáy	65
	22	HTL : Quê hương	61	TN : Miền Nam	66
	23	ĐT : Quê hương ruột thịt	63	NP : Câu cầu khiến - Dấu chấm cảm	69
	24	ĐT : Phong cảnh sông Vồn-ga	64	TLV : - Tả cây cối (bài viết) - Tả cây cối (trả bài)	70 72
7	25	TĐ : Trên con tàu vũ trụ	73	CT : Những chú gà xồm tồ	79
	26	HTL : Bài ca về cây táo	74	TN : Quê hương	79
	27	ĐT : Luông Pha-bang	76	NP : Câu cảm - Dấu chấm cảm	80
	28	ĐT : Ăng-co Vát	77	TLV : Tả loài vật (quan sát, tìm ý) - Tả loài vật (bài viết)	82 84
Chủ đề GIA ĐÌNH					
8	29	TĐ : Tôi lại có gia đình	87	CT : Bài ca về cây táo	91
	30	HTL : Mẹ vắng nhà ngày bão	88	TN : Ôn tập	92
	31	ĐT : Ôn bố mẹ	90	NP : Câu hội thoại - dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép	92
	32	ĐT : Quà tặng cha	90	TLV : - Tả loài vật (trả bài) - Tả loài vật (dàn bài - tập nói)	94 95
9	33	TĐ : Gió lạnh đầu mùa	97	CT : Phân biệt dấu ? và dấu ~	102
	34	HTL : Mùa hạ đi đâu	99	TN : Công cha, nghĩa mẹ	103
	35	ĐT : Giây phút thiêng liêng	100	NP : Sử dụng câu trong khi nói và khi viết	104
	36	ĐT : Nói với con	101	TLV : - Tả loài vật (bài viết) - Tả loài vật (trả bài)	105 107
10	37	TĐ : Ba cô gái	108	CT : Quà tặng cha	113
	38	HTL : Khúc hát ru	110	TN : Ông cháu - Bà cháu	114
	39	ĐT : Ru em	111	NP : Ôn tập	115
	40	ĐT : Con chả biết được đâu	112	TLV : - Kiểm tra (tập lớp) - Trả bài	117 117
Chủ đề NHÀ TRƯỞNG					
11	41	TĐ : Em phải học	119	CT : Em phải học	123
	42	HTL : Nghe thầy đọc thơ	121	TN : Anh em - Chị em	124
	43	ĐT : Người thầy đạo cao đức trọng	122	NP : Danh từ	125
	44	ĐT : Vườn trong thư viện	123	TLV : - Tả cảnh (tìm ý, dàn bài) - Tả cảnh (bài viết)	127 128

12	45	TĐ : Mẫu giấy vụn	130	CT : Nghe thầy đọc thơ	134
	46	HTL : Hoa gạo	131	TN : Thầy trò	135
	47	ĐT : Páp-lốp	132	NP : Động từ	136
	48	ĐT : Gọi bạn	133	TLV : - Tả cảnh (trả bài) - Tả cảnh (dàn bài - tập nói)	137 137
Chủ đề XÃ HỘI					
13	49	TĐ : Đào trưởng thọ	141	CT : Hươu và Rùa	145
	50	HTL : Bài ca võ đất	142	TN : Học tập	147
	51	ĐT : Người bán mũ và đàn khỉ	144	NP : Tính từ	148
	52	ĐT : Nghịch ác	144	TLV : Tả cảnh (bài viết)	149
14	53	TĐ : Lê-nin trong hiệu cắt tóc	150	CT : Páp-lốp	153
	54	HTL : Tục ngữ về đạo đức nhân dân ta	151	TN : Tình bạn	154
	55	ĐT : Theo cha xuống lò	152	NP : Đại từ chỉ ngôi	155
	56	ĐT : Con chó chết đuối	153	TLV : - Tả cảnh (dàn bài, tập nói) - Tả cảnh (bài viết)	156 157
15	57	TĐ : Thầy thuốc là mẹ hiền	159	CT : Bài ca võ đất	164
	58	HTL : Nhớ những ngày kháng chiến	161	TN : Ôn tập	164
	59	ĐT : Đeo càv giữa đường	162	NP : Hai bộ phận chính của câu	165
	60	ĐT : Lão nông và các con	163	TLV : - Tả cảnh (trả bài) - Kể chuyện (dàn bài, tập nói)	167 168
16	61	TĐ : Hai kiểu áo	170	CT : Theo cha xuống lò	174
	62	HTL : Nghệ nhân Bát Tràng	172	TN : Đạo đức	175
	63	ĐT : Thợ rèn	173	NP : Bộ phận phụ của câu : trạng ngữ	176
	64	ĐT : Cậu bé và con chim	174	TLV : - Kể chuyện (bài viết) - Kể chuyện (trả bài)	178 178
17	65	TĐ : Cử người phò vua giúp nước	179	CT : Phân biệt văn <i>ăn</i> với văn <i>ăn</i>	184
	66	HTL : Hành quân giữa rừng xuân	181	TN : Lòng trung thực	185
	67	ĐT : Những bông hoa tím	183	NP : Định ngữ	186
	68	ĐT : Chuyện ông Vũ Tụ	184	TLV : - Thuật chuyện (dàn bài, tập nói) - Thuật chuyện (bài viết)	188 189



UNICEF

**SÁCH ĐƯỢC IN VỚI SỰ TÀI TRỢ CỦA
QUỸ NHI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC - UNICEF**

huongmaitruongxua.v

TIẾNG VIỆT 4
SÁCH CẤP I PHỔ CẬP

Mã số : 4P401t4

Số XB : 908B/GK/GD

Số đăng ký : 16

In 15.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm.

**Tại xí nghiệp in Quốc doanh
QN-ĐN, 24 Lê Duẩn - Đà Nẵng.**

**In xong và nộp lưu chiểu tháng
7-1994.**

Giá 4.200^d